

VĂN - HÓA

NGUYỆT - SAN

CƠ - QUAN NGHIÊN - CỨU VÀ PHỔ - THÔNG

Wason
DS 522
V 651



GIÁ BÁN TOÀN-QUỐC:

1 số. 24\$
1 năm (10 số). 240\$

MỤC-LỤC

(V.H.N.S. SỐ 21 THÁNG 5 NĂM 1957)

ố trang

Số trang

I.— Văn-Hóa Việt-Nam.

- Những cải-cách của nhà Hồ
(*Nguyễn-Cương*) 349
- Dự-cảm trong thi-văn
Việt-Nam (*Văn-Thôn*) . . . 355
- Một thi-gia cận-dại:
Vũ-Phạm-Hàm (*Văn-Chung*). 360
- Nha - Trang du-ký
(*Duy-Việt*) 368
- Chuyện ngắn xã-hội:
- I- Chí-công (*Thềm Đất*) . . . 378
- II- Ngâm-ngùi (*T.Đ*) 380
- Kịch thơ : Tình sơn-cước
(*Nguyễn-hoài-Hổi*). . . . 381
- Nhân về giúp nước (*N.H.*) . 392
- Nguyễn-Tri-Phương
(*Anh Nguyễn*). 393
- Tài-liệu ngôn-ngữ
- Quốc-văn biện-chính
(*Trần-văn-Thước*) 402
- Danh-từ kỹ-thuật
(*Trần-văn-Bạch*) 405

II.— Văn-Hóa thế-giới :

- Đạo-đức kinh quốc-văn
giải-thích (tiếp theo)
(*Nghiêm dịch thuật.*) . . . 409
- Thân-thể và sự-nghiệp
nhà văn Pearl Buck
(*Nguyễn-đình-Hòa*). . . . 420
- Chàng Không-Lồ và nàng
Công-Chúa (*Bạch-Linh
lược-thuật*) 429
- Văn chuyện Hòa-tinh
(*Nguyễn-chung-Tú*). . . . 431
- Thi-ca đời Đường
(*Nguyễn-quảng-Xương*) . 435
- Thám hiem không-trung
(*Huy-Xương*) 438
- Thả tù (*Phá-quân dịch*). . . 449
- Không-Tử (*Trần-t-Khải*). . 451
- Thanh-Niên
(*Bùi-Lương trích-dịch*). . . 455

III.— Tin-tức Văn-Hóa

- Tin trong nước. 456
- Tin ngoài nước. 464

Tranh ảnh trong số này :

- Chùa Thiên-Mụ (Huế)
- Hòa Chông (Nha-Trang)





NHỮNG CẢI-CÁCH CỦA NHÀ HỒ

(1400 — 1407)

của NGUYỄN-CƯƠNG

Lần giở sự-tích nhà Hồ, ta không khỏi ngậm-ngùi, thương-tiếc : thương-tiếc vì một nhân-vật lỗi-lạc như Hồ-Quý-Ly mà đã sa vào tay quân Tàu, đến nỗi tấm thân phải đầy-đọa nơi đất khách quê người, ngậm-ngùi vì một kẻ có tài kinh-bang tế-thế như kia mà chỉ vì thiếu tinh-thần đạo-đức, coi thường nhân-vị, nên việc lớn không thành. Mới hay :

Thiện căn ở tại lòng ta,

Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.

Trong bất-cứ công-việc gì cũng như trên trường chính-trị, có năng-lực, mà không thu-phục được nhân-tâm, lại vô-tình hay hữu-ý, gieo mầm ác-cảm khắp mọi nơi, thì là tự mình chuốc lấy sự không hay. Thế-nhân thường nói : sử-ký là một bài học kinh-nghiệm. Vậy, thiết-tưởng ta cũng nên lược-khảo, dưới đây, những cải-cách của Hồ-Quý-Ly, và những nguyên-nhân chính làm cho họ Hồ thất-bại.

o°o

Nhà Hồ trị-vì trong có ngót mười năm, nhưng đã làm được nhiều việc cải-cách xã-hội quan-trọng, kể cả những phương-sách đã thi-hành, trước và sau khi tiếm ngôi.

I.— KINH-TẾ:

Về điền-địa, Hồ Quý-Ly muốn hạn-chế lòng tham-vọng của quý-tộc và các đại-điền-chủ, nên định rằng : ai có trên 10 mẫu ruộng, phải đem số ruộng thừa, nộp trả triều-đình để quân-phần cho nông-dân nghèo. Thật là một điều tai-hại cho nhiều kẻ quyền-quý hay cường-hào, xưa nay vẫn dùng đủ mọi cách, từ sự cần-kiệm đến việc hà-hiếp dân lành, để trở nên những nhà giàu-có, ruộng cả, ao liền.

Nhà vua lại cho đo lại điền-địa, để tránh sự gian-lậu. Nhưng điều đáng chú-y hơn cả, là năm 1.402, họ Hồ cho tướng là Đỗ-Mãn cất quân đánh Chiêm-Thành ; vua Chiêm phải dâng đất Chiêm-Động (Phủ Thăng-Bình, tỉnh Quảng-Nam bây giờ), và đất Cồ-Lụy (Quảng-Ngãi). Nhà Hồ liền đặt chức An-Phủ-Sứ để cai-trị hai vùng ấy, và cho dân không có ruộng mang vợ con vào ở, để khai-khản đất-dai. Thế là họ Hồ đã tạm giải-quyết được vấn-đề điền-địa và nạn nhân-mãn.

Về tiền-tệ, trước khi tiếm-ngôi, Quý-Ly đã đặt ra cách làm tiền giấy để thu tiền thật của dân. Ai làm giấy giả đều phải tội chém. Khi đã có dấu đóng, và phát hành ra rồi, thời dân phải tiêu ; còn bao nhiêu tiền đồng thì được tập-trung để nộp công-quĩ, ai giấu-giếm đều phải tội cũng như tội làm giấy giả. Nhờ đó, nạn tích-trữ tiền bạc đã được chấm dứt, thương-mại đã có cách khuếch-trương, và ngân-sách quốc-gia cũng có đủ phương-tiện để thực-hiện những công-cuộc canh-tân trong nước.

Ngoài thuế đinh và thuế điền, Quý-Ly lập ra những thuế mới đánh vào các thuyền buôn, để thêm một nguồn-lợi cho công-khố. Tuy nhiên, nhà Hồ không quên nghĩ đến những hạng vô-sản túng-thiếu ; vì vậy, triều-đình ấn-định thuế đinh căn-cứ vào điền-địa như trước, để những ai không có ruộng, và những cô-nhi quả-phụ, được miễn thuế.

II.— HÀNH CHÁNH,

Tại Triều-đình, Quý-Ly lấy màu sắc của vóc nhiều để phân ra phẩm trật ; trong nước, nhà vua đề các lệ như trước, nhưng còn chia ra từng địa-phương để đặt quan cai-trị. Địa-phương nào cũng có sổ-sách ghi chép những việc đình-diễn, tố-tụng, cứ cuối năm lại phải đệ về kinh để triều-đình kiểm-soát. Ngoài ra, Quý-Ly đặt thêm chức Liêm-phóng-sứ tại mỗi trấn, để dò-xét dân-tình và hành-động của quan-lại, lấy đó làm chuẩn-dịch để thăng giáng các nhà hữu-trách.

Quý-Ly còn cho đắp đường-xá, như đường từ Tây-Đô đến Hóa-Châu, và cho đào sông ngòi, để tiện việc giao-thông trong nước. Họ Hồ lại cho

đặt ở mỗi lộ một kho lúa, để chần-cứu những bần-dân, đặt tòa Quảng-Tế coi việc thuốc-thang, và tìm cách ngăn-cấm tục nô-lệ trong thực-tế để giảm bớt thế-lực của các vương-hầu.

III.— VĂN HỌC :

Việc thi - cử đã được sửa - sang. Đề bài - trừ lối học từ chương rỗng nghĩa, Hồ-quý-Ly đặt thêm một kỳ thi toán-pháp. Đối với sĩ-phu Nho-học, Quý-Ly chú-trọng đến phần thực-hành hơn là phần lý-tưởng suông. Đối với tăng-đồ, Quý-Ly bắt-buộc họ phải qua một kỳ thi ; ai xét ra có hiểu thấu kinh-diễn nhà Phật, và tuổi đã 50 trở lên, mới được xuất-gia.

Đã cách-mạnh nền Hán-học, Hồ-Quý-Ly lại có sáng-kiến đáng khen là muốn cách-mạnh cả về quốc-văn. Để xây-dựng một nền quốc-học xứng-dáng, Quý-Ly là người đầu tiên đã mạnh-bạo cho dịch kinh thư ra chữ nôm, để giảng-dạy trong khắp nước, và cũng là nhà vua đầu tiên phá-bỏ lễ-lối xưa, mà cho dùng văn nôm, ngay trong các sổ-biểu và công-văn.

Năm 1394, khi còn làm phụ-chánh thái-sur, Quý-Ly dịch thiên « Vô dật », một thiên bàn về chính-trị và văn-học, để dạy nhà vua. Năm 1396, ông lại dịch kinh Thi, và thêm lời giảng-giải bằng quốc-âm, để các hậu-phi và cung-nữ dùng trong khi học-tập. Đó là văn xuôi, còn về thơ phú, thì Quý-Ly cũng tự soạn ra khá nhiều. Sử-sách còn chép rằng : năm 1387, đời Trần-Đế-Nghien, được Thượng-hoàng, tức Nghệ-Tôn, ban cho một thanh gươm trên đề tám chữ : « Văn vô toàn tài, quân thần đồng đức », Quý-Ly có làm một bài thơ quốc-văn đề tạ ơn. Tục-truyền về sau, vào 1437, Lê Thái-Tôn, muốn xem thơ văn của họ Hồ, bèn hạ-lệnh cho Nguyễn-Trãi sưu-tầm, và Úc-Trai tiên-sinh đã thu-thập được mấy chục thiên thi-văn quốc-ngữ của Quý-Ly.

IV.— BINH - BỊ

Biết trước là nhà Minh bên Tàu những muốn thôn-tính nước ta, Quý-Ly không quên chỉnh-đốn việc võ-bị.

— Quý-Ly thường tỏ vẻ lo-nghĩ và nói với người chung-quanh : « Ta phải làm thế nào cho có đủ 100 vạn quân, để đánh giặc Bắc ». Quý-Ly bèn cho lập sổ hộ-tịch, con dân trong nước từ hai tuổi đi thượng đều phải ghi tên vào sổ, ai ăn-lậu thì phải trừng phạt. Sờ làm xong, diêm người từ 15 đến 60 tuổi, thấy số nhân-dân gấp hơn trước bội-phần. Nhờ phương-sách ấy, số binh-lính mới tăng lên nhiều ; họ Hồ bèn xếp-đặt, mà chia ra thành quân, đoàn, vệ, đội, có chức Đại-Tướng-Quân thống-linh toàn thể. Ngoài số quân-đội chính-thức, Quý-Ly lại cho mộ thêm đình-tráng nghèo-túng, làm quân trợ-dịch

(sau đời làm quân bồi-vụ), và đặt chức Thiên-Bách-Hộ cai-quản. Về Thủy-quân, Quý-Ly sai đóng nhiều thuyền lớn, trên có đường sàn đi lại, dưng có người chèo chống. Tại các cửa sông hiểm-yếu và các cửa bể, họ Hồ bắt các quan địa-phương đeo gổ làm cọc đóng kín, đề phòng-ngự.

— Quý-Ly không quên đặt bốn kho chứa quân-nhu và binh-khí, lại bắt các thợ khéo sung vào các sở đúc khí-giới. Chính con cả Quý-Ly là Hồ Nguyên-Trùng đã chế được súng hỏa-mai.

— Ngoài ra, các thành-trị trọng-yếu đều được xây-đắp và sửa-sang kỹ-càng, như thành Đa-Bang (thuộc Quảng-Oai, tỉnh Sơn-Tây ngày nay), thành Đông-Đô (Thăng-Long sau này), và nhất là thành Tây-Đô (Thanh-Hóa bây giờ), vì nơi này ở xa Trung-Quốc, có thể dùng làm đại bản-doanh trong khi hữu-sự ở phía Bắc.

Như vậy, Hồ Quý-Ly chẳng phải là một kẻ tầm thường. Nay, ta thử xét xem, tại sao một bậc thiên-tài xuất-chúng như vậy, mà đi đến chỗ thất-bại sâu cay.

1') Trước hết, Quý-Ly không cho tổ-chức một cuộc cõ-dộng khôn-khéo, như Lê-Lợi, sau này, đã dùng Nguyễn-Trãi và Trần Nguyên-Hãn (1) đề phao truyền trong dân-chúng những tin có lợi. Quý-Ly hầu như không đề ý đến sức mạnh của dư-luận, và nhất là đến những nguồn thanh-ngự.

2') Đã thế, ít nhiều việc cải-cách lại quá ư đột-ngột, làm thiệt-hại cho một số người, hay gieo hoang-mang trong quần-chúng, mà không được sửa-soạn hẳn-hoi. Tỉ-dụ, ra lệnh rằng ai có trên mười mẫu ruộng, thì phải nộp trả triều-đình số ruộng thừa, ai giấu-giếm tiền đồng thì phải tội chém, và bắt buộc các tăng-đồ phải qua một kỳ thi....

3') Trong một nước thấm-nhuần Nho-giáo và còn quý-trọng lễ-ngự, họ Hồ dám hiên-ngang hoành-hành, dầy-xéo lên luật-lệ, để làm những việc chỉ có lợi cho riêng mình, không có tính-cách mây-may công-ích. Từ năm 1394, là năm Nghệ-Tôn mất, Quý-Ly không ngại chuyên-quyền. Năm 1393, họ Hồ bắt ép Thuận-Tôn thoái-vị, di tu tiên, lập Thái-tử An lên làm vua tức là Thiệu-Đế, để có thể tự xưng là Khâm-Đức Hùng-liệt Đại-vương. Được ít lâu, sau khi đã sai người giết Thuận-Tôn đi, Quý-Ly lại xưng là Quốc-Tổ Chương-

(1) Xem bài lược-khảo về "Cuộc khởi-nghĩa Lam-Sơn", đăng trong Văn-Hóa Nguyệt-San số 14, tháng 8 năm 1956.

Hoàng, đến ở cung Nhân-Thọ, và dùng nghi-vệ thiên-tử trong công-việc hàng ngày. Tháng hai năm Canh-thìn (1.400), Quý-Ly vô cớ bỏ Thiệu-Đế, để chiếm ngôi. Trước những cử-chỉ không có chút gì là vì nước vì dân, quần-chúng tất-nhiên phải coi họ Hồ là tham quyền cố vị.

4') Quý-Ly tỏ ra quá ư tàn-nhân đối với những người trung-trực. Khi bọn Thái-bảo Trần Nguyên Hạng, Thurgơng-quân Trần-khát-Chân, chống lại Quý-Ly nhưng âm-mưu bị bại-lộ, thì có tới 370 người bị tàn-sát.

Cái hay của công-việc cải-cách, thì vì nệ-cổ hay thiếu lời dẫn-giải, sĩ-phu và nhân-dân thường không biết; còn cử-chỉ vụ-lợi hay gian-tà thì rõ-rệt như ban ngày. Nội phần-uất trần-ngập các tâm-hồn; lời oán-thán vang-dội tới trời xanh; nhân-tâm ly-tán; tình đoàn-kết đã rã-rời, nên cuộc canh-tân có tốt-đẹp tới đâu, cũng không khác gì công-sức dã-tràng.... Và khi kẻ thù tới xâm-lấn đất-đai, thì hỏi còn những ai là một niềm chung-thủy?

Luận về Hồ Quý-Ly, nhà thơ Đãng-Phương đã phê-bình bằng những câu vô cùng tha-thiết, và đậm-dà, ý-nghị. Tác-giả đã tả nỗi chua-cay của họ Hồ, bị giam-cầm trong tay người ngoại-tộc:

« Hồ Quý-Ly tựa mình bên cửa ải,
Đôi mắt buồn mờ lệ, mắt đăm-đăm,
Theo rôi làn mây trắng cuốn về Nam.
Trước cửa ải, Hồ gục đầu nước-nở;
Nhưng trong ải, tiếng đàn vô tư-lự,
Lần giọng cười vui-vẻ của quân Minh,
Như cợt-đùa nổi khờ kẻ phiêu-linh... »...

Nhà thơ không khỏi thương-tiếc cho tài-chí của Quý-Ly:

« Hỡi Quý-Ly! Quý-Ly! Ta vẫn biết
Người tha-thiết mến yêu non nước Việt,
Người thực lòng muốn phụng-sự quê-hương,
Muốn giang-sơn Đại-Việt được hùng-cường.
Ta vẫn nhận nguyện-vọng người là phải,
Những sở-kiến của người là rộng-rãi,
Lý-tưởng người vĩ-đại đáng mê-say,
Và chương-trình cải-cách của người hay.
Hỡi Quý-Ly! Quý-Ly! Ta vẫn hiểu
Nỗi đau-đớn vô-biên người đã chịu,
Khi non sông đất nước bị điệu-tàn,

Khi giống nòi sống cực-nhục làm-than...
Ta vẫn rõ hết những niềm u-uất,
Hết những nỗi căm-hờn và bức-tức
Của người, khi nhận thấy ở chung-quanh,
Kẻ đồng bang không hưởng-ứng theo mình ».

Tuy nhiên, tác-giả chê-trách Quý-Ly đã coi thường cả dư-luận của
toàn-dân :

« Hỡi Quý-Ly ! Sờ-đĩ đạo binh người,
Trước quân Minh phải tan-tác, rã-rời,
Không kháng-cự lâu-dài cùng chúng được,
Như quân Trần chống giặc Nguyên thua trước,
Ấy chỉ vì toàn-quốc chẳng đồng-tâm,
Vì người không thu-phục được lòng dân.
Người chớ trách những đồng-bào nhẹ dạ,
Trường Trương-Phụ, thực lòng vì đại-nghĩa.
Họ đã làm quý-kế của quân Minh,
Chỉ vì người không được quốc-dân tin,
Chỉ vì người còn có lòng ích-kỷ,
Còn vận-động để tranh quyền cố vị,
Chỉ vì người không chịu xét thời-cơ,
Tùy theo dân mà cải-cách từ-từ...
Người đã đặt lý-tưởng người trên hết,
Đặt ý người trên lợi-quyền giống Việt.
Người đã làm cho dân-chúng nghi-nan,
Cho rằng người là một kẻ quyền-gian.

Hỡi Quý-Ly ! Quý-Ly ! vì có đó,
Mà nước Việt đã tan-tành sụp-đổ.
Không có người tráng-sĩ đất Lam-sơn,
Vì non sông rửa sạch nỗi căm-hờn,
Thì nòi giống Lạc-Hồng đã tuyệt-diệt,
Và trọn giải non sông người Đại-Việt
Đã biến thành quận huyện của Trung-Hoa.
Hỡi Quý-Ly ! Tội để mất sơn-hà,
Người phải chịu không làm sao chối được.

Lời phê-bình, vừa khen-ngợi chương-trình cải-cách, vừa phân-tích sự
thất-bại của nhà Hồ, thực đã thiết-tha và danh-thếp biết chừng nào !

o°o

Thân-thể của Quý-Ly là cả một thâm-kịch, lưu-hận nghìn thu, và đáng
cho muôn đời suy-nghĩ.

Tâm-lý thực-nghiệm.

DU'-CẢM

TRONG THI-VĂN VIỆT-NAM

của VĂN-THÔN

NHIỀU người thường tin-tưởng rằng : kẻ cầm bút, khi nhắc-nhờ đến
những điều không hay, trong lời văn, giọng nói, thì sẽ « vạ vào mình »... Vì
vậy, thời trước, khi viết truyện hay kể truyện, nhà văn thường cố nghĩ ra những
kết-cục tốt-tươi, vui-vẻ ; trong thi-ca, tác-giả cũng hay gọi những cảnh êm-đềm
cho « có hậu ». Kim-Trọng và Thúy-Kiều đã tái-ngộ,

*Hoa tàn mà lại thêm tươi,
Trăng tà mà lại hơn mười rằm xưa.*

Lục Văn Tiên cũng hiền-đạt sau bao nhiêu phen hoạn-nạn. Riêng về việc
ngâm-vịnh, thì có lẽ không ai là không nghĩ đến Lê-Thánh-Tôn trên bình-diện
này : ông vua ấy cố gò-ép để có khẩu-khí thiên-tử. Văn biết Thánh-Tôn dụng
tâm cố-động cho mình ; nguyên mẹ vua là bà Ngô thị Tiếp-Dur bị người đem-pha,
không được ở trong cung, và sinh-hạ nhà vua trong một ngôi chùa ở Thăng-
Long. Vì vậy, dân-chúng tỏ vẻ nghi-ngờ về nguồn-gốc của Thánh-Tôn, nhất là
sau khi trong nước mực-kích những sự phản-trắc của Nghi-Dân, và để sinh ra
hoài-nghĩ đối với mọi người... Nhân đó, Thánh-Tôn bày tỏ chí-khí của mình,
để ai nấy tin rằng : với giọng-điệu như thế, thì tất phải là dòng-đối chính-tông.
Phải chăng vì vậy, mà người ta còn đặt ra truyện Thánh-Tôn gặp tiên-nữ trong
một ngôi chùa, rồi làm thơ về đầu-đề :

*Đến đây thấy cảnh thấy người,
Tuy vui đạo Phật, chưa khuấy lòng trần.*

Thánh-Tôn ngâm một bài bát-cú, trong có hai câu thực :

*Chầy kình mấy tiếng khuấy niềm tục,
Hồn bướm nổi canh ngăn sự đời.*

Nhưng, khách lạ xin sửa lại, để lời thơ vừa thêm cảnh-sắc, vừa phảng-
phất bóng tiên-dung :

*Gió thông đưa kệ tan niềm tục,
Hồn bướm mơ tiên lẫn sự đời...*

Trương-truyền, Thánh-Tôn lại cho dựng một « Vọng-tiên lâu » trong
hoàng-thành, để kỷ-niệm cuộc tao-phùng. Nhưng tự-trung, đó chỉ là một cách

cô-dộng, ngụ ý rằng : đã gặp tiên, thì chẳng phải là một người thường ... Đã đành là Thánh-Tôn tự quảng-cáo cho mình ; nhưng chắc nhà vua cũng ngỡ rằng : luôn luôn cả những điều cao-sang, thì ắt sẽ có ảnh-hưởng tốt tới chính mình. Dù sao, Thánh-Tôn đã làm một việc thiếu tự-nhiên. Kết-quả là ở bên những câu rất hay như :

... Tép miệng năm, ba con kiến gió,
Nghiến răng chuyễn-động bốn phương trời.
(Vịnh con cóc),

đã có những ý-tưởng gò-gắm, ngây-thơ. Trong cuốn « Trông giòng sông Vị », Trần-thanh-Mại đã cảm-giận về bài « Người ăn mây », cho rằng : nếu kẻ hành-khất nào được nghe mấy câu bát-cú ấy, thì ắt phải nguyên-rủa tác-giả đã mang sự khốn-nạn của mình ra làm trò đùa ...

Thực ra, câu văn hay lời nói đầu lại có ảnh-hưởng đến vận-mệnh của cá nhân. Đó chỉ là một mê-tín, khoa-học cần đánh đổ. Trái lại, tâm-lý học cho ta biết rằng : linh tính con người có thể dự cảm đối với những việc sẽ xảy ra. Vì vậy, kẻ có tương-lai tốt-đẹp, thường tự-nhiên thoát ra những lời êm-dềm, tươi-sáng ; trái lại, người sau này. gặp tai nạn, thì linh cảm hay gọi nên những câu hay những chữ, phản ảnh các trắc-trở rồi ra sẽ có... Như vậy, không phải văn-chương vận vào người ; mà chính người bộc-lộ mỗi dự-cảm trong văn-chương đó thôi. Văn-chương chẳng có ảnh-hưởng gì đến tương-lai ; chính tương-lai mới có những tia-sáng phản-chiếu trong lời văn...

Nay, ta thử lần giờ mấy trang văn-học sử nước nhà, để tìm ít nhiều i-dụ, những ti-dụ có lẽ nhà Nho không mấy ai là không biết.

— Dưới thời Lê, Nguyễn-Trãi (1380-1442), sau mắc phải cái án Thụ-Lộ, đã có những lời thơ tiêu-tao, hầu như báo trước mỗi tai-nạn bất ngờ. Trong bài Côn-sơn ca, do Nguyễn-trọng-Thuật phiên dịch, ta thấy những câu :

Trăm năm trong cuộc bể dâu,
Người cùng cây cỏ khác nhau chút nào ?
Khóc cười mừng sợ xôn-xao,
Đang tươi bỗng héo, biết bao nhiêu lần.
Nhục vinh thân cũng là thân.
Cửa ngăn nhà ngói trăm năm còn gì ?...

Nhà Lê, lúc tình-nghi, không ngại coi gia-đình Nguyễn-Trãi như cỏ cây, đến nỗi chu-dị cả họ ;

Cửa ngăn nhà ngói trăm năm còn gì ?
Hơn nữa, trong bài ca « Tự Thán » bằng chữ nôm, Nguyễn-Trãi viết :

Chiếc thuyền lơ-lửng trên sông,

Biết đem tâm-sự ngỏ cùng ai hay !

Chắc chi thiên-hạ đời này,

Mà đem non nước làm rầy chiêm-bao ?

Đã buồn vì trận mưa rào,

Lại đau vì nổi ào-ào gió đông.

Mây trôi nước chảy xuôi dòng,

Chiếc thuyền lơ-lửng bên sông một mình...

Đồng-bào di-cư Bắc-phần còn nhớ rằng : ông chủ-bút tạp-chí Nam-phong, khi còn ở Hà-thành, thường hay ngâm câu :

Chắc chi thiên-hạ đời này,

Mà đem non nước làm rầy chiêm-bao ?

— Nữ-sĩ Đoàn-thị-Điềm (1705-1748), khi mới mười sáu xuân xanh, đã ngâm câu :

Những màng mây khắc gang (1) cầm hạc,

Ngờ đã và phen đứt lá ngò.

Về sau, (2) quả nhiên, Nguyễn-Kiều, chồng bà, đi sứ Tàu rồng-rã trong ba năm trời.

— Nguyễn-hữu-Chính (+ 1787), người Nghệ-an, đậu hương-cống năm 16 tuổi, sau bị Nguyễn-Huệ sai Vũ-vân-Nhiệm hãm-hại, đã viết :

...Tóc chen hai thứ chưa danh chi,

Thân hơi là thân, thì hơi thì.

Chưa trả, chưa đền ơn đệ-tử,

Thêm ngừng, thêm tủi chí nam-nhì...

Chỉ một câu « thân hơi là thân, thì hơi thì », cũng phản-ảnh biết bao trắc-trở. Hơn nữa bài vịnh chiếc pháo dùng, với câu :

Chung-quít chỉ một tiếng mà thôi.

càng tỏ rõ thân-thế của một chính-khách, chỉ còn lưu lại chút ít tiếng-tâm...

(1) gang = đánh đàn, gảy đàn.

(2) năm nhậm-tuất (đầu năm 1743).

Đó là những dự-cảm không hay ; còn về điểm tốt, thì ta không thể không nghĩ tới Nguyễn-công-Trứ (1778-1858). Lúc nghèo túng, ông vẫn không-khái viết :

*Mạc vị khốn hành phi ngọc như,
Cảm tương bản tiện cố kịu nhân.*

tức là :

*Vận khó trời còn trau chuốt ngọc,
Lúc nghèo ta có lụy chiều ai ?*

(Lời dịch của Lê-Thước)

hoặc :

*Còn trời, còn đất, còn non nước,
Có lẽ ta đâu mất thế này ?*

Một mặt khác, nhiều bài của ông hình như báo trước một tương-la hiên-hách, một sự-nghiệp hơn người :

*...Đã chắc rằng ai nhục, ai vinh,
Mấy kẻ biết anh-hùng thời vj-ngộ.
Cũng có lúc máy tuôn sóng vỗ,
Quyết ra tay buồm lái trận cuồng phong.
Chỉ những toan xẻ núi, lấp sông,
Làm nên đứng anh-hùng đầu đấỵ tổ.
Đường mây rộng hênh-thang cử-bộ,
Nợ tang-bồng trang-trắng vỗ tay reo.
Thành-thot thơ tú rượy bầu...*

Bốn tiếng « xẻ núi, lấp sông », dự-cảm khá rõ-ràng công-nghiệp của vj doanh-diền sứ mai sau : ông sẽ cho khai-phá núi rừng để thiết-lập huyện Kim-sơn và lấp sông lấp bể để mở-mang vùng Tiền-hải...

Dưới đây, chỉ xin thêm một vài chi-tiết ngắn.

— Trần-Tế-Xương (2870-1907), tục kêu là Tú-Xương, suốt đời lận-đận, nên linh-tính gọi nên những câu :

Nào có hay gì, cái chữ nhỏ...

hoặc :

Có chông-hờ-hững cũng như không.

— Chu-mạnh-Trinh (1862-1905), mắc bệnh mã-đao năm 1905, phải chích mổ, rồi vì thế mà mất. Nhiều nhà Nho, thời ấy, tin rằng : ông đã dự-cảm phút lâm-chung trong mấy vần thơ vịnh Kiều :

*... Non nước chắc gì lời ước cũ,
Phong trần liêu vớt lưới dao con.
Hoa lay dưới trướng hồn man-mác,
Gió thổi bên tai tiếng ngọt-ngào...*

— Gần đây, một vj cử-nhân Hán-tự trải bao năm chẵn-dắt đàn trẻ nhỏ chốn thôn-quê, rồi đến khi có nghị-dịnh cắt-cử ông vào nhiệm-vụ xứng-đáng, thì ông vừa mất mấy ngày trước. Lúc sinh-thời, ông đã treo ở nhà riêng, đôi câu đối :

*Nào ra đểch công danh, dưới mép cái rìa sao vệt bạc,
Thời cũng đỡ nho hủ, trên đời con mắt những ai xanh ?*

— Một nhà khoa-cử khác, mở cửa hàng đối trướng tại Nam-dịnh, Bắc-phần, trước năm 1945, đã để ở thư-phòng :

*Tay hái ra tiền, mặc sức tiêu-dao cùng tuế-nguyệt,
Bụng sờ thấy chữ, còn nhiều cười khóc với giang-sơn.*

Dùng văn-chương để giúp người về các việc hiếu-hỷ, mà hạ hai tiếng cười khóc thì thật là tài tình ; nhưng « cười khóc với giang-sơn » đã ám-chỉ sự thăng-trầm vj thời-cực. Về sau, tác-giả quả gặp-gỡ nhiều trắc-trở giữa cơn binh lửa ở Bắc-Hà.

Ta không nên quên rằng văn hào Nguyễn-Dụ biết nhiều về tâm-tính thế-nhân, nên đã viết :

*Cánh nào, cánh chẳng đeo sầu,
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ ?*

Nguyễn-Dụ chẳng lạ gì con người ta có thể dự-cảm các việc mai sau, nên đã đề nài Kiều bao lần « gờ miệng ». Lúc đương chung sống yên-vui với gia-đình êm-ấm, khi đi dự một ngày hội tung-búng, nhộ-nhịp, nài đừng chân trước một ngôi mộ vô-chủ, rồi thở than :

*... Cái điều bạc-mạnh có chừa ai đâu ?
Nỗi niềm tưởng đến mà đau,
Thấy người nằm đó, mai sau thế nào ?*

Vương-Quan cũng lấy làm ngạc-nhiên, mà can-ngăn :

*Quan rằng : chi nói hay sao,
Một lời là một vạ vào khó nghe.*

Rồi khi gặp-gỡ chàng Kim, nhìn về tương-lai đầy hứa-hẹn, nài cũng nghi-ngờ :

*Bây giờ giáp mặt đôi ta,
Biết đâu rồi nửa chẳng là chiêm-bao ?*

o o

Đầu sao, ta cũng cần đánh-tan sự mê-tín cho rằng thi-văn vận vào người, vj đó chỉ là một dự-cảm khá thông-thường...

MỘT THI-GIA CẬN-ĐẠI :

VŨ - PHẠM - HÀM

(1864 — 1906)

VĂN-CHUNG

AI đã từng đọc những bài thi-ca tả chùa Hương-Tích, một thắng-cảnh đẹp vào bậc nhất ở nước ta (1), đều phải công-nhận rằng bài : « Hương-sơn phong-cảnh » làm theo lối ca-trù, mở đầu bằng mấy câu :

« Hựu hà tất Bồng-châu Doanh-hải,

Tiêu-sơn-lâm mà có đại-kỳ-quan.

Người tai mắt, kẻ nhán-gan,

Ai chẳng đến Hương-sơn thì cũng tục... »

Là một bài ca hay nhất và có lẽ diễn-tả tỉ-mỉ, khéo-léo và tài-tình hơn cả mọi bài khác, từ xưa đến nay.

Tác-giả bài này là ông Thám-Hoa Vũ-Phạm-Hàm, một nhà đại-khoa-băng, đỗ đồng-khoa với ông Hoàng-Giáp Nguyễn-thượng-Hiền, và ông nghệ Chu-Mạnh-Trinh.

Đề kỷ-niệm ngày húy của ông, nhằm ngày 17 tháng 5 âm-lịch, xin viết sau đây, một bài tiêu-dẫn sơ-lược về thân-thể và thi-ca của ông, gọi là góp một phần tài-liệu nhỏ-mọn vào nền văn-hóa nước nhà.

Ông Vũ-Phạm-Hàm chính là họ Phạm. Đời tổ-phụ là ông Phạm-vũ-Cát, khi đi thi hương, đổi tên là Vũ-đăng-Dương, và đỗ cử-nhân năm Tân-Tị (1828). Đời thân-phụ là ông Vũ-Phạm-Dự, cũng là vị khoa-băng, được vua phong làm Thị-giảng học-sĩ. Ông sinh ra ông Hàm nhằm ngày 18 tháng 9 giờ dậu, năm Giáp-tý (1864) ở xã Đôn-Thư, phủ Thanh-oai, tỉnh Hà-đông, Bắc-phần.

Tương-truyền ở xã này, có một hồ sen, cảnh rất thanh-u, hoa nở ngào-ngạt khắp một vùng, đêm đêm thường văng có tiếng đọc sách ngâm thơ. Tới khi ông Hàm chào đời, thì tiếng đó im hẳn, không còn nghe thấy nữa. Người thời bấy giờ tin rằng ông là thần hồ sen giáng-sinh.

(1) Chùa này thuộc làng Yên-Vi, huyện Mỹ-đức, tỉnh Hà-đông, Bắc-phần.

Khi mới 13 tuổi, ông đã nổi tiếng hay chữ, và đã làm những bài thơ tuyệt-cứ, đến nay vẫn còn truyền-tụng, như những bài vịnh con cua, con ong, đèn cù, v.v... (1) xin chép và lược-dịch ra sau đây :

VỊNH CON CUA :

(Nguyên-tác chữ Hán)

Đan-tâm nhất-điểm tự binh-sinh,
Thùy bá vô-trường mạn phẩm-bình.
Thảo-giã thử thân nguyên hữu-dụng,
Giang-sơn đảo xứ tận hoành-hành.
Huyền-hoàng mãn phúc văn-tâm nhuộn,
Qua giáp đương đầu vũ-lực tinh.
Tứ-hải chánh thâm cơ khát vọng,
Như quân bất xuất thực điều-canh.

THƠ LƯỢC-DỊCH

Lòng son một điểm tự sơ-sinh,

« Khộng ruột » ai nông dâm phẩm-bình.

Ở chốn đồng quê song hữu-dụng,

Tới nơi non nước cứ hoành-hành.

Huyền-hoàng lai-lãng nguồn văn chứa,

Qua-giáp oat-hùng thuật võ tinh.

Bốn bề búa ấn hằng ngóng đợi,

Không ra khộng có ự điều-canh.

CHÍ-VIỄN

VỊNH CON ONG

(Nguyên-tác chữ Hán)

Túc-thể cừu cư Cơ-mật-viện,

Thử thân ưng tác thám-hoa lang.

Chí duyên nhất niệm quân-thần nghta,

Cố hướng lâm-toàn tập chúng hương.

THƠ LƯỢC-DỊCH

Bao ngày lần-lữa trong Cơ-mật,

Thời hân thân này phải thám-hoa.

Bởi nghĩa quân-thần lòng đã nặng,

Tìm hương xá quân suốt rừng xa.

CHÍ-VIỄN

(1) Tài-liệu này tham-khảo ở cuốn « Thanh-Oai tân-thân phá-ký lược » do con ông là Vũ-phạm-Thắng biên-tập.

VINH ĐÈN CÙ

(Nguyên-tác chữ Hán)

Nguyệt hạ huyền-đông thu sắc thanh,
Vọng trung nhân mã bất văn thanh.
Quán khan thế-sự thù nhi hí,
Bán bích sơn-hà khởi chiến-tranh.

THƠ DỊCH

(2 bài)

1. — Đêm thu đèn dọi ánh trăng trong,
Người ngựa im hơi kéo chạy vòng.
Thế-sự nhìn xem trò trẻ nít,
Giang-sơn nửa khoảnh rồi bình-nhung.
2. — Đèn kéo đêm thu dưới ánh vầng,
Người người im tiếng chạy đường-hoàng.
Nhìn xem thế-sự trò con trẻ,
Biển nửa giang-sơn hóa chiến-tràng.

QUYNH.LÂM

Năm 13 tuổi, ông Vũ Phạm-Hàm đã lều chông đi thi, nhưng quan-trưởng thấy còn ít tuổi chưa muốn cho đỗ vội, nên đánh hỏng, có lẽ đề ông có dịp luyện thêm tài năng... Năm 19 tuổi, ông làm bạn với con gái quan Ngự-Sử Lê-văn-Xuân ở làng Kim-Lâm (Hà-Đông) là bà Lê-thị-Thọ. Năm 21 tuổi, niên-hiệu Kiến-Phúc thứ hai, tức năm Giáp-Thân 1884, ông đỗ giải nguyên. Năm sau, ông thi hội. Kỳ này, lại chính ông Vũ-Nhự là thầy học ông làm chủ-khảo. (1) Văn ông rất hay, nhưng một số quan-lại vì gièm pha ghen ghét, đều phao-ngôn rằng: « Vj chủ-khảo là thầy học của ông, tài nào mà ông chẳng đỗ! » Các vị giám-khảo, vì thế càng thận-trọng trong khi điềmduyệt, và khi xét tới bài ông viết mất chữ đầu bài, nên đánh hỏng. Ông đành ở lại kinh-thành Huế dạy học để chờ khoa sau. Ông ở nhà ông Phạm-Thận-Duyệt lúc đó làm Thượng-thư bộ Hộ. Đến kỳ sau, ông lại ứng-thí, song chưa kịp yết-bảng thì nước Pháp khởi-chiến với Triều-đình, khoa thi này phải bãi đi, coi như không có.

(1) Đề tỏ lòng kính-niệm đối với tôn-sư, về sau ông có sưu-tập thi-văn của thầy học nhan-đề « Đông-phần di-mặc » và có ghi chép thêm sự-trạng của ông Vũ-Nhự, ở sau tập thơ này. Có nói rõ trong bài « Một di-cảo của ông Thám-Hàm » do ông Nguyễn-khắc-Kham biên-khảo và đăng trong Văn-Hóa Nguyệt-San số 16 (năm 1954).

Khi ông vào thi, có nhiều văn thơ đề-vịnh rất hay, không may bị thất-lạc; khi về tới nhà, ông có ngẫu-cảm làm một bài văn-tế chiêu-hồn các văn-thơ ấy, lời lẽ rất ai-cảm thống-thiết. (1).

Niên-hiệu Thành-Thái nguyên-niên, tức năm Kỷ-Sửu 1889, ông được sung-chức Hàn-Lâm biên-tu và sau được bổ giáo-thụ phủ Kiến-thụy (tỉnh Kiến-An). Năm 27 tuổi, ông cáo nghỉ về phụng-dưỡng thân-phụ bị yếu.

Niên-hiệu Thành-Thái thứ tư, tức năm Nhâm-Thìn 1892, Triều-đình mở khoa thi Hội. Mến tài-năng ông, vị kinh-lược-sứ tại Bắc-thành giúp đỡ cho ông đủ thuận-tiện về ứng-thí tại Huế. Trong hai kỳ thi Hội và thi Đình, ông đều được đỗ đầu, được vua sắc ban cho đỗ Nhất-giáp Tam-nguyên Thám-hoa. Như trên đã nói, bạn đồng-khoa với ông kỳ này, ngoài ông Hoàng-Ciáp Nguyễn-thượng-Hiền, ông Tiến-sĩ Chu-mạnh-Trinh, còn có các ông Nghê Lê-vinh-Điện, Tạ-văn-Cân, các ông Phó-bảng Vũ-thiện-Đế, Phạm-văn-Thụ.

Đỗ Thám-Hoa, ông được bổ Đốc-học Hà-nội; năm 30 tuổi, ông thăng Quang-Lộc tự-khanh, và được cử làm chủ-bút tờ Đại-Nam Đồng-Văn nhật-báo. Năm 33 tuổi, ông chuyển-bổ làm Án-sát tỉnh Hưng-Hóa. Năm 34 tuổi, ông xin cáo-nghỉ và cùng các bạn-hữu thân-thuộc cho dựng nhà thủy-tọa tại hồ sen trong làng Đôn-Thư, rồi cùng nhau xướng họa ngâm vịnh, để lại cho hậu-thế nhiều bài thơ tuyệt-diệu, song phần nhiều nguyên-tác bằng chữ Hán.

Năm 35 tuổi, ông lại nhận được lệnh đi làm Đốc-học tỉnh Ninh-Bình. Năm 38 tuổi, ông cáo nghỉ về nhà, vì cụ cố thân-sinh từ-trần. Được ít lâu, ông lại bỏ đi Đốc-học Phù-Lỗ (tức là Phúc-yên bây giờ), sau thăng thuyên về Hà-Đông, lúc đó còn gọi là Cầu-Đơ. (Sau chính ông đã xin đổi mà gọi là tỉnh Hà-Đông). Năm 42 tuổi, ông làm Án-sát tỉnh Hải-Dương. Rồi đến ngày 17 tháng 5 năm Bình-ngọ (1906), giữa năm vua Thành-Thái ngự-du Bắc-hà, ông tạ-thế, hưởng-thọ 42 tuổi. Ông sinh-hạ 4 con trai và 6 con gái, ngày nay phần nhiều đã hiện-đạt, nhưng trong hàng con cháu, về mặt văn-tài khoa-danh chưa có ai hiện-danh được như ông.

Thi-ca của ông sáng-tác phần nhiều viết bằng Hán-văn. Ngoài bài « Hương-sơn phong-cảnh » nói trên và ít nhiều bài đăng trong Đại-nam Đồng-văn nhật-báo, hiện nay chưa sưu-tầm thêm được bài nào của ông viết bằng quốc-văn, thực là đáng tiếc.

(1) Bài này hiện giữ trong gia-phả họ Vũ có ghi chép, chúng tôi chưa có dịp sưu-tầm được.

Trương-truyền khi ông còn du-học ở quê vợ, tức làng Kim-Lâm (Hà-Đông), một đêm trăng thanh gió mát, ông nằm ngủ thiếp đi, rồi thấy mình như đến thăm vị thần làng này. Nhác thấy ông tới thư-phòng, vị thần ứng-khâu đọc một câu thơ chữ Hán; ông cao-hứng đọc nối theo. Thế rồi ông cùng vị thần vui-vẻ liên-ngâm, làm trọn một bài, chẳng khác chi câu truyện làm thơ liên-ngâm lúc ngoạn-du Tây-Hồ, giữa bà Liễu-Hạnh với ông trạng Phùng-khắc-Khoan và các bạn ông này. Lúc bình tỉnh giấc chiêm-bao, ông vẫn còn nhớ rõ cả bài thơ. Sợ quên, ông liền nhờ người bạn thân có mặt tại đó (là ông Tú Lê-đình-Tiến), biên chép ngay, xin lục đăng sau đây bài thơ liên-ngâm ấy đề hiến bạn đọc thưởng-lâm.

NGOẠN-NGUYỆT CẢM-HỨNG

CHỦ (Vị thần làng Kim-Lâm xưng):

Dạ lai minh nguyệt thượng mao thiềm,

KHÁCH (Vũ-phạm-Hàm tiếp):

Nhân-tọa song trung tứ diệp diềm.

Thanh-hứng cảnh khai thi cảnh khoát,

CHỦ — Trần ngôn đoạn khúc bút phong tiềm.

Đạo cùng u-hiền dương tri dị,

KHÁCH — Vị diệp tân-toan tiệp giác diềm.

Thư tự mỹ-nhân khan bất yếm,

CHỦ — Danh vị công-khí thủ nghi liềm,

Mạc tương trần-sự lại sấm nhĩ,

KHÁCH — Thặng hữu cao-tình cộng phật nhiềm.

Côn vị tam thiên đoàn thủy-kích,

CHỦ — Long do sơ cửu bốc uyên tiềm.

Tự-tri bản-tiện phi ngô lự,

KHÁCH — Dự bả tao-phùng vị nhĩ chiêm,

Đàm-tiểu nhất tiêu đấng cộng bạch,

CHỦ — Phàm-đề thiên-tái bút đồng niềm.

Giai du đốn-sử trần hung khoát,

KHÁCH — Nhã-cú kham-vi tục thủ biềm.

Cục-ngoại doanh khuy hà túc vấn,

CHỦ — Khuyến-quần huê tửu ngoạn ngân thiềm.

Vì chưa thể dịch bài này theo lối thi-ca, xin tạm biên sau đây, bản dịch bằng văn xuôi, của ông Nguyễn-chí-Viến:

Ngắm trăng cảm-hứng

Đêm tối, ánh trăng tạnh rọi thêm nhà cô; nhân-hạ ngồi tựa song, tư thơ man-mác. Cảnh thanh-u hảo-hứng như gọi nguồn thơ lai-lãng, lời nói giãi-bầy tuôn theo ngòi bút sắc bén. Đường đời đi hết mọi chỗ hiểm-hóc thì coi gì cũng dễ, mũi dùi đã ném đủ cay chua thời dần dần mới biết ngọt. Sách vở cũng như người con gái đẹp xem không chán, danh-vị là của chung không nên tham. Đừng đem việc trần-tục nói nhảm tai, chỉ có tình thanh-cao mới cùng nhau vui vẻ vượt rêu. Cá còn chưa đến lúc vượt lung khỏi ba ngàn thước, con rồng còn nằm náu vực sâu như trong hào sơ-cửu. Tự biết bản-tiện không làm lụy được mình, rồi nghiệm xem sẽ có cuộc tao-phùng sau đây. Tiểu-đàm một sớm đối cùng ngọn đèn sáng trong; phàm-đề muốn thưở ngồi bút cùng hiệp-vân. Cuộc vui chơi hào-hứng khiến cho lòng trần mờ rộng. Câu thơ tao-nhã đâu xá kể phùng-tục-tử chê-bại. Việc ngoài cuộc dầy vui không đáng hỏi chi; hãy khuyên ai rớt rêu cùng thưở rợ bóng trăng soi.

PHỤ-LỤC

HƯƠNG-SƠN PHONG-CẢNH CA

Hựu hà tất Bồng-châu Doanh-hải,

Tiểu-sơn-lâm mà có đại-kỳ-quan. (1)

Người tai mắt, kẻ nhân-gian,

Ai chẳng đến Hương-Sơn thì cũng tục.

Kề từ lúc bước lên đò Đục,

Liếc mắt trông dả mần-mục vân-sơn.

Lần theo một giải thanh-tuyền,

Nào ngư-phủ nhập Đào-nguyên đầu cũng thế...

Mặt trời gác bóng cây xê-xê,

Tần-vân in đáy nước rành-rành.

Chim trời mấy chiếc lênh-đênh,

Cây mai-thụ rạp-rành, năm bảy lá.

Chú tiểu-tử ruồi-rong bển đả.

(1) Nghĩa là: Cứ gì phải cầu-kỳ tìm những chốn thần-tiên ở nơi xa xôi (như Bồng Châu, Doanh-hải), ngay chỗ động Hương-Tịch ở đất nước nhà là nơi rừng núi nhỏ, mà cũng sơn phong cảnh đẹp lạ thường.

Lũ ngư-ông quây cá qua cầu.

Cỏ cây xanh ngắt một màu,
Núi trước núi sau mình ở giữa.

Đàn mục-thụ bóng chiều vừa ngã,
Dắt trâu về lả-tả đầu ghềnh...

Trong hang sâu thăm thẳm một mình,
Thế mới biết «son-thủy hữu-tình» là chốn ấy.

Rừng một giải càng trông càng thấy,
Tềm tem tem mà bụng nghĩ mình nghiêng.

Kìa núi Gà, núi Tượng, núi Trống, núi Chiêng,
Chưa qua núi lại thấy dò bên cạnh núi.

Thoạt trông thấy biết đâu mà hỏi,
Cầu dăng-tiên nọ chốn dăng-doanh.

Gót in đá biếc xanh xanh,
Lòng trần-tục bỗng không thanh-thành nhẹ.

Cao chót-vót một tòa cờ-sái,
Ấy chi chi nó trái Thiên-Trù.

Trăng trong gió mát một bầu,
Ngắm phong-cảnh bỗng-hồ đầu đó tá...

Động đào đã giang tay mở khoá,
Càng nhìn lâu càng rõ càng xinh.

Cây xanh xanh mà lá cũng xanh xanh,
Dưới một núi lại chèo quanh một núi.

Nước công-đức trong ngần không chút bụi,
Đường lên tiên đây là suối Giải-Oan.

Thành-thời bạch-thạch thanh-toàn,
Thế mới biết thiên-tiên là diệu-thú.

Thơ rằng :

Bộc-bổ kê lưu sơn diệp vũ,

Nhân-thanh cốc ứng thạch năng ngôn. (1)

(1) Nghĩa là : Cái thác nước tự trong khe chảy ra trông hình như núi cũng mưa ; tiếng người nói trong hang vang lại tưởng chừng như đá biết nói.

Trông lên trời nhỏ con con,
Mình ta đã lon-chon trên đỉnh núi ! -

Đứng núi nọ tưởng núi kia là cuối,
Bước chân lên đường núi vẫn không cùng.

Trèo qua một dịp Chấn-song,
Đây mới biết : «quần-phong chi đệ nhất!» (1)

Niệm Nam - vô A - di - đà phật,
Mảng vui chơi mà quên mất đường xa.

Quả mơ non với nước mơ già,
Trong chân - cảnh nhìn ra chân - vị.

Trong bụi rậm dần chìm thô-thẻ,
Dưới rừng xanh mấy chị tìm mơ.

Lá vàng man mắc ngàn - ngờ,
Tam - quan đá tờ - mờ đầu đó phải...

Chân bước đi mặt còn ngoảnh lại,
Ước gì đường dài mãi thì hay...

Nào ngờ tiên-linh trời xây,
Lối vào đó đã vén mây trông rõ,

Vạn - trạng thiên - hình vô - số,
Vẫn hầy còn giấc ngủ lơ - mơ.

Xanh như mây mà đá tro tro,
Trên vách phấn tờ - mờ treo giá áo.

Này « kho tiền », này « kho bạc »,
Này « buồng tầm », này « lấm gạo »,

Phật Quan-Âm (2) thiên-tạo một toà.
Bốn bề như gấm như hoa.

Đố ai lấy nhân-công mà vẽ được ?
Dưới cầu bạch trong veo đáy nước,

Núi blah-phong đứng trước Phật-đỉnh.
Chim gõ mõ, vượn tưng kinh,

Giục lòng khách năm canh chải-chuốt.
Dục đảo Hương-Son bất khả ước,

Khen cho ai biết trước cũng là tiên.
Ai ơi ! chẳng đến cũng hèn !..

VŨ-PHẠM-HÀM

(1) Nghĩa là : Quả núi cao nhất trong các quả núi.

(2) Tục-truyền rằng động Hương-Tích là chỗ hóa-thân của đức Phật Bà Quan-Âm.

NHA - TRANG DU - KÝ

của DUY-VIỆT

Nha-Trang cách Saigon hơn 400 cây số, 10 giờ xe hơi, một đêm xe hỏa, giờ tươi tàu bay. Nha-Trang đầu phải là một thị-trấn xa lạ. Nha-Trang xưa kia của người Chăm nguyên-danh là Djatran, tục gọi là Nhà Trắng, nay là một nơi nghỉ mát có tiếng.

Bãi biển Nha-Trang là một trong những bãi biển đẹp nhất của nước ta. Cát vàng trắng mịn óng ánh dưới mặt trời êm dịu; nước biển trong vắt, màu xanh biếc như ngọc-thạch, buổi sáng thì phẳng-lặng như bề dầu, buổi chiều sóng vỗ nhấp-nhô đuổi làn sóng bạc vào tận ven bờ, một bờ biển uốn hình cánh cung dài ngót năm cây số ngàn.

Tinh-lý Nha-Trang với khí hậu mát mẻ quanh năm, mưa ít nắng nhiều nhưng êm dịu, ngọn nam phong hiu hiu thổi ngày đêm từ bề cả đưa vào nội địa, khiến du khách khi tới Nha-Trang, đem lòng lưu-luyến hầu như bị cảnh vật quyến rũ...

Bao bọc Nha-Trang là tỉnh Khánh-Hòa, được dân Việt-Nam bắt đầu đặt chân đến khai sơn phá thạch từ năm 1653, tức đã ba thế kỷ nay. Khánh-Hòa trước kia có tên là Thái-Khang, rồi Bình-Khang dưới thời vua Quang-Trung, Bình-Hòa năm 1803, đời vua Gia-Long; năm 1852, vua Minh-Mạng đổi là tỉnh Khánh-Hòa, và tên ấy được giữ đến ngày nay. Nếu Nha-Trang là tinh-lý của Khánh-Hòa có nhiều danh lam, thì gần xa, trong địa phận tỉnh Khánh-Hòa cũng có nhiều thắng cảnh nữa.

Chính vì Nha-Trang không quá xa các đô-thị lớn ở Nam-phần và Trung-phần, đường bộ, thủy và không đều thuận tiện, cho nên cứ đến vụ hè, biết bao du khách đã hướng về Nha-Trang và đã đến Nha-Trang để thưởng-ngoạn, để tiêu khiển lành mạnh và di dưỡng tinh thần, bởi bỏ cho thân thể tăng cường sức khỏe, với khí hậu lành, với nước bề tốt, với sơn hào hải vị đổi-dào.

Dưới đây là một hành trình của du khách đã thăm Nha-Trang trong một tuần lễ.

Ngày thứ nhất— Khởi hành từ Saigon bằng xe lửa đêm 7 giờ chiều hôm trước, 7 giờ sáng hôm sau đã tới Nha-trang. Mang hành lý qua một nhà ga tuy không lộng lẫy lắm, nhưng có một kiến trúc đơn sơ ngoạn mục, khiến du khách có cảm tưởng

như tòa nhà đang đón hỏi khách viễn-phương; trước ga, hàng dầy xe xích-lô đón chào bạn, đưa bạn về nhà quen thuộc hay khách sạn, giế xe độc nhất có năm đồng, trừ khi bạn đi xa, khỏi trung-tâm thành phố. Nha-Trang có cả thảy 116 phố, từ đại-lộ quang-đăng sầm uất tấp nập cho đến hang cùng ngõ hẻm. Bạn sẽ dạo qua mấy đại-lộ ứn ngang ra bờ biển như đại-lộ Gia-Long nằm ngay trước nhà ga xe lửa, đại-lộ Lê-thánh-Tôn qua Xóm Mới, xóm rất đông đông-bào đi-cư Bắc-phần, đại-lộ Yersin, đường Hoàng-tử Cảnh, đường Độc-Lập, một phố buôn bán sầm-uất nhất thành-phố, đường Trần-quý-Cáp; thong dong với bờ biển, bạn thấy đại-lộ Duy-Tân nằm ngay cạnh bãi biển, từ tỉnh-đường Khánh - Hòa tới Cầu-Đá, đường Phan-thanh-Giản, đường Trần-hưng-Đạo, đường Hoàng-hoa-Thám, đường Định-tiên-Hoàng, đường Quang-Trung, đường Phan-chu-Triah, Lý-thánh-Tôn, Phước-Hải, đường Công-Quán, đường Hai Chùa, Triệu-Âu, Hoàng-Diệu.

Quốc-lộ số I chạy về qua trước nhà ga xe lửa, phía tây-bắc thành phố theo cầu Hà-Rá, Tháp Bà, qua sông Nha-Trang rồi hướng ra Huế. Qua Nha-Trang, bạn sẽ trông thấy quang cảnh đẹp, đã khác xưa, những phố xá rộng rãi, sạch sẽ, nhà cửa quang đấng, công-trường ngoạn mục như công-trường Cộng-Hòa. Nhà thờ lớn Nha-Trang xây trên ngọn một đồi đá cao, trang-nghiêm đứng cạnh Ngã-Sáu ngay giữa thành-phố. Đàng xa về phía bắc, cũng dựng trên ngọn đồi cao, Chùa Sinh-Trung tục gọi là Chùa trăm bậc, trông xuống Quốc-lộ số I, cầu Hà-Rá. Bạn có đủ tiện nghi ở Nha-Trang: Bưu-Điện ở bờ biển, viện Pasteur, chợ Nha-Trang ở ngay đường Phan-Bội-Châu, chợ Tôn, chợ Xóm Mới gần đại-lộ Lê-thánh-Tôn. Phong cảnh Nha-Trang hữu tình, người Nha-Trang lại vị-tha, làm gì du-khách chẳng quyến-luyến, hè nào chẳng nhớ tới Nha-Trang, du-khách nhớ biển, người Nha-Trang nhớ khách. Quá bộ tới xóm Chuyết gần Cầu-Đá, hoặc tới làng Cù-Lao, một đêm trăng tỏ, bạn sẽ nghe thấy những câu hát đầy thi-vị:

« Xóm Chuyết là xóm thông-dong,

« Trát chiếu, dăng mùng chờ đợi ghe lên.

hoặc:

Ngó ra ngoài biển thu đông,

Thấy người thiên-hạ sao không thấy chàng.

hoặc:

Trăng rằm mười sáu trăng lu,

Trông anh như thề vọng-phu trông chồng.

Bạn cũng sẽ được nghe câu hát của một hai du khách trẻ trung, hàng năm vẫn đến Nha-Trang tắm biển, ngắm trăng, quyến luyến người và cảnh:

*Trăng rằm mười sáu trắng treo,
Ảnh bóng giương Lèo cuối vờ Nha-Trang.*

Rồi sau một vụ hè biết bao nhiêu kỷ niệm, bạn nhớ Nha-Trang, nhớ câu
« *Mình về hãy nhớ đến ta,
Nhớ ta mình nhớ bạn xa đến cùng.* »

Ngày thứ hai

Du khách đã thăm thị trấn, đã dạo qua các phố, và chắc hẳn đã vùng vẫy với nước biển trong xanh của bãi tắm. Vậy sáng ngày thứ hai, lúc bình minh, bạn xuống biển mà tắm để hưởng sự yên lặng của bề bề, rộn với sóng lăn tăn gợn theo chiều gió; nước trong và mát làm cho bạn bội phần khoan khoái để chuần bị cuộc du ngoạn trên bờ. Sát ngay biển, cuối tỉnh Nha-Trang là Cầu-Đá, một con đường xây bằng đá ăn từ đất liền kéo dài ra biển, để cho tàu bè đậu. Cầu-Đá cách tỉnh lỵ Nha-trang 5 cây số, có xóm làng của dân chài xây dựng trên bờ bề dưới chân đồi; dân sống về nghề đánh cá và làm nước mắm. Cầu-Đá có nhiều người làm nghề bắt san hô, tôm hùm, hà, ốc hến, sao biển, đem về chế ra thành đồ trang hoàng, kỷ niệm của Nha-Trang. Cầu-Đá có nhiều hàng quán giải khát, có tiệm ăn bán những hải vị ngon tươi, để khách thưởng thức trong khi ngắm cảnh sơn thủy. Khi mà bờ biển Nha-Trang nổi sóng, thì ở Cầu-Đá, vì có núi non bao bọc, và cù lao án ngữ ngoài khơi, mặt biển vẫn được yên tĩnh phẳng phiu. Những đêm trăng thanh gió mát hay ban ngày bề lặng sóng êm, du khách tới Cầu-Đá vắng cảnh, tạt vào quán rượu giải lao, không khỏi đổi cảnh sinh thơ:

XUỐNG

*« Nước biển, cô Hằng ửng má son,
Thướt tha bề gấm thoát mình non.
Ngạt ngào nhành liễu che thân trắng,
E lệ màn dương ẩn mặt hồng.
Quạt gió tứ phương lăn nhẹ gót,
Áo mây ngũ sắc dạo thanh không.
Anh thưa đời lại cảnh dương liễu,
Người đẹp như hương phảng phất nồng.* »

TRẦN DƯƠNG LIỆU

HỌA

*Lấp-ló đầu ghềnh chiếc đĩa son,
Nửa chìm đáy nước, nửa đầu non.
Lăn tăn sóng gợn trăng pha gió,
Thấp thoáng ngàn xa lục diêm hồng.
Liễu rủ viền bờ biển vắng,
Mây lan giát ngọc khoảng trung không.
Ngọn triều lên xuống gương mờ tỏ,
Chợt nhớ non sông, tỉnh giấc nồng...*

LÊ BÁ CHÀN

Bên cạnh Cầu-Đá là Hải-học-viện Nha-trang. Hải-học-viện thành lập từ 1924, gồm có nhiều nhà đồ sộ dựng chung quanh một ngôi nhà ba tầng. Tầng dưới có hồ nuôi hàng trăm thứ cá lạ đủ màu sắc cùng các giống tôm, dơi mối, ba ba, hải-tinh, hải-sâm, ốc, sao biển, hoa đá v.v... Du khách vào xem đứng trước bể cá hàng giờ không chán mắt, được mục kích những sản phẩm của đáy bể, những hải-vật hình-thù kỳ-dị và cũng là kỳ-công của Tạo-Hóa. Ngắm cá trước các bể thủy tinh, kiến trúc rất khéo léo, đóng sát vào tường, khiến cho ta có cảm tưởng như ở dưới đáy Thái-bình-Dương được tự do ngoạn mục, sống cảnh thần tiên của Hà-bá, giữa những hoa đá trắng đỏ, đen, những hải thảo cành lá lơ thơ như trổ như chạm, những thứ cá hình dáng xinh đẹp, màu sắc huy hoàng lướt qua lướt lại bên những núi non bộ chìm ngấm đáy nước trong veo. Mấy con cá Mao-tiến hay là Ngư-diều (Pétrois) giống như những con công hay con phượng, mình đầy lông mà màu ngũ sắc; vài con khoang cò (Amphifriou bifasciatus) mình đen, cổ và lưng khoang trắng nom thật kỳ-dị; đám con thạch-ngư, mình sù-sì, sắc nâu nhạt như thêu hờn đá có rêu, cá vói đá cùng một sắc, nếu cá không cử động thì đồ ai biết được đâu là đá, đâu là cá? Ngắm các hồ, các bể cá không thấy chán mắt, nếu người gác không giục ta là giờ đóng cửa đã tới. Lên trên lầu, du khách được xem một phòng thư viện có trên 3 vạn mẫu hải-vật được tầm thuốc; lọ nào cũng có đề tên cá nơi bắt được và cá cư-tính của cá nữa. Hải-học-viện Nha-trang có tiếng đối với hoàn cầu, về các kết quả mà Viện đã lượm trong công-cuộc khảo cứu loài thủy-tộc trong cả vùng Đông-Nam Á. Mục tiêu của Hải-học-viện là nghiên cứu Hải-lý-học và Hải-sinh-vật-học, kỹ-thuật ngư-nghiệp, kỹ-nghệ chế tạo hải-sinh-vật. Đây không phải là nơi chỉ nuôi cá đẹp, cá lạ cho ta xem, nhưng là trung tâm nghiên cứu khoa-học và hải-học lớn nhất ở Viễn-Đông, nơi mà các nhà khoa-học suốt ngày cặm cụi nghiên-cứu tìm tòi.

Trên đường về, du khách còn băng khuông thì đã thấy những tòa nhà đồ sộ nguy nga, ấy là trường Hải-Quân của Việt-Nam Cộng-Hòa, chuyên đào tạo ra hạ và sỹ-quan Hải-Quân. Trung tâm huấn luyện Hải-quân do sỹ-quan Việt-Nam điều khiển, đứng hãnh diện trên bờ bãi, khiến du khách phải dừng lại và xin phép vào thăm, nếu khách sợ cuộc du ngoạn Nha-Trang của mình thiếu sót: cạnh trường Hải-quân có trường Không-Quân cũng do một Thiếu-Tá Việt-Nam chỉ huy và đã đào tạo ra bao lớp phi-công.

Thăm mấy nơi ấy, bạn không tiếc thì giờ rồi trở về bãi biển Nha-Trang.

Ngồi trên bờ, du khách nhìn ra xa. Ngay trước mắt, như một tấm bình phong xanh nhợt, là Hòn-Bãi-Trú, rồi đến Hòn-Tré, Bãi-Rạng, nơi sản xuất ra hải-sâm; xa nữa, như những cái nón chóp úp giữa dòng, là những đảo trên có tổ yến hay yến sào Nha-Trang. Nào là hòn Chà-Là, Hòn-Hổ, Hòn-Đụn, Hòn-Nọc, Hòn-Mùn, Hòn-Nội, Hòn-Ngoại, người Nha-Trang gọi gồm là Hòn-Yến. Nếu du khách dành một ngày, thuê thuyền hay nhờ tài hải-quân, quan thuế, công chánh, ra tận các đảo, các hòn ấy, thì bạn sẽ được xem những cảnh đẹp thiên-nhiên, hùng-vĩ, hàng vạn con chim yến đã tìm những hang, những động, những khe đá thiếu tạo, để làm tổ, hàng đàn người thợ yến, hàng năm đến vụ tháng ba, ra tìm những tổ ấy để lấy về bán cho ta làm một món ăn quý, đắt như vàng. Bãi biển Nha-trang đẹp nhất Việt-Nam thì yến sào Nha-Trang cũng là thượng hạng, khi so sánh với yến Quảng-Nam, yến Qui-Nhơn. Yến Nha-Trang dày, màu trắng ngà, nấu lâu nở nhiều mà không nát, hương vị lại thơm ngon. Có thứ yến « quan » rất quý, có thứ yến trung àm què cho các bạn ở nhà không được đi thăm biển Nha-Trang rất hợp; còn có « huyết yến » nghĩa là tổ yến có máu của con chim yến, một thứ yến mà người ta vẫn cho là rất bổ, chẳng biết có đúng hay không.

Ngày thứ ba — Tới Nha-Trang mà không thăm Hòn-Chồng, thì là một điều thiếu sót lớn-lao. Hòn-Chồng là một bán đảo nhỏ toàn bằng đá. Hòn to có, hòn nhỏ có, hòn nọ chồng lên hòn kia, nom kỳ ngộ nghĩnh. Hòn chồng đầu có phải là Hòn Vực Hòn Chồng như ta tưởng; Hòn chồng là mấy tầng đá do tay Tạo-hóa đặt chồng chất lên nhau, lập thành nên một cảnh ẻo-le, mà có lẽ cũng dễ thử sức bề sâu sống cả. Nhưng đã trải bao thế kỷ, đá vẫn tro tro cùng tuế nguyệt. Hòn chồng là nơi vãng cảnh của du khách thập phương, của các nhà thơ thao, hướng đạo, của giai-nhân tài-tử, trèo đèo lội cát đến đây tìm thi hứng. Theo cuốn « Nha-Trang thắng-cảnh » của bạn Trần-tân-Leng, thi sĩ Quách-Tấn đã cảm đề:



Chùa Thiên-Mụ (Huế)

Phái-đoàn giáo-chức và học-sinh Nam-Phần thăm chùa Thiên-Mụ ngày 26-4-1957
(Xem Tin-tức Văn-Hóa : « Một cuộc du-ng ngoạn có ý-nghĩa »)

Hòn Chông (Nha-trang)
Xem bài : Nha-trang du-ky



Trời mây bìn nước cảnh mênh-mông.

Chân núi dò ra đá mấy chông.

Khăng-khít, thót em nương thốt chị,

Vững-vàng, hòn châu đở hòn ông.

Sóng xô đầy mái, bèn gan sắt,

Rêu buộc rặng thêm, chặt giải đồng.

Gấp-gỡ đá đầy ta hỏi đá :

Vá trời bao thuở mới nên công ?

Bạn Hữu-Phương trợ bút Tin-Điện, thấy Nha-Trang có vẻ diệu-huyền,
thăm Hòn-Chông thấy cảnh thần tiên, đã nảy ra thi-hứng :

«... Thanh sơn bích thủy cửu tương kỳ,

« Đỉnh trạo, huy hoàng, dục phú thi...

Bạn lại tức cảnh vịnh Hòn-Chông như sau :

« Đá chất lên Hòn để ngắm chung,

Mới hay thợ tạo đã dày công.

Quanh năm chống lại cơn triều dộy,

Vững dạ nề chi trận gió rung.

Mặc-khách, tao-nhân nương dưới bóng,

Ngư-ông, mục-tử núp bên hông.

Bốn mùa nhộn-nhộn người thăm viếng,

Đá chất lên Hòn để ngắm chung.»

Bạn có thể xuống khe đá Hòn-Chông, mà tắm. Nước trong xanh lơ-lửng mấy con tôm vàng... Nước gần đá nên mát rượi. Tắm xong bạn sẽ tìm một khe, dưới bóng một hòn đá lớn mà nghỉ ngơi, để ngắm trời xanh, nom mây chạy, nghe sóng vỗ...

Đồi Hòn-Chông, du khách trèo dốc độ non 100 thước nữa, sẽ lên tới nhà Thờ nhà Giòng. Nhà Giòng là những nhà đồ-sộ nguy-nga, làm trên ngọn đồi nom rất kiên-cố và oai-nghiêm. Nhà Giòng có vườn cây rất đẹp ; đứng trên nhà, ném tầm con mắt về Nha-trang thì càng rõ phong cảnh Nha-trang là đẹp :

« Cỏ cây chen đá, lá chen hoa ».

Nước bề xanh biếc, mái nhà đỏ tươi, bãi cát trắng phau, bấy nhiêu màu sắc của Nha-trang làm cho du-khách đứng trên đồi, trông như mình ở nơi bồng lai tiên-cảnh.

Nếu bạn muốn, thì có thể tiến theo đường đi Tuy-Hòa độ ba cây số nữa để tới đèo Rù-Rỳ. Đèo Rù-Rỳ quanh co hình chữ chi. Con đường lên đèo dài hai cây số uốn khúc giữa sườn đồi đỏ, cây cỏ xanh um. Dưới đèo có hầm xe lửa chui qua. Đứng trên đèo hướng về Nha-Trang, bạn sẽ thấy cảnh đẹp của Nha-Trang thu hẹp lại giữa làn nước biếc, và mấy đồi núi xanh.

Ngày thứ tư — Hôm nay là ngày cuối cùng. Du khách ra tắm rất sớm, để được ngắm bề lặng như hồ, nước trong suốt như pha-lê, để :

« Tắm hồn sạch-sẽ thanh-cao,

« Tựa như bãi cát trắng phau kềm gì ».

Đời bãi biển, du khách thuê xe thăng tiến về phía Hòn-Chông, qua cầu Hà-Rá, cầu sông Cái rồi đến Tháp Bà, cách Nha-Trang non hai cây số. Tháp Bà thờ Thiên-Y Thánh-Mẫu đồng với Chăm tên là Kauthara. Tháp Bà là nơi thắng cảnh đặc biệt của Nha-Trang. Đặc biệt, vì kiến-trúc tối-cổ của tháp, đặc biệt vì tháp là di-tích của nền văn-minh Chăm (Hời) đã có từ thế-kỷ thứ VII, tức là 1139 năm nay. Tháp Bà được người Chăm xây dựng trên một ngọn đồi tiên phong ra biển và dẫn đầu một dãy núi tên là núi Chúa, bây giờ thuộc làng Đại-An, Đại-Điện, quận Diên-Khánh tỉnh Khánh-Hoà. Đồi nằm kề bên cửa Cù-Giang tức là sông Cái Nha-trang, cao độ 35 thước. Đứng trên đồi có thể nom thấy phong cảnh của sông Cù, thấy làn nước biếc vịnh Nha-Trang, thấy làng Cù-Lao, thuyền đánh cá và cả thành phố Nha-Trang. Du khách qua hai cái cầu thì tới chân đồi. Theo bậc thang đá mới xây dựng năm 1954, thì lên tới ngọn đồi có bốn tháp cổ. Tháp chính lớn nhất là đền Poh-Nagar. Đền ở phía bắc, cao 25 thước, do ông Pangro thượng thư dưới triều vua Chăm Harivarman đệ nhất, xây dựng vào năm 817, tức là 1139 năm nay. Tháp xây bằng gạch, hình trên nhọn có chạm trổ nhiều hình thần-thoại Chăm. Ngay cửa đền, phía trên có một phiến đá hình lá đề, chạm nổi hình thần CIVÁ bốn tay cầm bông sen, hai chân đạp trên đầu Nandin, hai bên thần là hai nhạc-sĩ thổi tiêu Sanarai. Trong đền, có tượng Thiên-Y Thánh-Mẫu Kauthara ngồi xếp bằng tròn, có 10 cánh tay, đầu đội mào hình hoa sen gắn ngọc lỏng-lánh. Phòng thờ rộng rãi, phía trên xây vút, dưới to trên thót dần. Giữa đền, đặt một bàn đá hình cái cối biểu hiệu âm dương.

Tháp thứ hai ở chính giữa, được xây cất từ thế kỷ thứ XII. Trước kia, đền cũ xây dựng từ thế kỷ thứ VII, nhưng sau bị giặc cướp Mã-Lai tàn phá vào năm 774. Năm 784, vua Sivavarman cho trùng tu lại rồi đến thế kỷ thứ XII, vua Java Indravarman đệ tam mới xây cất lại như mới và còn lại tới ngày này. Đền này thờ phu quân Thiên-Y Thánh Mẫu.

Tháp thứ ba nằm về phía nam, cùng một kiến trúc, nhưng nhỏ hơn hai tháp trên, hai bên cửa đền có khắc nhiều chạm-tụ. Trong đền thờ Cậu, tức là con trai của Thiên Y Thánh Mẫu.

Sau lưng đền Pah Nagar, có ngôi đền thứ tư thờ bố mẹ nuôi Thiên-Y Thánh Mẫu. Tháp nào cũng xây bằng gạch theo lối kiến trúc xưa của người Chăm. Kiến trúc ấy thấy rõ ảnh hưởng văn minh Ấn-Độ, nơi góc của đạo Phật. Đặc điểm của tháp này cũng như tháp Chăm khác, là không thấy vữa ở giữa các viên gạch, hoặc có một lượt vữa nhưng mỏng lắm ; tuy nhiên, tháp rất chắc chắn, trải bao tuế nguyệt vẫn bền gan, kềm chi tháp đá. Du khách tỷ mỉ xem kiến trúc xưa của các tháp, khâm phục kiến trúc và văn minh cổ của nền văn minh Chăm, chỉ chịu nhường bước cho dân tộc quật cường Việt-Nam khi Nam tiến... Bạn muốn biết sự tích của Tháp Bà chăng ? Thì đây, tấm bia đá lớn dựng sau tháp chính do Phan Thanh-Giản, thượng thư Lê-đầy, tẩm bia đá lớn dựng sau tháp chính do Phan Thanh-Giản, thượng thư Lê-Nghi triều vua Tự-Đức đã dựng lên ngày 20 tháng 5 Tự-Đức thứ 9, có ghi chép sự tích của Tháp Bà. Bia còn lành, chữ còn rõ, xin lược-dịch dưới đây, để bạn đọc đồng lòng, tuy sự tích có phần huyền bí hoang đường như trăm nghìn sự tích khác của các thần thoại : (1)

«... Tục truyền Thiên-Y Thánh Mẫu giáng trần ở núi Chúa thuộc làng Đại-An, tỉnh Khánh-Hoà. Núi Chúa sát, núi Cù-Huỳnh, phía đông giáp Tháp-Bình-Dương. Trên núi, cây cỏ xanh rờn, hoa tươi quả đẹp, dưới biển nước trong sóng lặng, phong cảnh thần tiên. Trong khung cảnh tươi đẹp ấy có hai vợ chồng ông già, không con cái, sống trong một túp lều tranh dựng bên sườn đồi. Hai ông bà sinh sống về nghề trồng dưa hấu đỏ. Nhưng lạ thay, cứ đến mùa dưa chín, sau một đêm thì ông bà thấy mất mấy quả dưa. Rình mồi, một đêm khuya, dưới ánh trăng mờ, ông bà bắt được thủ phạm : ấy là một cô bé 10 tuổi ; cô ta mồ côi bố mẹ, đói, nên phải trộm dưa, ông bà thương tình, và lại hiếm hoi nên đem về nuôi nấng, chăm nom thương yêu như con đẻ. Một hôm, nước lụt dâng lên ngang đồi, cô nói để giải buồn và thành một núi giả, rồi hái hoa cảnh trồng lên núi, cô nói để giải buồn và khuấy khéo sự nhớ nhung của cô, đã lâu không được về nơi tiên giót. Lão phu thấy cô ăn nói viên vông, mới nổi giận mắng nhiếc. Cô buồn, biến hoá thành một khúc gỗ trầm, tự để cuốn theo sóng gió. Khúc trầm trôi ra biển khơi rồi gạt vào phía Nam bờ biển Trung-Quốc. Dân cư thấy khúc trầm lớn, dù nhau khiêng lên, nhưng đều vô hiệu ; miếng trầm như vậy mà hàng trăm

(1) Về sự tích Thiên-Y Thánh Mẫu, xin xem bài đã đăng ở Văn-hóa Nguyệt-san số 7 năm 1955. L. T. S.

người không nhắc nôi. Tin ấy đồn tới Bắc-Kinh, một ông hoàng trẻ tuổi, tính tình nghĩa hiệp, bèn tìm đường tới nơi ngắm khúc trầm. Hoàng-tử khấn vái, rồi đưa hai tay ra nâng khúc trầm, thì dơ lên rất dễ dàng. Hoàng-tử đem trầm về để trong cung điện, ngay ở thư phòng riêng, và săn sóc cẩn thận.

Một đêm trăng tỏ, Hoàng-tử thấy hương hoa ngào ngạt, rồi bỗng thấy một tiên nữ, sắc đẹp tuyệt trần, hiện từ khúc trầm ra. Hết Hoàng-Tử tới gần thì hình bóng lại biến mất. Một hôm, Hoàng-tử thức đĩnh thì nằm được bóng giai nhân. Bị bắt, tiên nữ mới chịu kể cho Hoàng-Tử nghe lai-lịch của nàng. Hoàng-Tử đem lòng quyến luyến, xin phép vua cha cho cưới nữ-thần. Hoàng-tử và nàng, sau sinh hạ được một trai lại đặt tên là TRI và một gái tên là QUÝ. Nhưng một ngày kia, nàng nhớ quê hương xứ sở, cùng hai con biến hình vào khúc trầm rồi trốn chồng trôi gạt về núi Chúa ở làng Đại-An. Về tới nơi xưa chốn cũ, thì dương-phụ và dương-mẫu của nàng đã khuất bóng từ lâu. Nàng bèn lập một ngôi chùa trên ngọn đồi để thờ cha mẹ nuôi. Nàng lại tự tay tạc tượng mình rồi một buổi sáng kia, nàng từ biệt cõi trần, cất hạc bay về tiên giới. Dân vùng núi Chúa biết nàng là người trời, mới gọi là Thiên-Y Thánh-Mẫu.

Hoàng-Tử Trung-Quốc phát một chiến thuyền sang phương Nam tìm kiếm nàng. Tới cửa sông Cù, nhân viên phát đoàn hành-hạ dân chúng, khiến Thiên-Y Thánh-Mẫu nổi cơn thịnh nộ, làm nổi phong ba, đánh đắm thuyền của người Trung-Quốc ngay ở cửa sông Cù, dưới chân đồi Tháp Bà.

Một ngày, bỗng một hòn đá lớn-biều hiệu của phát đoàn xẩu sớ-hiện lên, một mặt có khắc chữ Chàm. Hiện giờ, hòn đá ấy vẫn còn ở phía tay phải cầu lớn, và được đặt tên là «Hòn Chữ» hay «Đá Chữ». Từ đó, ngoài khơi thường xảy ra nhiều phép lạ, nên dân chúng Chàm xây dựng tháp trên núi để thờ Thiên-Y Thánh-Mẫu và họ cầu khấn sao thì được vậy. Trên chùa, người Chàm đã tạc tượng Thánh-Mẫu và tạc bia ghi chép lịch-sử của Thánh bằng thứ chữ, giống như chữ hiện trên hòn Đá Chữ nổi giữa cửa Cù-Giang.

Từ đó, cảnh đồi Tháp Bà luôn luôn xanh đẹp. Khi xưa, mỗi năm vào ngày lễ kỷ niệm Thiên-Y Thánh-Mẫu, vì chùa linh thiêng lắm cho nên lúc dân chúng hành lễ thì cầm thú các rừng lân cận và cá bè đông đều kéo về châu xung quanh Tháp.

Người Chàm gọi Thánh-Mẫu là Thiên-Y-A-Na «Điện-Bà Chúa Ngọc-Thanh-Phi».

Về sau dưới đời vua chúa nhà Nguyễn, vì anh linh, Thánh-Mẫu được tăng tước hiệu «*Hồng nhân phổ tế linh ứng thượng danh nhân*». Hiện nay Tháp-Bà được liệt vào danh lam của Viện Bảo Tồn Cổ tích...

Ngày 20 tháng 5 Tự-Đức thứ 9

PHAN-THANH-GIẢN

Thượng thư Bộ Lễ thảo văn.

Nguyễn-Quỳnh, Phó tổng trấn Khánh-Hòa tạc bia.

Tháp-Bà uy-nghiêm đứng trên ngọn đồi, đã thành một danh lam thắng cảnh của Nha-Trang.

Du-khách khi vãng cảnh Nha-Trang có thể ở dưới một chiếc thuyền, cắm sào ngay bên Cù Lao (1), dưới chân Tháp-Bà. Ban ngày du-khách đi tìm các nơi danh lam thắng cảnh, để ngao du sora-thủy. Tối đến, nằm gần một nước, ngắm sao, đón gió, nghe sóng vỗ mà ngâm :

Yến đầu vãng tiếng trên cao ?

Lửa chài soi bến Cù-Lao trước thuyền...

(1) Cù-Lao : làng Cù-Lao chuyên đánh cá, nằm ngay dưới chân Tháp-Bà.

THI CA

DI-CU VINH-NGUYỆT

Chênh-chếch lưng trời mảnh Tở-Nga,

Ngìn thu ai đã thấy trắng già ?

Bao phen sương tuyết, gương còng tỏ,

Mấy độ tang-thương, bóng chữa nhòa.

Đình núi inđy tan mây gác liễu,

Đầu cành gió thoảng mặt in hoa.

Hàn-quang xin chớ soi nơi biệt,

Đề khách tha hương tránh nhớ nhà...

ĐAO-THỊ VÂN-KHANH

CHUYỆN XÃ-HỘI

CỦA THEM ĐẤT

I CHÍ-CÔNG

Tháng chạp năm 1936. Đã hơn 5 giờ chiều, mà nắng vàng dịu vẫn còn lưu-luyến các ngọn cây cao của sườn núi Bái-Vọc, trong đảo Phú-Quốc. Mặt biển phẳng-lặng. Cảnh vật im-lìm.

Một phụ-nữ tuổi độ bốn mươi, quần áo xốc-xếch, hơ-hải chạy. Gặp ai, chị cũng hỏi: « Có thấy hai đứa nhỏ tôi về chưa ». Một anh đi đường điem-tính trả lời cụt-ngun: « không thấy ». Chị như điên, luyến-quỳnh hỏi từng người: « Có gặp hai đứa nhỏ tôi không? Có gặp hai đứa nhỏ tôi không? »

Chị ghé nhà này, nhìn nhà nọ, bán-khoăn, mếu-máo. Ông giáo ở làng gặp chị hỏi cặn-ké: « Hai đứa con chị đi đâu, mà kiếm dữ vậy? »

Có người chia sót nỗi âu-lo của chị, chị kể ngay: « Hồi trưa này, nhà không ai, tôi sai con Tẹt 10 tuổi và em nó là con Tùn 9 tuổi chóng xuống xóm Ông Thấy (cách đây 3 cây số) thăm bà ngoại nó đau, đến bây giờ chưa về ». Chị Sáu Mừng chạy xuống tới « Ông Thấy » kiểm, cũng không thấy tăm dạng gì.

Độ một giờ, cả xóm đều hay tin hai đứa nhỏ chóng xuống trời mắt.

Họ tùm năm tùm ba bần-bạc. Người nói nó bị xiêu-bạt ra khơi rồi. Người lại cái chắc nó bị chìm xuống. Người bàn thế này kẻ bàn thế nọ. Chị Mừng bối-rối, thất-vọng, ngồi bó gối dưới góc dựa, gục mặt khóc hu, hu ...

Có người khuyên chị nên xin xăm coi bần-mạng của hai đứa thế nào. Có người bảo chị cầu Nam-Hải Đại-Trưởng Quân (Cá Ông) phò hộ đưa hai đứa nhỏ vào bờ.

Nhang đèn nổi lên. Khói hương nghi-ngút.

Ông giáo trẻ tuổi nhìn tình-cảnh mà nao lòng...

Ấm-thấm thực-hiện ý-dịnh của mình, ông giáo vận quần đùi gọn-gàng, đi chơn không, sẵn-sớm lợi gành vượt suối lên tận « Hòn Một » xa cả trên 2 cây số, mượn cho được người và ghe, tức tốc đi tìm trong đêm nay chiếc xuống và

hai đứa bé. Trời sụp tối. Bóng đen bao trùm mặt bể, lẩn lẩn tràn vào các căn chòi dân chài rải-rác ở ven bờ.

Cảnh thật u-buồn, rùng-rợn.

Một chiếc xuống 2 chèo, do hai anh dân chài lực-lượng, điều-khiển tách bờ ra khơi truy tìm hai đứa nhỏ thất-lạc.

Nhà Chị Mừng không ngủ. Chị cầu Trời khẩn Phật, Ông Nam-Hải, cứu hai đứa con của chị.

Ai lối xóm cũng hít-hà tiếc hai đứa nhỏ tội nghiệp, mà không ai tính ra phương kế chả. Họ chỉ trông cậy ở ông thần này ông thánh nọ.

Ông giáo chong đèn chờ tin-tức.

Đêm nay, trời lặng. Gió hiu-hiu đưa các làn sóng hiền-lành, mon-trón vơi bãi cát trắng tinh.

Ông đứng nhìn đăm-đăm ngoài khơi, suy nghĩ và hy vọng. Góc trời ửng hồng. Mặt trời ló dạng. Màn đen lẩn lẩn thối lui nhường chỗ cho ánh sáng. Mặt bể tỏ rõ. Kia ! xuống về. Ông nhìn, cố nhìn mặt âu-lo. Chiếc xuống lớn lướt tới... có dòng theo theo chiếc xuống con. Mặt ông xa-xăm, bỗng nhiên, nở một tia hy-vọng.

Chiếc xuống lặng-lẽ vô bờ. Cả xóm chài lưới Bái-Bồn túa ra. Bây giờ ai cũng chăm chú vào chiếc xuống.

— Ô ! có xuống con nữa ! Họ reo mừng rỡ ! Kia hai đứa nhỏ !

Chị Mừng chạy ôm con vào lòng khóc rấm-rức. Chị hỏi con Tẹt tại sao bị trôi rạt ra khơi. Cái Tẹt thuật lại: « Xuống gần tới Ông Thấy, thì có một ngọn sóng lớn đưa mạnh xuống ra. Sào ngắn hụt chóng, không đụng đất nữa. Rồi gió cứ đưa, đưa mãi ra xa ». Nó sợ nó khóc, em nó cũng khóc. Hết sức khóc, hai chị em nắm thíp xuống xuống, chịu đói chịu khát, đến nửa đêm mới có ghe đến rước.

Chị Mừng chảy nước mắt, cảm ơn Trời Phật Thánh Thần như là ông Nam-Hải, đã cứu hai đứa con thân-yêu của chị.

Người ta quây quần theo hai đứa nhỏ, không để ý đến chiếc ghe tách bến về Hòn Một.

Chị phải trả lễ một con heo. Tiền không có, chị bán chiếc vòng cưới hộ thân của chị, được trăm bạc, đủ mua heo, và vay thêm hai mươi đồng nữa mua rượu. Cả xóm được dịp nhậu-nhẹt một bữa ; nhưng người ta quên phứt ông giáo trẻ tuổi trong làng.

Từ ngày ấy, người ta không thấy ông giáo ấu điem-tám, trước khi đi dạy nữa. Lẩn lẩn, quần áo, giày vớ ông tưa rách mà không được thay-thế ; nhưng ông vẫn thân nhiên vui-vẻ, có lúc ông mìn cười sung-sướng, nhìn hai đứa trẻ Tùn và Tẹt nhí-nhảnh, đi qua công trường, ca hát...

II NGÂM - NGŨI ...

Năm 1940, ông giáo Tám dạy lớp nhũ tại trường tiểu-học bỏ túc tỉnh-lỵ Hà-tiên. Từ đầu năm, ông đã để ý đến trò Ngọc ngồi đầu bàn nhứt bên tay phải.

Trò Ngọc rất siêng-năng, chăm-chú lo học. Bài làm nào, trò cũng được ưu-điễm. Bài học nào, trò cũng thuộc rành. Thêm tánh-tĩnh trò dăm-thăm, hiền-hậu, vui-vẻ, nên thầy thương, bạn mến.

Nhưng ... một sự thay đổi bất ngờ. Bải trường Tết vô, trò học bắt đầu sa-sút. Bài làm kém phần hay, bài học ít khi thuộc. Từ mai đến chiều, trò tui-nghĩu, ít nói, ít cười. Nhiều câu hỏi của thầy, trò không buồn trả lời hoặc giờ tay. Đôi khi trò góp bài bê-trẻ, lại có lúc ngủ gât, thầy bắt gặp.

Từ ưu-hạng lần lần trò sụt xuống hạng thường. Mấy lúc này, nếu nhìn kỹ, người trò gầy đi nhiều, nước da men-mét, ông giáo rất ngạc-nhiên, nhưng rồi cũng bỏ qua.

Một hôm, ông kêu Ngọc trả bài. Ngọc đứng ú - ớ, mắt đỏ ngầu sâu hoắm, như người mất hồn. Bực-tức, ông giáo nghiêm-phạt.

Ngọc đứng im, nước mắt cuộn trào.

Ông thầy, trong lòng thắc-mắc ...

Cả lớp im phăng-phắc, trong một bầu không-khí nặng-nề, nghiêm-trang. Ông giáo dăm ra buồn, thường gât gông. Mấy hôm sau, Ngọc vắng mặt. Ông giáo bắt đầu để ý đến sự thay đổi của đứa học trò cưng của mình. Ông dinh-minh là Ngọc xấu hổ trốn học. Ông hỏi hỏi-hặn. Ông muốn tìm hiểu nguyên-do.

Ông hỏi cả lớp : « Trò nào biết tại sao Ngọc ở nhà đã ba bốn bữa nay, không xin phép ? »

Có tiếng xầm-xì, xôn-xao trong đám học trò.

Ông giáo quát : « Trò nào biết cứ nói, làm gì mà òn vậy ? »

Sau một đôi phút do-dự, trò Tâm, bạn thân của Ngọc, đứng dậy run run cất giọng :

« Thưa thầy, trò Ngọc đêm kia bị chìm ghe, sáng trò tấp vào Hòn Heo, người ta vớt lên được ».

Ông giáo ngắt lời : Nó đi đâu ban đêm mà bị chìm ghe ?

Tâm thưa tiếp : Dạ, trong lúc bãi trường Tết, ba trò đi lưới bị chét dằm. Nhà trò nghèo, ở bên xóm Tô-Châu kia. Mẹ trò đau hoài, em trò còn nhỏ. Ban ngày đi học, suốt đêm trò phải thế cha đi lưới mướn, nuôi mẹ và nuôi em. Kể đến đây, Tâm nghẹn-ngào, không tiếp được nữa. Cả lớp rơm-rướm nước mắt.

Ông thầy xây mặt vào tường rút mù-soa.

Địu giọng, ông nhìn Tâm hỏi tiếp : Bây giờ Ngọc ra sao ?

— Thưa Ngọc đã đỡ rồi, nhưng chắc phải thôi học hẳn, ở nhà đánh lưới mướn nuôi mẹ và em.

— Đánh lưới nữa à ! Ông thầy dẫn câu hỏi.

Tâm trả lời vẫn-tắt : Dạ, rồi từ từ ngồi xuống, úp mặt trên bàn thồn-thức.

Cả lớp im-lặng. Ông giáo đứng tần-ngần, ngậm-ngùi.

Tiếp một hồi trống báo mãn giờ học ...

KỊCH THƠ

TÌNH SON - CƯỜC

của NGUYỄN-HOÀI-HỐI.
chánh Kỹ-sư thủy-lâm.

Au plus profond des bois, la Patrie a son coeur,
Un peuple sans forêt est un peuple qui meurt.

André Theuriot

« Hồn tổ-Quốc ngự trong rừng thẳm,
Nước thiếu rừng, để dằm để suy. »

Lời dịch của VĂN-CHUNG

BỘ-CỤC :

— Màn đầu.

Ba thanh-niên thành-thị rủ nhau vừa đi săn bắn, vừa đi ngoạn cảnh Sơn-Lâm. Buổi trưa cắm trại ở thới nẫu. Chặt cây bừa-bãi, để dựng lều, đốt lửa, không hề quan-tâm đến sự phá-hoại cây-cối, và có thể gây ra nạn cháy rừng.

— Màn thứ hai,

Bốn cô sơn-nữ tới. Các cô thấy du-khách, chưa hiểu biết sự ích-lợi của rừng, nên đổ nhiều điều về sơn-lâm.

— Màn thứ ba.

Vừa hay có mấy vị khán-lâm đi tới. Đã là nhân-viên chuyên-môn, có nhiệm vụ bảo vệ rừng núi. Khán-Lâm bèn giải thích cho thanh-niên và thanh-nữ thêm vài điều quan trọng về ích lợi của rừng, và nhiệm vụ của tuổi xanh trong giai đoạn lịch-sử hiện-tại.

Bọn thanh-niên được cảm-hoá, hứa sẽ tòng quân, để thực hiện Thống-Nhất cho Tổ-Quốc và xây-dựng cho dân-chủ.

MÀN ĐẦU.

ANH GIÁP.—

Trời êm-dịu, nhân tiết xuân dằm-ấm,
Cảnh thư-nhàn, ta dạo gót đồng-quê.
Sống mãi nơi hành-thị, chán ghê !
Về thôn-dã, ta liệu bề săn-bắn.

Ta có dịp ngắm cỏ hoa tươi thắm,
Đi chơi xa, cho biết đó, biết đây.
Chốn phồn-hoa, sinh trưởng suốt tháng ngày,
Thân yếu-ớt, tinh-thần thêm bạc-nhược...

ANH ẤT.—

Thôi xin anh, đừng dài lời khoác-lác ;
Muốn đi sẵn, thì ta cứ đi sẵn.
Riêng tôi, chẳng ngại mỗi gối, chồn chân,
Vì tôi muốn ngao-du nơi Sơn-cựóc.
Như Lưu, Nguyễn, tôi vẫn từng mơ-ước,
Gặp cõi-Tiên, cho thoả dạ chờ-mong,
Dấu phải vượt vài ba trái núi,
Qua năm bảy khúc sông,
Tôi cũng gắng công tìm cho kỳ được.

ANH BÌNH.—

Thanh-niên đâu : Rõ « si-tình số một » ?
Mở miệng ra là ca-ngợi ái-tình.
Tới kỳ thi, cho « vô ếch », thất kinh,
Trượt vô chuối vài phen cho bở ghét.
Hưởng như anh, chỉ một phùng bêm mếp,
Mơ cảnh tiên, nét mặt những đăm đăm.
Đi, đi mau, qua bờ bụi xa-xăm,
May kiếm chút cáo, chồn, về nhậu nhết.

— Ba người cùng tiến, trước còn hăng hái, sau ra về mệt nhọc.

ANH GIÁP.— Các bạn ơi.

Đây, thực là cảnh rừng xanh, nước biếc ;
Tiếng suối ca hoà hợp với thông reo ;
Bao loài chim riu-rít chốn lưng đeo,
Tấu bản nhạc tung-bùng trong muôn thú...

Tôi đề nghị ; ta nghỉ chân dùng bữa,
Lương thực đâu, ta hằm lại cho ngon.
Mấy khi được cắm trại chốn sườn non.
Tiệc gác tía, lầu son khôn sánh kịp !
Dưới bóng mát muôn loài cây chẳng-chịt,
Dao dựa đâu, ta cứ chặt cho quang.
Dọn một nơi an-nghỉ thực đáng hoàng ,
Thả một giấc mơ-màng ngoài cõi tục...

— Ba chàng làm điệu bộ chặt các cây cối gần ngọn-ngang, rồi đào một bếp lò, đốt lửa-cháy đun-nướng. Vừa có 3 cô thôn-nữ đi tới (gái sơn-cựóc ăn mặc theo lối gái Mường hay Thái) : Cô Hồng, Cô Tuyết, cô Nguyệt vừa đi vừa hát bài « Sơn-Nữ Ca ».

Nhác trông thấy bóng hồng, anh Ất tỏ vẻ bất rồi, cảm-động.

ANH ẤT.—

Đạ, tôi xin kính chào ba tiên-nữ !
Lạc gót sen, hay nhà ở gần đây ?
Hân giai-nhân cũng tài-tử sáu tay,
Duyên hội ngộ như rồng mây, cá nước.
Tấm lòng thành đã tỏ bày sạ trước,
Xin cho tường quý tính với phương danh.

CÔ HỒNG (dụng nhi-nhánh, nhưng không kém về danh-thếp) :

Nực cười thay, thái-độ chi, nông-nổi,
Trai thị thành, tưởng lịch-lâm có dư.
Gặp lần đầu, đã thả động mơ-hồ,
Duyên cá nước, rồng mây chi dễ thế !
Ai quen biết, mà dở trò lời-lả ;
Ai bạn-bè, mà nói nói cười cười !
Hỏi họ tên, nào ai để hoài hơi.
Nói cho biết, càng thêm mơ-tưởng hảo !

— Trừ phi các anh là người giàu trí-não,

Giải đáp trời mảy câu hỏi về « Rừng ».
Là một kho tài sản quý vô chừng,
Một nguồn lợi thiên nhiên cho đất nước.
Nếu giảng được, em xin nối gót,
Về châu-thành để sửa túi, nâng khăn.
Mà ví bằng, chỉ múa mép lảng-nhăng,
Em sẽ đi báo ông Khấn Lâm trị tội.

— Vừa chỉ vừa nói: các tội tàn phá cây cối đầy nè.

Rồi quay lại bảo cô TUYẾT: Chi hãy trở lại « ra trình-đổ » của chị, cho họ biết tay!

CÔ TUYẾT.— (Điệu hát trống quân):

Hỡi chàng bạn trẻ kia ơi,
Gặp nhau xin hỏi vài lời nên chăng?
Trước xa, sau mới có gần,
Rắp mong chỉ Tấn, tơ Tần gặp nhau.
Xin anh giải đáp vài câu,
Khoa-học thường-thức, là đầu giáo-dục công dân,
Đề tài là hai chữ « Thủy-Lâm »,
Anh mà hiểu thấu, chúng em quyết ôm cầm theo anh,

— Ba chàng tưu tít tranh nhau ra « ứng thí ». Tưởng là gì Thủy là nước, Lâm là rừng, ai mà không biết. Đề tới, đề tới để dịch với nàng.

ANH ẤT.— xưng phong:

Khá khen cô bé tinh-ranh,
Tưởng chúng anh, dân tính chẳng rành về « Thủy-Lâm ».
Thách cô mình hỏi hàng trăm,
Câu ngoắt-nghéo, đây đáp phăng-phăng tức thì!
Nhắc cô lời nói, phải ghi,
Ứng đối trôi chảy, thì phải đi về với anh.

CÔ TUYẾT.—

Người đầu, sao quá đành hanh.
Cấu chưa giết được, đã giành bán da.

Lâu dài xây trên cát đầy mà,
Chín e nuốt không nổi, phải nhả ra, tên tò l
Một lời đã chắc hẹn-hò,
Ích lợi của rừng núi, nhỏ to, gì những gì?
Đời người cần thiết những chi,
Do rừng cung cấp, anh thì đáp ngay.

ANH ẤT.— Đời sống hàng ngày

Xét qua đời sống hàng ngày,
Ai mà còn lạ, gỗ nay, ta dựng nhà.
Nhà mình cho chí nhà ta,
Nếu không dùng gỗ, thì là tranh, tre.
Lâm-sản chở xuống hàng bè,
Song, mây đủ thứ, gỗ, tre muôn vè.
Thôi nếu thì sẵn củi than,
Từ anh trợ phú, đến anh thợ hàn cũng chẳng qua.
Lá buồm cũng để lợp nhà,
Lá nón, lạt cọ, anh chẳng cần kê con cà; con kê...

CÔ TUYẾT: Câu đầu, em đã phục ghe,

Sau không bị tắc, thì thân nghìn vàng hẳn thuộc về tay anh.
Dám xin hỏi bậc tài danh,
Kê tên các thứ gỗ, rành rành ra sao?
Gỗ quý là những loại nào?
Lại thêm vài « đặc tính » ra sao, nói liền.

— Cả bọn trai lác mắt: Chết chưa, Loại « toán đố » bậc trung học rồi đây.

ANH ẤT: Khó đến phát điên,

Mấy câu khó, đến phát điên.
Hỏi chi hắc búa, bảo đáp liền, mới cảm.
Phải chỉ ở phòng sách với thư trang.
Thì ta tìm kiếm, xoàng xoàng cũng trôi.

À đây, ta nhớ ra rồi :

Đinh, Lim, Sến, Táu, ấy những loài gỗ nổi tên ;

Bồ đề thì để làm diêm,

Cổ thông, gỗ lát, thợ thường dùng đóng xa-lông.

Kia kia mấy gậy tầm-vông,

Đánh Tây hăng hái, giữ được cầu Bông mấy ngày.

Cần lập một bảng thiết đãi,

Muốn kê hết các gỗ quý, phải vài ba trang.

Cho nên anh vội tắt ngang,

Chỉ nêu đặc-tính của mấy thứ hiêng-ngan nhất rừng.

Gỗ mun đen nhánh như sừng,

Làm hộp, làm đũa, anh đã từng dùng quen.

Các thứ *Chò, Huýnh, Bàng-lang*,

Đóng thuyền, tàu thủy chạy dọc ngang sông ngòi.

Cụ già sắp lìa bỏ cõi đời,

Làm hòm, cụ dặn phải đòi đúng *giòì vàng tằm*.

Nắng mưa rêu-rãi bao năm,

Đã có *Sao, Sến*, tốt bằng trăm gỗ thường.

Lại có thứ gỗ thơm-thơm,

Bạch-dàn đem đốt, hương trầm ngát-ngao,

Có mình có biết gỗ *Kim-giao* ?

Món ăn đầu độc thế nào, nó tố giác ngay.

Rút ruột tằm, anh đã tỏ hết niềm tây ;

Chắc cô em thỏa dạ, đắm say tình với tình !

— *Cả bọn trai võ tay reo, sung sướng — Bên Gái, Cô Nguyệt nháy ra, can thiệp giúp bạn TUYẾT.*

CÔ NGUYỆT. — Ứng đối phân minh

Khá khen ứng đối phân minh.

Lại thêm lời nói hữu tình có duyên.

Nhưng khoan, chưa chắc « ăn tiền »,

Còn vài câu nữa, anh đáp liền cho em nghe :

Rừng xanh quen lối đi về,

Chứa nhiều vị thuốc hay ghê, anh có tường ?

Trái cây chín, rụng đầy đường.

Ngọt, bùi, béo, bở, trăm đường những thứ chi ?

Chứ rằng « quân tài nhất thì »,

Xin anh giải thích, chúng em ghi theo liền.

Bên trai, anh ÁT một là đã bị quay nhiều quá, như chóng cả mặt, hai là không rõ về các cây vị thuốc, nên ra hiệu cho BÌNH đỡ lời, may cứu oán được tình thế chẳng.

ANH BÌNH. —

Sắc đẹp như tiên,

Người đầu sắc đẹp như tiên,

Thêm hai má lún đồng tiền, xinh lại càng xinh.

Mừng nay tình mới gặp tình,

Giải đáp lời hỏi, đề có mình hân hoan.

Đồ trái kẻ có muôn vàn,

Riêng cây có mùi cũng cho ta hàng tràng trái ngon.

« *Sơn-trà* », trái đỏ như son,

Trái *xoay*, trái *búa*, với *dâu xoan* ngọt-ngào.

« Muốn tắm mát, lên ngọn sông đào,

Muốn ăn *Sim* chín, thì vào rừng xanh »,

Kia kia trái *giòì tiết-canh*,

Là đồ gia vị, thơm lành biết bao !

Cây vị thuốc : có *Chùm Bao*,

Chữa khỏi bệnh hủi, gian lao vô chừng.

Sa-nhân và *Sâm đại-hồng*,

Quy-thần, *Thục-địa* cũng vốn dòng *Sơn-lâm* ...

Muốn cùng em kết giải đồng-tâm,

Đào sâu, bới kỹ, anh chẳng ngần-ngại chi !

Bồ-Hòn, xia em hãy ghi :

Đề giặt quần áo, chẳng kém chi xà-phòng.

Dầu Ráy cho chí Dầu Long,
Có những chất nhựa chảy hồng, chẳng kém ít-xăng.
Kho tàng quý-giá vô song ;
Thượng vàng, hạ cám, vào trong chẳng thiếu gì..

Anh Bình vừa giải đáp xong thì vừa hay, có hai viên khan-lâm đi tới : một ông chánh Quản (già) và một ông Đội (trẻ hơn).

Hỏi ra, mới biết rõ câu chuyện là hai bên, gái Sơn-lâm và trai thành-thị đang thách-thức nhau ứng-đổi về mọi ích lợi của rừng núi.

Hai ông đều góp ý-kiến. Cuộc thảo-luận trở nên thân-mật, nồng-nàn.

Ông chánh-Quản, nhiều kinh-nghệm, bèn ngỏ lời xin bỏ-khuyết câu chuyện bằng cách nêu ra những « ích lợi sâu-xa » của rừng, ngoài những « ích lợi thiết-thực », mà đôi bên đã trình bày.

Ông Khan-Lâm trẻ cũng tán dương sự hiểu-biết của các bạn du-khách ; và ước mong toàn dân đều có một ý-niệm rõ-rệt về địa-vị quan-trọng của rừng núi trong nền thịnh-vượng về kinh-tế của non sông.

ÔNG KHÁN LÂM GIÀ.— Theo điệu xam á-đào :

Đây là rừng, đây là rừng,
Chị em ơi, nay ta muốn nhắc ích-lợi của rừng,
Trăng ngàn, gió núi, anh em ai cũng đã từng hưởng qua.
Trận bão to có thổi đến chẳng là,
Muốn vãn cây ngăn cản, gió chỉ thoảng qua ào-ào.
Kìa kìa biết bao trận mưa rào,
Phần lớn nước lú thấm vào rễ cây ;
Gây thành những mạch nước từ đây,
Thấm nhuần thông-thả, chảy ra đây các hồ ao.
Mực nước sông chẳng sợ lên quá khi nào,
Làm chi còn lụt lội, tai hại cho đồng bào thôn quê.
Nguồn nước đã được thỏa thuê,
Khí hậu cũng mát-mẻ trăm bề, khác với miền xuôi.
Điều hòa thủy-thổ, chị em ơi,
Ảnh-hưởng của rừng núi rõ mười mười không ngờ,
Bảo vệ rừng, ta chẳng khác thờ-ơ,

Bức tràng-thành kiên-cố để giữ cõi bờ non sông,
Toàn dân xin dốc một lòng !..

ÔNG KHÁN-LÂM TRẺ.—

Theo câu chuyện đôi bên vừa kể,
Cũng tỏ rằng bạn trẻ đáng khen.
Trong đời thực-tế đua chen,
Yếu thua, mạnh được, dĩ-nhiên, chẳng ngờ.
Một quốc-gia, cõi bờ mong vững,
Sự hùng-cường muốn cũng kíp người,
Nền kinh-tế, khá trở lại !
Nước giàu, dân mạnh, nào ai dám nhờn.
Kinh-tế vốn là nguồn hưng-thịnh,
Ruộng với rừng, vận-mệnh quê-hương.
Nhiều rừng rậm, sẵn ruộng nương,
Kho tàng quý giá, trăm đường chẳng sai.
Dân trong nước, muốn người như một,
Yêu quý rừng, yêu nước, khác chi !
Mong rằng các bạn hãy ghi :
« Bảo vệ rừng núi », nước thì thịnh-quang !

CÔ HỒNG (tán thưởng và chủ ý vạch đều làm của bạn nam thanh niên)

Lãng-lãng mà nghe mấy lời diễn giảng,
Chỉ-lý thay và khẳng-khái thay !
Hợp-quần trên nước non này,
Ăn cây thì phải rào cây mới là.
Chúng em vốn con nhà sơn-cước,
Sống giữa thời vận nước đảo-điên.
Bao năm chinh-chiến liên-miên,
Tới nay gặp hội bình-yên thái-hòa,
Nhờ Tông-Thống, một nhà chí-sĩ,
Nêu gương cao, hùng-vĩ ai bì.
Phong ba, bão táp quân-chí,

Vững tay chèo lái, chỉ vì quốc-gia.
Gương tranh-đấu khiến ta phải nghĩ,
Phận nam nhi cho chí nữ nhi,
Danh thơm rạng vẻ một thì,
On nhà, nợ nước hãy ghi, báo đền...

ANH GIÁP.— (Tuyên-bổ thay lời các bạn).

Hai bài học như đèn sáng tỏ,
Sống vươn hèn, làm ngõ, lạc đường :
Mộng tình chỉ những vẩn-vương ;
Từ nay thề quyết noi gương anh-hào.
Cuộc chơi núi xiết bao hiềm-trở,
Mừng gặp người thực-nữ chí cao,
Mấy lời bầy tỏ thanh-tao,
Khiến người đối cảnh nao-nao tắc lòng . . .
Nợ đèn sách đeo bòng thêm bận,
Xếp bút nghiên, rửa hận ngàn thu.
Tuổi xanh hứa trọn đường tu,
Tang bồng phi chí, đèn bù « nước non ».

ÔNG KHÁN LÂM già (ông Chánh Quân) (hoan hô tình thần gác
ngõ của bạn trẻ, và hứa sẽ đứng làm ông Tơ cho đôi bên, một khi cuộc
thống-nhất lãnh-thò được thực-hiện).

Bày tỏ dạ sắt son, nồng-nhiệt,
Tuổi thanh niên, khí tiết có thừa.
Mầm non, đất nước trông chờ ;
Tương lai cường thịnh cũng nhờ các anh.
Bao những kẻ lưu-manh cần diệt,
Bao những phường quý quyết phải trừ.
Nóng dân lạc-nghiệp an-cư,
Năm gai nếm mật chẳng từ gian-lao.
Bấy lâu nay gan bào, ruột xé,
Vì giang sơn chia sẻ làm hai.
Từ Bắc phần đến Đồng Nai,
Rừng sâu, biển thẳm, sông dài thở than.
Khối uất hận đập tan, mới hả,
Chí căm thù nung cả ngày đêm.
Nguyễn cùng sông núi linh-thiên,

Công danh chưa vẹn, chữ duyên chưa màng.

Một khi trở về làng, rạng vẻ,
Ta sẽ vì bạn trẻ làm mai.
Chứ rằng: «Cầm sắt duyên hài»,
Ái tình dăm thắm, sắc tài sánh đôi.
Rượu mừng sẽ cạn chén mời,
Say rồi lại uống, uống rồi lại say...

Tất cả mọi người đều vỗ tay reo mừng hoan-hỉ. Rồi, chẳng ai bảo
ai, như đồng thanh tương ứng, như được ràng buộc bằng một sợi dây tình-
hần, tức khắc xếp thành hàng ngũ, bước đều và cùng hát bài «Bước đường
đoàn kết» (ca theo điệu quân-hành) :

Một ! Hai ! Một ! Hai ! Một ! Hai !
Anh em ta cùng nhau đều bước . . .

Cùng nhau tiến lên nào,
Đi lên . . . Mau lên . . .
Ta giữ gìn Rừng Núi,
Trăm muôn ngàn cây cối...
Lợi vô khối thu về.
Rừng núi chúng ta,
Chúng ta cùng nhau săn sóc,
Không cho người phá đốt,
Hại bao loài cây tốt,
Tồn thất vô vàn.
Anh em, Ta ơi,
Anh cùng em đoàn-kết,
Bao quân thù diệt hết,
Dù chết không sờn.
Đời sống chúng ta,
Như cây, rồi đây tươi thắm ;
Cùng nhau, dang tay, ta nắm,
Vui chung mối tình dăm-ấm,
Say ngấm trắng ngà.
Một, hai, một, hai, một hai...
— Cả bọn tiến vào, màn từ từ hạ.



NHÃN VỀ GIÚP NƯỚC

NAM HUNG

Ròng-rã mong chờ đã mấy xuân,
Tin sương thưa thớt kẻ bao lần!
Cánh sen trước gió nhường ngư-ngân,
Dưới nguyệt nào đầu bóng cổ-nhân ?...

Góc bè thân trời nhuộm nhớ-nhung,
Quê hương xa vắng có buồn không ?
Anh em trông ngóng chim đông Việt,
Tung cánh về Nam đất Lạc-Hồng.

Ngàn dặm lênh-dênh mấy tuyết sương
Trung-khien bao quân nổi tan-thương.
Kính luyến một dạ vì non nước,
Ái hân âm thâm hân nhớ cổ-hương.

Đình-Dậu từng bừng chốn thủ-dò,
Điền-lành chim phượng đậu cành ngô.
Hè sang, nhân-nhủ người tài-đức,
Hãy quyết đừng chân bước hải-hồ.

M.T

Tài-liệu lịch-sử

NGUYỄN-TRI-PHƯƠNG

ANH NGUYỄN

NGUYỄN-tri-Phương, một trong những vị anh-hùng của lịch-sử Việt-Nam, sinh năm 1799 tại làng Đường-long, huyện Phong-diên, phủ Thừa-Thiên. Theo một vài sử-liệu, ngay từ khi còn ít tuổi, Cụ đã có chí lớn. Khác với những người cùng thời thường coi cái học khoa-cử là trọng, Cụ đã có những đức-tính của một con nhà võ và câu nói bất hủ của Cụ khi bị bắt «Làm tướng phải chết, và chết ở trận tiền không phải là cái chết nhục nhã» đáng cho chúng ta phải suy-ngẫm.

Vào khoảng những năm đầu triều Minh-Mạng, Cụ được bổ vào một chức nhỏ tại Huyện nhà. Vì có tài lỗi-lạc, dần dần Cụ được thăng-thuyền và được vua Minh-Mạng trao cho giữ việc hành-chính tại hai tỉnh Quảng-Nam và Quảng-Ngãi. Nơi nơi nhậm chức, thấy địa thế Đà-Nẵng là nơi hiểm-yếu, Cụ đã làm số tàu vua Minh-Mạng để xây đắp nhiều đồn lũy, đặt pháo đài, đóng chiến thuyền, chỉnh đốn những cơ-sở trị-an. Cũng vì các công-việc này mà nhà vua triệu Cụ về Kinh ban cho chức Tham-Tri Bộ Công. Chẳng bao lâu, vua Minh-Mạng thăng hà, vua Thiệu-Trị lên nối ngôi.

Nhận thấy chân giá-trị của Cụ, vua Thiệu-Trị ban cho cụ chức Tổng-Đốc An-Hà (Nam phần ngày nay). Nhờ tài điều-khiển và biết khích-lệ quân sĩ, Cụ đã dẹp yên quân phiến loạn ở Phú Ba Xuyên, tỉnh An-Giang tức Sóc-Trăng ngày nay. Sau chiến thắng này, Cụ lại được cử đi dẹp giặc Mọi ở Tiền Giang và Hậu-Giang. Cùng với Nguyễn-tấn-Lâm, Tôn-thất-Nghị đem quân qua Lạc-Hoà, Cụ đã đánh tan được loạn quân, và đến năm Thiệu-Trị thứ IV (1884), Cụ được cử giữ chức Tổng-đốc An-Giang (Nam-phần). Trong khi giữ (1884), Cụ lại còn có công hạ thành Trấn-Tây (Cao-Mên ngày nay), và kéo quân tới Nam Vang chiếm xứ Cao Mên. Thắng trận, Cụ được thăng lên chức Thủ-Hiệp-Biện Đại-Học-Sĩ sung Khâm-sai đại-thần, và có nhiệm-vụ chỉnh-đốn thành Trấn-Tây.

Năm 1845, dẹp được quân Xiêm quấy-rối nước ta, vua ban thưởng cụ một tấm biển có khắc những chữ «An Tây trí dũng tướng», và năm 1847, về Huế, cụ được thực-thụ Hiệp-Biện Đại-Học-Sĩ, lĩnh chức Công-Bộ Thượng-Thư và được vua phong cho là Tráng-Liệt-Tử. Cũng năm này, vua Thiệu-Trị thăng hà.

Những năm đầu triều Tự-Đức, cụ được giữ chức Phụ-Chánh Đại-Thần sung chức Kinh-Lược Nam-Kỳ. Năm 1857, thấy mình già yếu, cụ xin về nghỉ nhưng thời cục lúc đó không cho phép cụ làm theo như ý muốn.

Lần giờ các trang sử, ta nhận thấy vào đầu mùa thu năm Tự-Đức thứ IX (1856), chiến-hạm Catinat của người Pháp cập bến Đà-Nẵng. Các quan có nhiệm-vụ coi giữ bến, tới hỏi thì được biết đó là một phái-bộ ngoại-giao mang bức thông điệp cho triều-đình Đại-Nam, với ý muốn yêu cầu vua Tự-Đức cho kiều-dân Pháp được tự do buôn bán, nhất là các giáo-sĩ được tự do truyền đạo trên lãnh thổ nước nhà. Sự cập bến của chiếc Catinat đã làm cho dân chúng lo lắng, vì vua Tự-Đức đã ban bố mật-lệnh dò-xét hoạt-động của người Pháp tại Đà-Nẵng. Cũng vì chuyện hai giáo-sĩ DIEZ và Sampetro bị triều-đình ta hành-hình năm 1857, nước Pháp và Tây-ban-nha liên-kết mang quân-đội đến chất-vấn Nam-triều. Với lực-lượng gồm có chừng hơn hai nghìn người đặt dưới quyền chỉ-huy của Rigault de Genouilly, liên-quân cùng các chiến-hạm cập bến Đà-Nẵng chiều ngày 31.8.1858. Rạng ngày hôm sau, vị võ-quan thủy-quân Pháp gửi tới hậu-thư bắt buộc quan địa-phương phải đầu hàng. Không nhận được hồi âm, pháo-thuyền nã đại bác lên pháo đài của quân ta và một số quân Pháp đổ bộ. Quân ta thua, nhưng vẫn cố thủ thành-trị.

Năm sau, vì đố-độc Page thay thế Rigault de Genouilly có nhiều chiến-cụ, cụ Nguyễn-tri-Phương thua trận, bị triệu về kinh và bị cách-lưu. Thấy quân Pháp tấn-công Gia-định, nhà vua lại sai cụ giữ thành Gia-định, nhưng thành này cũng không tránh được sự thất thủ. Khi cự địch, Nguyễn-tri-Phương bị thương nơi cánh tay và sau những trận thắng, quân Pháp cũng không khỏi khen-ngợi Cụ là vị tướng có tài của Việt-Nam, đã biết cách xây đồn Chí-hòa, mà sự thất bại chỉ là tại thiếu chiến-cụ thôi.

Năm 1861, hai tỉnh Biên-hòa, Vinh-long thất thủ; vua lại cho Nguyễn-tri-Phương phục-chức để giúp Nguyễn-bá-Nghi giữ Biên-hòa. Chẳng bao lâu, quân Pháp lại lấy được Biên-hòa và ý còn muốn tiến đánh Huế. Nguyễn-tri-Phương có mua thêm pháo-thuyền, nhưng bị quân Bonard đánh đắm hết. Đến đây, chấm dứt giai-đoạn Nguyễn-tri-Phương cầm cự với quân Pháp ở Nam-Kỳ. Do hòa-ước ngày 5.6.1862, triều-đình ta nhường ba tỉnh Biên-hòa, Gia-định và Định-trường cùng đảo Côn-lôn cho nước Pháp, cho phép các nhà truyền giáo được tự do hoạt-động, và mở ba hải-cảng Đà-nẵng, Balat và Quảng-yên cho tàu bè ngoại-quốc đến buôn bán.

Hòa-ước năm 1862 ký kết xong, cụ được triệu về kinh, và nhà vua cử Cụ ra giữ chức Tổng trấn Bắc thành. Hồi này ngoài Bắc có nhiều giặc, Nguyễn-tri-Phương lại phải mất bao nhiêu công trình đánh dẹp, nhưng công việc chưa xong hẳn thì được tin nhiều quân Pháp và Tây-ban-Nha kéo đến cửa bể Đà-Nẵng Ba-lạt (Nam-định) và Quảng-yên, đề dựa vào hòa ước ký năm 1862, đòi lập cơ-sở thông-thương. Việc này chưa làm xong thì ở Huế có loạn, vua lại triệu Nguyễn-tri-Phương về phòng thủ, và cử Cụ làm Binh-Bộ Thượng-Thư.

Năm Tự-Đức thứ 25 tức 1872 dương lịch, Bắc-phần lâm vào cảnh giặc giã, quan quân dẹp mãi không nổi nên Tự-Đức rất lo lắng. Thấy ngoài Cụ ra không còn ai có tài bình định Bắc-hà, nhà vua liền cử Cụ lĩnh chức Bắc-Kỳ Khâm-Mạng và trước khi trao trọng trách cho vị công-thần, nhà vua có dụ như sau:

« Khanh phải tĩnh trấn một chỗ mà lo việc lớn, chứ không nên mạo-hiêm, đem mình hiến cho tên đạn ở chiến-trường. Hiện nay, các bậc kỳ-cử trong nước chỉ còn một mình khanh. Định thần thường xin cử khanh, nhưng lòng trẫm không nỡ. Bây giờ Bắc-Kỳ bất-rii đã lâu, không có khanh e không dẹp nổi giặc. Trẫm bất đắc dĩ mới sai khanh đi ».

Một lòng tận tâm với non sông nghiêng-ngửa, cụ lên đường ra đi những mong làm tròn nhiệm-vụ. Hồi đó, vào đầu năm Tự-Đức thứ 26 (1873), bọn giặc Tàu Bạch-que-Hương cướp phá tỉnh Tuyên-Quang, dân chúng rất là điêu-dứng. Nhờ tài dụng binh, cụ đã dẹp được, mang lại an-ninh cho dân-chúng.

o o

Năm 1871, theo Việt-sử thì có một thương gia người Pháp tên là Đê-Pê-Đê-Nghĩa (Jean Dupuis), một mình dám ngược sông Nhị-hà lên tận Lào-kay, ý muốn tìm một con đường giao-thông với Vân-Nam bên Trung-quốc. Công việc này còn có mục đích quân sự nữa, nên Dupuis được chính-phủ Pháp ở Nam-Kỳ giúp đỡ về mọi phương-diện một cách kín đáo. Đi sang song với công việc của Dupuis, pháo thuyền Bourgogne do thiếu tá Senez chỉ-huy, luôn luôn theo dọc duyên hải tìm cách giao-thông với đất Bắc.

Được giúp đỡ, Dupuis dương dương tự đắc, mộ một số lính Tàu cùng bọn đầu trộm đuôi cướp cố hết sức gây thế-lực cho mình. Ngay tại Hà-nội hồi đó, tuy quan quân của triều-đình có nhiệm vụ canh phòng nghiêm ngặt, Dupuis đã đóng quân một cách ngang nhiên, lúc nào lính Tàu cũng canh phòng cẩn mật cho y, và theo như sự nhận xét của các quan thời bấy giờ, quả thực Dupuis có ý định làm một việc gì quan-hệ và táo-bạo.

Các quan có nhiệm-vụ tại Hà-nội thời ấy, bèn làm sớ xin vua phản-kháng cùng đô đốc Dupré, nhưng đô đốc này lại về phe với Dupuis. Theo một sớ-lieu, thì chính Dupré cũng có ý định chiếm lấy đất Bắc nên trong một văn-kiện gửi về Pháp, có một đoạn như sau :

« Xứ Bắc-kỳ rất giàu và nổi liền với nước Tàu. Đó là nơi để các lính phi-nhiều lấy nam xứ Trung-hoa tất sản vật sang cho ta. Việc chiếm cứ xứ này là vấn đề sinh-tồn cho tương-lai cuộc đả-hộ của ta ở Viễn-Đông ».

Tình hình kéo dài mãi tới năm 1873. Thấy tuy đã phản kháng với đô đốc Dupré nhưng không đi đến đâu, nhất là thời gian lại quá lâu, hơn nữa thấy Dupuis hành động như vậy có hại đến quốc-thê, quân ta hạ lệnh bắt giam đô đốc người Nam và Tàu của Dupuis. Ngày 5-5-1873, Dupuis đem theo 50 giặc khách đóng ở Hà-nội cùng một số dân phu ước độ 100 người, bỏ thuyền lên bộ. Dupuis đe dọa sẽ dùng võ lực phá nhà ngục đánh tháo cho bộ-hạ của y, nếu quân ta không phóng thích cho số người này. Thấy thái-độ hống hách của Dupuis, nhất là y lại không coi uy quyền của triều đình vào đâu, nên đề đề phòng mọi chuyện có thể xảy ra, ngày 27-5-1873, Nguyễn-tri-Phương đem quân từ Sơn-Tây về giữ thành Hà-nội. Dupuis lại đe dọa cả Nguyễn-tri-Phương, cụ liền làm sớ mật-tấu về kinh, và câu chuyện giữa cụ và Dupuis trở nên hết sức nghiêm-trọng.

Thấy tình thế khẩn-yếu, Tự-Đức chỉ hạ lệnh suông cho các quan ở Bắc thành phải phòng bị cẩn mật. Trong khi đó, tàu Pháp vẫn luôn chạy trên sông thuộc các miền thượng-du đất Bắc, đề thông đồng với bọn giặc Tàu Hoàng-sùng-Anh. Nguyễn-tri-Phương thấy không thể tránh được một cuộc chiến-tranh, bèn truyền lệnh cho các quan địa-phương phải canh phòng nghiêm ngặt, đoạn, lại sai Trần Nhuận qua những tỉnh như Hưng-Yên, Nam-Định, Hải-dương, đặt quân giữ những nơi hiểm yếu.

Vốn là người trực tính, và không thể chịu được thái-độ Dupuis động chạm đến quốc-thê, Nguyễn-tri-Phương cho dán khắp nơi tờ hiệu-dụ cấm dân Việt không được giúp đỡ thương-gia người Pháp trong công-việc chống lại quyền lợi quốc-gia. Bọn theo gót giặc, thấy thế, liền một mặt tiếp tế cho Dupuis, một mặt xui giặc Dupuis hạ thành Hà-nội. Bọn vô liêm sỉ lại còn hứa sẽ cộng-tác với người Pháp đánh lại triều đình, mà đại diện chính thức là Nguyễn-tri-Phương.

Hết sức bênh vực Dupuis, đô đốc Dupré ở Saigon còn gửi giúp Dupuis một số bạc là 30.000 quan, và ngày 27-7-1873 lại gửi về nước Pháp một điện văn trong đó có đoạn như sau :

« Xứ Bắc Kỳ đã mở cửa thông thương nhờ công của Dupuis. Việc này có ảnh hưởng lớn đến thương mại của Anh, Đức, Mỹ. Ta cần phải chiếm xứ này trước, đừng để bọn giặc Tàu hay người Tây phương khác chiếm. Như thế ta sẽ đem lại cho nước Pháp một con đường buôn bán độc quyền. Tôi không xin thêm viện binh. Tôi sẽ đem quân lực sẵn có đi đánh. Sự thành công rất chắc chắn. »

Ngoài lời lẽ trên, còn một đoạn bênh vực chính kiến của mình «... Nếu về việc chính-chiến của tôi đang dự định, Ngài hay người khác có trách nhiệm vẫn còn hoài nghi lẽ thẳng bại, tôi sẽ sẵn lòng gánh hết trách nhiệm, dù sau này tôi bị quả phạt, bị gọi về, hay bị cách chức cũng xin vâng ».

Đề thi hành ý định của mình, đô đốc Dupré sai một đại úy Pháp Francis Garnier mang một tiểu đội chiến thuyền ra Bắc trước, đề điều-tra việc Dupuis, sau bắt buộc triều đình Huế mở rộng xứ Bắc cho người Pháp buôn bán. Ngày 27-9-1873, Garnier dời bến Saigon và đến 5-11-1873 tới đóng quân tại Hà-nội. Mấy ngày sau, 10-11-1873, võ-quan này gửi thư về Nam cho đô đốc Dupré trong có đoạn như sau :

« Chỉ một cuộc bạo động mới có thể đem lại cho tôi quyền hành và thanh thế. Tôi nhất định hành động. Tôi sẽ đem 180 quân bán bộ, hạ thành Hà-nội và bắt Nguyễn-tri-Phương giải về Nam làm tù binh ».

Vừa tới Bắc thành chưa được bao lâu, Francis Garnier với tính háo-chiến đã yêu cầu các quan địa-phương cho phép người Pháp được quyền thông thương khắp đất Bắc, nhưng đề nghị này bị Nguyễn-tri-Phương cự tuyệt vì không có lệnh của triều đình Huế. Cuộc giao-thiệp giữa Nguyễn-tri-Phương với Francis Garnier càng ngày càng trở nên gay-go, và những người thức thời hồi đó đều trông thấy không sao tránh được một cuộc chiến-tranh. Thùng thuốc súng chỉ còn đợi một tia lửa nhỏ, là bùng nổ.

Ngày 20-11-1873, đúng 6 giờ, Francis Garnier hạ lệnh cho chiếm thành Hà-nội. Hai pháo thuyền Espignole và Scorpion trên sông Nhị hà, dưới quyền chỉ huy của trung úy thủy quân Balay, được lệnh nã đại bác vào thành Hà-nội, cách chừng 1200m. Trung úy Balay dẫn 30 thủy binh tiến đánh cửa Tây Nam, còn Francis Garnier thân cầm quân, nhằm cửa Đông-Nam là cửa chính thành Hà-nội mà tiến. Toàn quân phụ-lực cho Francis Garnier có trung úy Erne và thiếu úy Trentinian. Viên kỹ sư Bouillet cùng 10 thủy binh khí giới đầy đủ, có nhiệm vụ giữ trại, và khi nào Pháp quân núng thế thì đến ứng cứu. Riêng Dupuis và toán thủy thủ người Pháp cùng bọn lính Tàu đóng giữ các cửa thành khác. Bọn này không đánh vào thành, nhưng có ý chia quân tản mát giữ khắp mọi cửa; theo chiến lược như vậy, Nguyễn-tri-Phương, sẽ không sao biết được do cửa thành nào quân Pháp sẽ đánh vào.

Vì quân đội Pháp tiến đánh bất ngờ, đại bác của ta trên thành Hà-nội bắn ra quá chậm, đạn lướt qua đầu quân Pháp và rơi xuống cả mặt đất phía sau. Quân của triều đình trong lúc giáp chiến dùng cả đá lớn, đá nhỏ, quăng xuống, nhưng không trúng tên lính Pháp nào.

Phát đại bác của quân Pháp bắn vào cửa Đông trủng địch, Francis Garnier và Trentinian mang quân ập vào thành.

Trong khi đó Nguyễn-tri-Phương, cùng với con trai là Nguyễn-Lâm vẫn hàng-hái giữ cửa Đông Nam là cửa trọng yếu hơn cả. Bị quân địch kéo tới công phá dồn-dập, Nguyễn-Lâm tử trận còn Nguyễn-tri-Phương bị trúng đạn ngã theo con. Thành Hà-nội, nơi mà Nguyễn-tri-Phương đã giữ đến phút cuối cùng, đã rơi vào tay giặc. Làm chủ tình thế, quân Pháp cho mang Nguyễn-tri-Phương về nơi đóng quân của họ cứu chữa, vì cụ bị thương nặng ở đùi. Những quan văn võ trong thành, sau khi bại trận, đều bị giải xuống tàu Decrès đem về giam giữ tại Saigon. Trong số những vị này, có ông bố chánh Đàng, ông đề đốc Siêu, ông lãnh binh Nghiêm, ông Phan-đình-Bính cùng hai con của Phan-thanh-Giản.

Tuy Nguyễn-tri-Phương đã là tù binh của họ, nhưng quân Pháp vốn biết cụ có khí phách khác thường nên vẫn kính nể và cho bác-sĩ dùng thuốc băng bó, lại còn muốn cụ tâm-bồ đề mau lại sức.

Là một người có khí-tiết, Nguyễn-tri-Phương rút hết băng buộc nơi vết thương, không chịu để quân thù săn sóc. Cụ đã đáp lại Francis Garnier, khi kẻ ngoại bang này ngỏ lời an ủi:

«*Làm tướng phải chết; và chết ở trận tiền không phải là cái chết nhục*».

Trong một tháng trời, từ lúc thất thế bị quân Pháp bắt đem về nơi đóng quân đến ngày 20-12-1873, Nguyễn-tri-Phương không ăn uống gì. Khi thấy mình sắp chết, cụ bảo quân hầu đổ dấm, thay quần áo sạch sẽ, rồi thần sắc không thay đổi, cụ đã nhắm mắt an giấc ngàn thu. Nguyễn-tri-Phương thọ 74 tuổi.

o°o

Hay tin Nguyễn-tri-Phương mất, và toàn gia tuân-quốc, vua Tự-Đức thương xót vô cùng và đã tự thảo ra bài văn tế dưới đây, lời lẽ vô cùng thống-thiết:

Nguyễn văn chữ Hán:

Trung thần hiếu tử, lịch đại hữu chi;
Nhất môn tam tiết, ô hô kỷ hi!
Thần tặc tử trung, tử tặc tử hiếu;
Tại nhân luân thường, vi thể danh giáo.
Triều đình phong thế, tiết do thủ yên;
Huống kiêm nhi hữu, đại tiết lâm nhiên;
Duy bị Nguyễn Khanh, duy bang chi kiệt,
Trung ngoại lịch dương, kỳ bản huân liệt.
Khái tự dương thuyền, xâm ngã hải tân;
Mạnh tướng xuất sự, vô du lão thần.
Nhĩ đệ Nguyễn Duy, hữu văn hữu võ;
Kỵ huynh đồng tâm, tham nhung mạc phủ.
Nam đồn bắt thủ, nhĩ vi sở thương;
Thĩ vi tử chi, khoa giáp lưu phương,
Khánh nhiên bắc cố, sự cơ cánh ngộ;
Tắc xuất bất ý, nhĩ tử ư lỗ.
Nhĩ tử Nguyễn Lâm, tiết nhĩ nhi vương;
Oanh oanh liệt liệt, hảo tổ nhất trường!
Thị huynh thị đệ, thị phụ, thị tử;
Cồ chi Biện môn, đãi bất quá thử.
Ô hô! vi thần, năng trung ư quân;
Ô hô! vi tử, năng hiếu ư thân.
Duy trung dữ hiếu, nhất môn hàm tụy;
Nhãn khí sở chung, kỳ tư chi vị.
Viên kiến chuyên tử, dĩ tường lệ chi;
Tuế giới trọng xuân, (thu), mạnh quan tế chi.
Đường long chi hương, kỳ quy kỳ táng;
Vạn cổ anh phong, sơn cao thủy trường.

(Xem bài dịch nôm trang tiếp)

Tạm dịch nôm:

«Tôi trung con hiếu, xưa nay có rồi;
Một nhà ba tiết, hiếm lắm than ôi!
Tôi chết vì trung, con chết vì hiếu,
Là việc luân thường, là gương danh giáo.
Triều đình phong thế, phải giữ tiết cao,
Hưởng gồm đủ cả, thật lớn xiết bao!
Đầy người Nguyễn, khanh là người anh kiệt,
Trong ngoài biết danh, nổi tiếng huân liệt.
Tự tâu Tây đến xâm bờ cõi ta,
Sai tướng đi đánh, ai hơn tướng già.
Em người, Nguyễn-Duy có văn có võ,
Cùng anh một lòng, giúp nơi mạc phủ.
Thành Nam thất thủ, người đã bị thương,
Em người chết trận để lại tiếng thơm.
Ngành lên phía Bắc, sự cơ chẳng hay;
Giặc đánh bất ý, người chết vì Tây.
Con người, Nguyễn-Lâm đã chết trước người;
Oanh oanh liệt liệt, một nhà giỏi thay!
Anh ấy em, ấy cha ấy, con ấy,
Họ Biện khi xưa nào hơn được vậy.
Than ôi! làm tôi phải trung với vua,
Than ôi! làm con phải hiếu với cha.
Tôi trung con hiếu, một nhà gồm hai,
Khi thiêng chung đức, tiếng để lâu dài.
Lập miếu lên thờ, làm cách tường-lệ,
Vào tiết-trọng xuân (hay thu) sai quan đến tế.
Đường-Long làng ấy, sẽ giữ tiếng hay,
Anh phong muôn thuở, núi cao sông dài.»

Sau khi Nguyễn tri Phương mất, vua Tự Đức có dụ như sau
«Triều đình đối với quan tại chức, việc đáng tội thì làm tội, có công:
thì ban thưởng.

Quan cố Khâm-mạng đại-thần Nguyễn tri Phương ra trấn Hà thành,
vì thành mất đã nhin ăn mà chết. Về tội chưa biết nên xử ra sao, trăm giao
cho đình thần nghị xét.

Nhưng nghĩ Nguyễn tri Phương trải thờ ba triều, trước sau khi-tiết
không thay đổi, gian-nan khò-sở mọi người đều biết. Gặp thời đa nạn,
Nguyễn tri Phương bỏ mình thật là đáng tiếc.

Vậy trăm truyền cho Hà nội tình thần, phát quân-phu hộ-tống quan-
tài về quê an-táng.

Tơ lòng thương tiếc một vị công-thần, vua truyền cho lấy ở trong
kho 3 tấm gấm, 10 tấm lụa, và 1000 ngàn quan tiền, để thân-nhân Nguyễn
tri Phương dùng lo việc tang-chế.

Về việc thành Hà nội thất thủ, các đình-thần có nghị tội cách hết
chức tước, nhưng khi xem lại, vua Tự-Đức phê như sau :

« Nguyễn tri Phương là một vị trọng-thần không giữ nổi thành Hà
nội, chiếu theo luật «chư sự tòng vu», đình thần nghị-tội như thế là phạt
lắm. Nhưng nghĩ Nguyễn tri Phương nhất sinh trung dũng, trăm biết đã
lâu, và lại, họ Nguyễn toàn gia tiết nghĩa sau trước một lòng, không phải
như bọn tham sinh úy tử, cho nên trăm khai phục Nguyễn tri Phương Bình
Bộ Tả tham tri. Tước bá mà Nguyễn tri Phương đánh giặc Cao Miên được
đặc phong, trăm cũng không nỡ đoạt ».

Năm Tự-Đức thứ 28 (1875) nhà vua cho đem bài vị Nguyễn-tri-Phuong
thờ trong đền Trung-nghĩa, lại xuống dụ cho lập đền Trung-Hiếu tại sinh quán
Nguyễn-tri-Phuong, đề thờ ba vị anh hùng Nguyễn-tri-Phuong, Nguyễn-Duy,
Nguyễn-Lâm đã tuân quốc. Hàng năm nhà vua phái quan sở tại đến tế.

Nguyễn-tri-Phuong đã thác, nhưng gương sáng của cụ vẫn chói-lọi ngàn
thu. Hiện nay, tại Hà-nội, trên gò con, đối diện với chùa Đông-Quang gần
Ngã tư Sở, còn đền Trung-Liệt thờ Nguyễn-tri-Phuong, Nguyễn-Lâm và Đoàn-
Thọ với hai đôi câu đối bất hủ của Thám hoa Vũ phạm Hàm :

Thử thành quách, thử giang sơn, bách chiến phong trần dư
xích địa :

Vi nhật tinh, vi hà nhạc, thập niên tâm sự cộng thanh thiên.

Tạm dịch là :

Vấn thành quách, vẫn giang sơn, trăm trận xông pha còn
đất đỏ ;

Nào nhật tinh, nào hà nhạc, mười năm tâm sự có trời xanh.

TÀI-LIỆU NGÔN-NGỮ

Bản-báo đăng trong mục này, những tài-liệu từ-ngữ mà các bạn đọc đã gửi hay sẽ gửi tới, để hưởng-ứng công việc của Hội-nghị Thống-nhất Ngôn-ngữ, hợp từ 5-9 đến 2-10-1956.

L.T.S.

I

QUỐC-VĂN BIỆN-CHÍNH

của TRẦN-VĂN-THUỘC

CAN-THÀNH : (cái mộc bức thành) cả hai đều dùng để chống với giặc, hầu bảo-vệ quàng dân. Nghĩa bóng : người có tài giữ nước. Kinh Thi : « Củ củ vũ-phu, công-hầu can-thành ». — Sách Quỳnh-Lâm cổ sử có câu ; « Đại-tướng viết can-thành » = đại-tướng là can-thành. — Lục-Vân-Tiên có câu : « Rõ tài lương đồng, can-thành ... »

Thế mà có người viết « hàng can-thành » là hàng tiền-đạo của một đội banh, có người lại cho « hàng can-thành » gồm 2 cầu-thủ hậu-vệ và người thủ-thành !

Nói về một đội túc-cầu chằng hạn, « đội can-thành » là đội gồm những cầu thủ đại-tài. Tỷ-dụ : Quyết chiếm lấy ngao-dầu, H.C. lần này cử hẳn một đội can-thành ra tranh-dấu.

DÂN CHI PHỤ - MẪU chứ không phải « PHỤ - MẪU CHI DÂN ».

Xưa kia, vua là kẻ thừa (vâng) mệnh trời trị dân ; quan thay mặt vua, có bốn phận coi dân như con đẻ (còn họ có thực như thế không lại là truyện khác), cho nên họ được tôn là dân chi phụ-mẫu.

Vì không biết văn-phạm chữ Hán, người ta tưởng lầm rằng « cha mẹ dân », có thể dịch ra chữ Hán là « Phụ-mẫu chi dân ».

Nhưng khi hai danh-từ cách nhau bởi chữ « chi », thì lúc hiểu ra nghĩa tiếng ta, phải đảo danh-từ dưới lên trên ; danh-từ đứng sau là chỉ-dịnh túc-từ của danh-từ đứng trước. Dân chi công-bộc : đây-tớ chung của nhân-dân. Đại-trượng-phu chi chí-khí : chí-khí của kẻ đại-trượng-phu. Phụ-mẫu chi niên : tuổi của cha mẹ

402

ĐIỀU-TRÁC : chạm giữa ti-mi. Tỷ-dụ : câu thơ điều-trác. Gia Đào ba năm mới nghĩ được hai câu thơ xứng-y : công-phu điều-trác có thể coi là quá đáng.

Thế mà có người đem dùng sai nghĩa hẳn đi ! Tỷ như họ nói : — « Bán hàng điều-trác. — Ăn nói điều-trác. »

Điều là « chạm » với điều là « gian-giảo », khác hẳn nhau.

GÂY HẤN : (gây : nhóm lên, — làm cho nảy ra, sinh ra. Hấn : hiềm-khích, — nổi giận ghét sinh ra vì bất hòa). Gây hấn, quán-ngữ động-tự, nghĩa là : làm nảy mầm hiềm-khích. Tỷ dụ : Hai phe đã cùng nhau gây hấn từ lâu, ngày nay, can-qua mới bùng nổ.

Không thể viết ; « Khoảng bây giờ nổi loạn đã bắt đầu gây hấn. »

LỊCH-SỰ : (trải việc) từng trải việc đời. Người lịch-sự là người đã trải qua, hiểu biết nhiều việc, nói năng rất hợp lý, hợp tình, ăn-vận hợp thời-trang.

Đã từ lâu, lịch-sự bị dùng với cái nghĩa đẹp-đẽ : ăn mặc lịch-sự, — trang-hoàng lịch-sự.

Chỉ vì câu-thả, người ta đã làm cho nhiều từ-ngữ sai đi, trật nghĩa đi ! Dùng lâu rồi, người sau cũng đành phải đi theo vết xe cũ.

NHUỘC-ĐIỀM : chỗ yếu, chỗ kém. Tỷ-dụ : Nhược-diềm của người ấy là hay khoe-khoang. Biết đánh vào nhược-diềm của đối-phương thì dễ chiếm được ưu-thế.

Vì làm tương « yếu » trong « yếu-diềm » là yếu-ớt, cho nên vội dịch thành-ngữ « le point faible » trong Pháp-ngữ là yếu-diềm ; lẽ ra, thành-ngữ ấy phải dịch là nhược-diềm.

Cũng nên nhớ rằng khi một danh-tự ghép bằng chữ Hán lập nên bởi một tính-tự và một danh-tự, thì thường-thường tiếng tính-tự được đặt trước tiếng danh-tự. Tỷ như : Thăng cảnh, Lương thời, Thương tâm, Lạc sự. — Hiền nhân, Hiếu tử. — Nghĩa-bộc, Danh-sự.

TỬ - TẾ : nhiệm-nhật, kỹ-càng ; rất cần-thận. Tỷ-dụ : Việc làm tử-tế. — Suy-luận tử-tế. Nghĩa nguyên-thủy của nó là thế. Trong hai tỷ-dụ ấy, tử-tế là trạng-tự. Sau nó bị người ta dùng ở thể tính-tự với cái nghĩa trật « có lòng tốt » : Ông chủ tử-tế ; — người bạn tử-tế. »

XÍCH-TỬ : con đò. Chữ trong sách Mạnh-tử, nói vua, quan coi dân-chúng như con nhỏ (hay con đò) của mình.

403

Trong một quyển sách, soạn-giả chú-thích : « Tiếng đề chỉ hạng dân-gian » !

Gian, nghĩa là khoảng. Dân-gian: khoảng dân chúng ở. Không hiểu người chú-thích muốn nói gì bằng ba tiếng « hạng dân-gian ». (Hạng ưu, hạng liệt, hạng sang, hạng hèn . . . chứ không nói được : « hạng dân gian ». Cũng như « *thế-thù* » mà chú-thích là « *thù lớn* » thôi thì câu-thả quá. *Thế-thù* : mỗi thù hẳn truyền từ đời này qua đời khác. — *Thế-giao* ; tình kết bạn cha truyền con nối.

Chúng tôi trộm nghĩ đã chú-thích thì nên chú-thích cho rõ-ràng và kỹ-lưỡng.

YẾU - ĐIỀM : chỗ chính cốt. Tỷ-dụ : Thảo-luận về một vấn-đề gì, phải nhận rõ yếu-điểm của nó.

Yếu-điểm còn có nghĩa là chỗ ách-yếu, — nơi yết-hầu, rất quan-hệ về quân-sự. Tỷ-dụ : Trong khi chờ đợi viện-binh, phải cố giữ lấy các yếu-điểm.

CA-DAO.

Sao cho vẹn chữ chung-linh,
 Nắng mưa xuống thác lên ghềnh có nhau.
 Trăm năm lấy nghĩa làm đầu,
 Một đời bất-nghĩa sang giàu mặc ai.

Ai say thì mặc ai say,
 Tỉnh thời chó có lấy ngày làm đêm,
 Vt bằng ngày muốn dài thêm.
 Thì nên đốt đuốc, cho đêm hoá ngày.

Thùy - Thiến
 NGÔ-BẰNG-GIỰC

DANH-TỪ KỸ-THUẬT

(*Riêng về chữ Plaque*)

của TRẦN-VĂN-BẠCH

PHÁP-NGỮ

ANH-NGỮ

VIỆT-NGỮ

Plaque (Nautique, construction chemin de fer, auto militaire, T.S.F ; Electricité, Photogra- phie, Téléphonie, Horticulture, Médecine)	Plaque, Slab, Tablet, Plate, badge, anode, Sensitized, plate, Diaphragm, Sod, Blotch, Patch.	Tấm, bản, bài, thẻ, huân-bài huân - chương, bản, Kính grong, dăm, mảng, mảnh ^h Tấm bình-cyc, Bảng
Plaque de marbre, d'argent Plaque commémorative Plaque de métal Plaque de blindage d'acier Plaque de cheminée Plaque chauffante (de réchaud électrique) :	Slab of marble Tablet, esp, votive tablet : Sheet of metal Armour-plate Chimney-plate Hot-plate	Tấm đá cẩm thạch, Tấm bạc Tấm đá, tấm đồng kỷ-niệm Miếng sắt, tấm sắt, tấm kim-loại Thiết-giáp, tấm sắt bọc tàu Tấm sắt lò sưởi. Tấm sắt hồ
Plaque de porte Plaque tubulaire Plaque de neige sur la mon- tagne. Plaque d'ébéniste Poutres à plaques rapportées Plaque en fonte Plaque anti-poussière Plaque vibrante Plaque sur galets Plaque de manoeuvre (mines) Plaque de cocher Plaque semelle Plaque à fente Plaque criblée Plaque de culture Plaque de fond Plaque opoline	Door-plate ; Name-plate Tube plate Patches of snow on the moun- tain. Sheet of veneer Fitch beam Cast-iron plate Dust-Shield Vibrating, diaphragm Turn table on rollers Switch-plate of tram-road Cubman's badge Foundation plate Slot plate Sieve plate Plate culture Bottom-plate Milk-glass plate	Bảng tên Vách (sắt) đầu ống hơi Mảng tuyết trên núi Tấm ván dán Đà có dán ghép Tấm gang, khối gang Tấm sắt chặn bụi Tấm, miếng sắt rung Bàn trượt trên bánh xe (con) Bàn vận dụng quay Biểu hiệu người đánh xe dò Đá đục nền Tấm kê hồ Tấm miếng xoi lỗ Tấm trồng tia Tấm đáy Tấm đá trong

PHÁP NGỮ

ANH NGỮ

VIỆT NGỮ

Plaque de propreté	Finger-plate ; enamel tray of cooker.	Tấm pha-ly, kim loại, tấm sành giữ sạch (cửa)
Plaque de fondation	Foundation - plate, Sole - plate, base-plate	Tấm đá nền, con tán
Plaque tournante	Turn-table	Bàn quay, chỗ quay đầu
Plaque de garde	Horn table ; Pedestal of locomotive.	Sắt giữ bánh xe (hỏa xa)
Plaque de couche de fusil	Heel-plate ; Butt-plate (Rifle)	Tấm (sắt) bọc bả súng
Plaque de trou d'homme	Man-hole door	Nắp lỗ vào (để sửa chữa thùng ; nồi hơi)
Plaque de la Légion d'Honneur	The plaque, star of the Legion of Honour.	Thẻ Bắc-dầu bội-tinh, Huân bài Bắc-dầu bội-tinh
Plaque d'identité	Soldier's ; Identity disc	Tấm lác căn-cước
Plaque réglementaire, plaque d'immatriculation — plaque d'auto : plaque — matricule:	Number-plate	Tấm số xe ; bài xe
Plaque photographique ; — Plaque sensible	{ Plate, sensitive plate	Gương ảnh, gương thuốc ảnh
Plaque d'écouteur	Diaphragm	Miếng sắt rung
Plaque de gazon		Tấm cỏ (có thể dời đi được)
Plaque de la carène	Bottom-plate	Tấm sắt lườn tàu
Plaque à dresser (marbre)	Surface-plate	Mặt cắt bằng (binh trực)
Plaque de jonction	Connectiong plate	Tấm sắt nối
Plaque laminée	Rolled plate	Tấm kim-loại cán
Plaque de liaison	Tie-plate	Tấm sắt nối liền
Plaque de tête (des tubes de chaudières)	Tube plate boiler	Vạch tấm sắt đặt đầu (ống hơi)
Plaque d'un mortier	Mortar-bed	Tấm đế súng cối
Plaque de trou à charbon	Coale-bunker door, cover, lid	Nắp hầm than (đá)
Plaque de trou de sel	Mud-hole door.	Nắp lỗ rút muối
Plaque de base (militaire)		Bàn đế
Plaque de dessus, de dessous de flèche		Tấm sắt quay trên, dưới (giàn súng)
Plaque indicatrice de distance, de profil, de tracé (ch. de fer)		Bản chỉ cứ-ly, trục đồ điện, đường đi (hỏa xa)
Plaque de cuirassement		Sắt thiết giáp thành lũy
Plaque d'assemblage		Sắt ráp
Plaque de recouvrement		Sắt giữ bu-lon
Plaque candale		Tấm duôi

PHÁP NGỮ

ANH NGỮ

VIỆT NGỮ

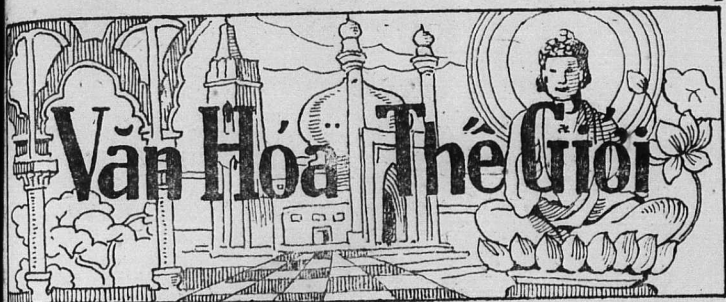
Plaque motrice		Tấm động
Plaque abdominale		Tấm bụng
Plaque marginale		Tấm lề
Plaque nuchale.		Tấm gáy
Plaque sanguine, plaquette sanguine :		Tiền bài huyết
Plaque dermique		Tấm da
Plaque vitelline, membrane vitelline :	Vitelline membrane.	Màng noãn-hoàng
Plaque de pendule		Tấm sắt chịu đồng hồ (quả lắc)
Plaque de fond de creuset		Đáy dốt
Fausse plaque		Sắt dộn đồng hồ
Plaque de garde (laminoir)		Sắt giữ (của bàn cán)
Plaque de plafond, plaque Supérieure		Tấm sắt lò nấu
Plaque d'entrée		Sắt lắp lỗ (ống khóa)
Plaque de caisse...	Cashier plate...	Tấm đồng (bo-nít, pha-ky) giá tiền (cửa trả tiền guiche)
		Rập thợ đúc
		Tiết bản
Plaque modele...	Model plate...	Tấm mẫu
Plaque articulaire		Sư bản
—Plaque operculaire		Tấm huyết
Plaque madréporique	Madreporite	Tấm xương
Plaque sanguine	Red blood-disc	Đám hoen (lở), đám lơ niêm
Plaque osseuse	Bony plate	Màng Pe-ye (r)
Plaques muqueuses	Opoline plaques,	Màng hình cánh
Plaque de Peyer	Peyer's plaques	Tế bào tách phân (tấm)
Plaque ptérygoïdiennes	Pterygoidian	
Plaque équatoriale, Mitose, coryocinèse	Equatorial plate	
Porte-plaque (radiologie)	Plate-holder, cassette	Nắp hộp gương ảnh
Plaque des fumeurs, Leucophasie	Leucoplakia, tylosis linguac	{ Màng hút thuốc
Plaque de Pétri	Petri's plate	Kiến xem vi trùng
Plaque autochrome	Autochrome plate	Gương tự sắc
Plaque négative...	Negative plate...	Gương âm (phụ)
Plaque orthochromatique	Orthochromatic-plate	Gương chính sắc
Plaque panchromatique	Panchromatic-plate	Gương phạm sắc
Plaque positive	Positive plate	Gương dương
Plaque intégrale de Lippmann		Gương toàn ảnh của Lip-Man
Plaque emulsifiée	Sensitized plate	Gương có thuốc (ảnh)
Plaque pelliculaire souple	Film	Phim miếng
Batterie de plaques	Plate battery	Bình có tấm dương-cực
Plaque d'accumulateur	Accumulator plate	Tấm dương-cực bình ac-quy

PHÁP NGỮ

ANH NGỮ

VIỆT NGỮ

Plaque empâtée tartinée Plaque à grillage	Pasted plate Grid plate	Dương-cực dây thừng Dương-cực sách-trạng (Sách bình-cực) Đờ bình-cực Điện thế bình-cực Điện trở bình-cực Tấm (đồng, kẽm, sắt) chôn đất
Ecran de plaque Tension de plaque Résistance de plaque Plaque de terre	Anode screen Plate anode voltage Plate resistance Earth plate, ground plate	Tấm ruột đúc Dung lượng bình-cực Dung lượng bình-cực Kiềm ba bình-cực Tờng trở bình-cực Trung hòa (Điện) bình-cực Biến điệu bình-cực, điệu ba bình-cực Vị thế bình-cực Cung cấp điện nguyên cho bình-cực Biến thế khí bình-cực Suất điện cảm bình-cực Điện dung bình-ty cực Điện đạo liên biến - bình sách cực Suất điện dung bình-ty cực Điện dung khí tế dòng bình-cực
Plaque de coupure Capacitance de plaque Capacité de plaque Détection de plaque Impédance de plaque Neutralisation de plaque Modulation de plaque	Plate capacitance Plate cathode capacitance Plate impedance Plate neutralization Plate modulation	
Potentiel de plaque Alimentation de plaque	Plate potential Plate power supply	
Transformateur de plaque Inductance de plaque Capacité Plaque-filament Transconductance plaque-grille	Plate transformer Plate inductance-coil Plate filament capacity Plategrid transconductance	
Capitance plaque-filament Condensateur de dérivation de plaque Capacité de plaque cathode Caractéristique de plaque Self de plaque Composante de plaque	Plate filament capacitance Plate Bypass condenser Plate cathode capacity Plate characteristic curve Plate coil Plate component	
Condensateur de plaque Consommation de plaque Contrôle de plaque Variomètre de plaque Disagration d'énergie de plaque Décteur de plaque Théorie des plaques Plaque épaisse, mince, ronde, rectangulaire Coefficient des plaques (B) Flexion cylindrique, pure, sphé- rique des plaques Fatigue, contrainte, tension des plaques	Plate condenser Plate consumption Plate control Plate variometer Plate disagration Plate detector Theory of plates (Slabs) Slab coefficient (B) Cylindric (al), pure, spheric (al) flexure of plates Stress, strain, elastic strenght of plates	Điện dụng bình-cực, âm-cực Đường đặc tính bình-cực Cuộn sụn bình-cực Phần hợp thành điện-lưu bình-cực Điện dung khí bình-cực Tiêu hao điện bình-cực Không chế bình-cực Biến-cảm-kê bình-cực Tồn thất năng-lượng bình-cực Kiềm-ba-khí bình cực Lượn vò (tấm) vật bản hình Bản hình dầy, mỏng, tròn,vuông Hệ số bản hình (B) Sự uốn trụ-tính thuần túy, cầu tính của bản hình Sức mỗi, sức cường bức, sức dẫn trở của bản hình.



LÀO - TỬ

ĐẠO - ĐỨC KINH

quốc - văn giải - thích
(Tiếp theo V. H. N. S. số 20)

NGHIÊM TOÀN dịch thuật

XXV

天	而	大	逝	之	以	今	有
天	王	地	逝	曰	為	獨	物
法	居	大	曰	道	天	立	混
道	其	王	遠	強	下	不	成
法	一	亦	遠	為	母	改	先
自	馬	大	曰	之	吾	周	天
然	人	域	反	名	不	行	地
	法	中	故	曰	知	而	生
	地	有	道	大	其	不	寂
	地	四	大	大	名	殆	兮
	法	大	天	曰	字	可	冢
	天						兮
							冢

二十五章

DỊCH-ÂM

NHỊ THẬP NGŨ CHƯƠNG

Hữu vật hỗn thành, tiên thiên địa sinh, tịch hề liêu hề, độc lập bất cải, chu hành nhi bất đãi, khả dĩ vi thiên hạ mẫu, ngô bất tri kỳ danh, tự chi viết Đạo; cương vị chi danh viết đại; đại viết thế; thế viết viển; viển viết phản. Cổ Đạo đại, thiên đại, địa đại; vương diệc đại, Vực trung hữu tứ đại nhi vương cư kỳ nhất yên. Nhân pháp địa, địa pháp thiên, thiên pháp Đạo. Đạo pháp Tự-nhiên.

DỊCH-NGHĨA

CHƯƠNG HAI MƯƠI NHĂM

Có vật (Tự nhiên) lẫn lộn, pha trộn mà nên, sinh ra trước Trời Đất, yên lặng chừ, trống không chừ, đấng một mình mà không thay đổi, đi khắp mọi nơi mà không trở nài mỗi một, có thể lấy làm Mẹ thiên hạ, ta không biết tên là gì, đặt tên chữ cho Nó là Đạo, gương ếp vì Nó, gọi tên là Lớn.

Lớn là đi, đi là xa, xa là trở lại. Cho nên Đạo lớn, Trời lớn, Đất lớn, Vua cũng lớn. Trong cõi có bốn thứ lớn mà Vua là một.

Người bắt chước Đất, Đất bắt chước Trời, Trời bắt chước Đạo, Đạo bắt chước Tự-nhiên.

CHÚ-GIẢI

Chữ và câu khác nhau tùy theo các bản.

Tịch hề liêu hề 寂兮寥兮: Bản của Phó Dịch chép là: Tịch hề tịch hề 寂兮寞兮. Trong bản của Chung Hội, chữ Liêu 寥 chép là Liêu: 寥

Độc lập bất cải: 獨立不改: Nhiều bản chép thêm có chữ nhi 而: Độc lập nhi bất cải 獨立而不改

Tự chi viết Đạo 字之曰道: Hàn Phi tử, thiên Dụ Lão 喻老 chép: Cương tự chi viết Đạo 強字之曰道

Bản của Phó Dịch chép: Cổ cương tự chi viết Đạo 故強字之曰道

Viển viết phản 遠曰反: Bản của Hà-thượng Công và Phó Dịch đều chép chữ phản có bộ sước 辵: 返

Vương diệc đại 王亦大: Bản của Phó Dịch chép: Nhân diệc đại 人亦大

Hỗn 混: lẫn lộn, tạp nhập, trộn lẫn

Tịch 寂: 1 — không có tiếng động

2 — Yên tĩnh

Liêu 寥: 1 — Không, trống rỗng

2 — Yên, không có tiếng động

3 — Sâu.

Tịch liêu 寂寥: Không hình dáng, không thể chất (theo Vương Bật) hoặc: Không hình dáng, không có tiếng động (theo Trương Mặc)

Độc lập 獨立: Đứng một mình

Cải 改: Đổi

Chu hành 周行: Đi khắp; đi hết vòng

Đất 殆: 1 — Nguy (theo Lục Đức-Minh)

2 — Mỗi một

3 — Dùng thông với chữ đại 怠 có nghĩa là trễ nài, lười biếng.

Hữu vật hỗn thành, tiên thiên địa sinh; tịch hề liêu hề, độc lập bất cải; chu hành nhi bất đãi; khả dĩ vi thiên hạ mẫu.

Có một vật tạp nhập trộn lẫn, ta không biết được, nhưng muôn vật đều bởi từ nó mà sản xuất. Ta lại cũng không biết nó là con ai, ai đẻ ra nó, vì vậy luận về nó, mới bảo là «pha trộn mà nên», trước Trời Đất đã có nó rồi.

Nó không thể chất, không dạng hình, không vật nào khác cùng nó sánh đôi, nên mới nói nó đứng đơn chiếc một thân, dù xây trời, biển dời, sau trời, nó chưa từng mất cái «hằng còn»; nó không bao giờ thay đổi.

Nó đi khắp, không chỗ nào không tới, mà không hề nguy ngập, trễ nài, mỗi một; nó vẫn giữ được vẹn toàn cái Lớn vô cùng vô cực, nên có thể làm Mẹ của cả «dưới trời» này.

Tóm lại một câu, nó là vật hỗn độn mịt mờ, «chưa có trời đất, từ xưa vốn vẫn ứng còn» đúng với lời nói của Thầy Trang, Nó không hình, không thể, không âm thanh, ta nhìn nghe, sờ mó không thấy gì, vậy mà nó không diệt, không sinh, một mình riêng đứng lâu dài, vĩnh viễn không từng cải biến.

Nó quanh khắp thiên hạ, không lười, không mỏi, không đầu không đến, sự vật vật đều nương nhờ nó hoá sinh không nghỉ, Nó chẳng khá lấy làm Mẹ vạn vật đây ư?

Tự 字 : Tên : tên chữ, tên tự.

Cương 強 : Gắng gượng, gượng ép.

Danh 名 : Tên : tiếng dùng để gọi, trở người, vật.

Ngó bất tri kỳ danh, tự chi viết Đạo, cương ư chi danh viết Đại.

Tên dùng để chỉ định rõ rệt vật có hình thể. Nay vì Nó đã tạp nhập không hình không thể, ta không biết được tên Nó là gì?

Tên chữ vốn dùng để gọi cái có thể nói ra. Nhận thấy rằng không vật nào không tự nó sinh thành, ta bèn đem chữ Đạo đặt cho Nó vậy.

Ta miễn cưỡng, gắng gượng mệnh danh nó là Lớn vì nó vốn huyền diệu, xưa rày không lúc nào, không nơi nào thiếu nó; khắp trong ngoài lực hợp, ta luôn luôn thấy nó phổ bày.

Viết 曰 : có thể hiểu như chữ tắc 則 nghĩa là thời.

(Tỷ dụ : Hành hữu dư lực, tắc dĩ học văn 行有餘力則以學文 = làm có thừa sức, thời lấy học văn : Luận ngữ, Học nhi, thiên thứ I, chương 6).
hay như chữ nhi 而 nghĩa là mà (theo Trương Mác)

Thệ 逝 : Đi, qua đi

Viễn 遠 : Xa; đến cùng

Phản 反 : Trở về, quay lại,

Đại viết thệ, thệ viết viễn, viễn viết phản.

Nó lớn, nhưng Nó không giữ nguyên một thể, Nó đi qua, vì vòng khắp không đâu là không có Nó. Nó « đi là xa » vì không đâu nó không tới chỗ cùng cực; nhưng trong cuộc *Đi, Đi xa, Đi đến cùng cực ấy*, Nó lại không ngưng trệ, tùy thuộc vào một thể nào hết thảy, nó vẫn độc lập, Nó vẫn là Nó, nên mới nói « xa là trở lại », là « quay về » (1).

(1) — Đọc câu trên này, ta không thể không nhớ tới : a) đoạn văn : Hai cái thái cực (les deux infinis) của Pascal; b) câu « Thiên hạ mạc đại ư thu hào chi mạt nhi Thái sơn vi tiếu 天下莫大於秋毫之末而泰山為小 của Trang Chu trong thiên Tề vật luận (bản về lẽ các vật đồng đều) và c) thuyết Nguyên tử trong khoa học hiện đại. Từ Vũ-trụ là cái Thái cực lớn đi tới Nguyên tử là cái Thái cực nhỏ, con đường « chu hành » kể đó là xa lắm ! nhưng khi đạt tới cái Thái cực nhỏ ấy, thì mỗi Nguyên tử hiện ra là cả một vũ trụ, một thế giới, nghĩa là ta quay lại trở về với cái Vô-Cùng.

Kìa như thân thể con người, hồi có khác chỉ một vũ trụ cấu thành bởi tế bào đầu tiên; rồi về sau, trong hiện tượng sinh đẻ, giòng máu lưu truyền, tất cả tinh lực con người ấy lại quy tụ vào một tế bào, gây nên tinh trùng, tạc ra phôi rồi thai, đưa tới đứa anh nhi, tức là một con người, một vũ trụ mới « khác mà không khác ! »

Vương 王 : Vua ; người làm chủ, thiên hạ đều theo về.

Vực 域 : 1 — Bờ cõi

2 — Trỏ rộng một cõi, một đất.

Pháp 法 : Bắt chước, noi theo.

Cổ đạo đại, thiên đại, địa đại, vương diệc đại ; sự trung hữu tử đại, nhi vương cư kỳ nhất yên. Nhân pháp địa, địa pháp thiên, thiên pháp đạo, đạo pháp tự nhiên.

Tính người do Trời Đất phú bẩm, con người rất quý rất cao ; Vua làm chủ trong tổ chức xã hội loài người, tuy không chuyên chủ ở tính chất to, lớn, nhưng cũng coi như lớn, như to để sánh với Đất, Trời, cho nên mới nói Vua là lớn vậy.

Bốn thứ lớn là : Đạo, Trời, Đất, Vua (nhân chủ). Phạm vật đã gọi ra được, đặt tên được, ắt không phải tuyệt đối, cùng cực. Đạo, gọi tên được, hẳn phải có cái Nguyên-nhân sinh ra Nó ; có cái sinh ra Nó, rồi sau mới dùng chữ Đạo để mệnh danh.

Song Đạo ấy, bảo rằng « lớn ở trong » (là trong cái gì ?), chẳng thà dùng nói cái lớn của nó còn hơn ; nhưng không nói tới cũng không xong, nên đành đem chữ « cõi » ra để tạm dùng ; tóm lại, Đạo, Trời, Đất, Vua đều ở trong một cái không thể gọi tên, nên bảo rằng : có bốn cái lớn ở trong « cõi ».

Người không trái với Đất, nên Yên được trọn vẹn, thế là do bắt chước Đất ; Đất không trái với Trời, nên chớ được trọn vẹn, thế là do bắt chước Trời ; cũng như Trời không trái với Đạo nên che được trọn vẹn, thế là do bắt chước Đạo ; và sau hết Đạo không trái Tự-nhiên nên giữ được tính tự nhiên.

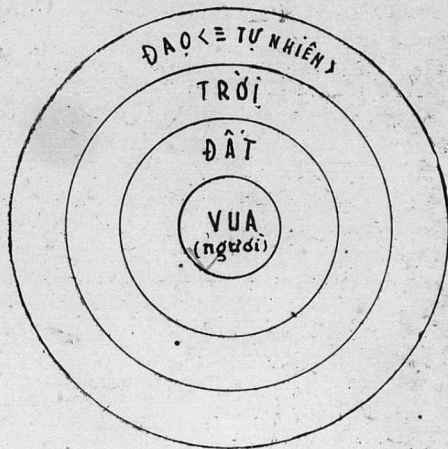
Bắt chước Tự-nhiên nghĩa là ở vương theo vương, ở tròn theo tròn, đối với Tự-nhiên không gò ép, trái ngược mây may; Tự-nhiên là trở « cái không biết gọi bằng gì », là danh từ gọi cái « cùng cực » vậy.

Dùng trí không tới kịp cái « không biết », hình phách không tới kịp tính tượng, tính tượng không tới kịp vô nghi, nên mới bảo Đạo thuận theo Tự-nhiên mà Trời do Đạo phú bẩm rồi lại lấy Đạo làm nơi nương tựa, Trời bắt chước Đạo nên Đất theo Trời mà Vua theo Đất, để mỗi thứ làm chủ trong phạm vi riêng biệt của mình (1)

Hay nói một cách rõ ràng hơn, thì đầu tiên có Vật tự nhiên lán lộn pha trộn mà thành, ta lấy chữ Đạo để mệnh danh ; Đạo lớn vô cực vô cùng; do Đạo sinh Trời, Đất, muôn loài, gồm cả người ở bên trong; Trời lớn Đất lớn thì Vua ngồi trên ngai vàng, làm chủ muôn dân, cũng kể là lớn được.

(1) Đoạn giải thích trên này phỏng theo lời chú của Vương Bật

Trong vũ trụ, ta thấy bốn thứ *lớn ấy* (mà Vua là một), nhưng giữa bốn thứ *lớn ấy*, đẳng cấp sai nhau rõ rệt; lớn đây chỉ là tính chất *lớn tương đối* của thứ nào ở trong khu vực thứ ấy, ta có thể biểu diễn sự sai biệt của chúng bằng những vòng đồng tâm, trong đồ thị sau đây:



Vua là Chúa-tể của loài người; người được đất « *Chờ* »; vua bắt chước theo Đất, vì vua thống xuất bình dân. Đất được Trời « *Che* » nên Đất phải bắt chước theo Trời; Trời được Đạo *bao-hàm* nên Trời lại cần noi theo Đạo.

Đạo quay về Tự-nhiên nên theo Tự-nhiên là hợp lẽ; dù biết Đạo không phải là một Vật huyền diệu, có ý, có chí, làm chủ-nhân-ông, tạo nên mọi loài trong vũ trụ, mà chẳng qua chỉ là Thực-thể của Tự nhiên.

ĐẠI-Ý KIỂM TÔNG-BÌNH

Chương này dùng một lối hành văn riêng để suy diễn, mở ra cho thực rõ ràng cái Thê và cái Dụng của Đạo.

Phần trên là văn « *đỡ* », mô tả Đạo Thê như một cái gì hỗn độn, trộn lẫn, mọc mọc, nhưng lại đi vòng khắp, không suy giảm mỗi một và có một *công năng*, *diệu dụng* vô cùng.

Trời đất, vạn vật-do Nó phát sinh, nhưng Nó sinh ra Trời đất muôn loài, tính không cố ý định làm, chẳng qua Nó thuận theo lẽ tự-nhiên; chính vì theo tự-nhiên, nên Nó mới quán quanh, chẳng chịt tổ chức được vũ-trụ trong ngoài, « *ôm nâng* » trời-đất để giúp công việc vận chuyển bốn mùa và âm dương, hoàn thành trách nhiệm *đại hóa* cho Trời, Đất.

Vì dầu con người biết mặc nhiên hòa mình theo Đạo, nuôi tính để tham dự vào công việc tổ chức, « *ôm nâng* » của Đạo, ắt sẽ cùng chung *công dụng* với Đạo, há chẳng cũng *lớn lắm* hay sao?

Đoạn cuối nói: « Vua bắt chước Đất, Đất bắt chước Trời, Trời bắt chước Đạo, Đạo bắt chước Tự-nhiên », tuy hình như có vẻ chia ra phạm vi, khu vực không đồng đều, song không phải là lệ thuộc nhau theo tầng lớp, thứ bậc.

Ý Lão-tử muốn chứng tỏ Đạo với Tự-nhiên là một và là Mẹ sinh ra Trời, Đất, vạn vật; con ắt phải có tính chất của Mẹ; vậy thì thống xuất được « *tính* » của Trời, Đất, vạn vật không thể còn cái gì khác hơn là Tự-nhiên.

Trong đồ thị trên kia, Đạo tức Tự-nhiên, lớn tuyệt đối cực cùng, không có thể có sự, vật nào ở ngoài vòng; Trời, Đất, vạn vật, thấy thấy đều ở bên trong; thực ra, Đạo hay Tự-nhiên cũng lại ở trong Trời, Đất và muôn loài; ta có thể nói: « không có vật nhỏ nào không có Đạo ở trong », như lời thầy Trang rằng: « Đạo ở tại ngay cứ, đất ».

PHỤ LỤC

1— Đông-Quách tử *ấn-ư* Trang tử viết:

— *Sở ư Đạo, ô hồ tại?*

Trang tử viết:

— *Vô sở bất tại.*

Đông-Quách tử viết:

— *Kỳ nhi hậu khả.*

Trang tử viết:

— *Tại lâu nghĩ.*

— *Viết: Hà kỳ hạ đa!*

— *Viết: Tại để bắt.*

— *Viết: Hà kỳ dù hạ đa!*

- *Viết: Tại ngô bất.*
- *Viết: Hà kỳ dã thâm dal*
- *Viết: Tại thị niệu.*

Đông-Quách từ bất ứng

(Trang từ: Nam-hoa kinh, Trĩ Bắc du, ngoạ thiên đệ thập ngũ).

Thầy Đông-Quách hỏi thầy Trang rằng:

— Cái gọi là Đạo, ở chỗ nào ?

Thầy Trang nói:

— Không chỗ nào là Nó không ở.

Thầy Đông-Quách nói:

— Phải chỉ ra mới được.

Thầy Trang nói:

— Ở con đê, con kiến.

— Sao mà thấp vậy !

— Ở cỏ đê, cỏ bại.

— Sao lại thấp hơn nữa !

— Ở ngói, gạch.

— Sao lại càng quá vậy !

— Ở cút, đá.

Thầy Đông-Quách không tiếp lời nữa.

Trang từ: Kinh Nam-hoa: Ngoạ thiên Trĩ sang Bắc: thiên thứ 15.

(Phỏng theo bản dịch của Nhưượng Tống trang 344-345)

Nhà xuất bản Tân-Việt Hà-nội: 1945).

2.— *Trích dịch phỏng theo lời chú của Cao Hanh, (trong Lão-tử chính*

hỗ)

A — *Vương pháp địa 王法地 = vua bắt chước đất: Lão tử trình bày tư tưởng « hầu vương » quá đã sâu lắm ! Trọng Đạo Đức kinh, nói đến « Thánh nhân » có tới 20 chỗ, đều là bậc Thánh nhân có địa vị chứ không phải là hạng người nhàn; nói ta (ngô 吾, ngã 我) (1) có tới 10 lần, đều là bậc Vương, Hầu tự xưng, chứ không phải thờ đấng dân; nói: « thượng thiện, thượng đức, hạ đức, thượng lễ, thượng nghĩa, thượng nhân » (1), nói:*

(1) *Ngô 吾: đối với mình mà tự xưng: Ta;*

Ngã 我: đối với người mà tự xưng: Ta. Tỷ dụ:

« Ngã thiện dưỡng ngô hạo nhiên chi khí 我善養吾浩然之氣:

Ta khéo nuôi cái khí Hạo-nhiên của ta (Mạnh-tử: Công-Tôn-Sứu)

(2) *上善 上德 下德 上禮 上義 上仁*

« kẻ hay theo Đạo mà làm » (1) vân vân... cũng đều là riêng trở bậc Vương, Hầu, chứ không phải trở chúng nhân lê thứ; lại nói: « làm khe lạch cho thiên hạ, làm phép tắc cho thiên hạ, làm hang cho thiên hạ, làm ngay ngắn cho thiên hạ ... » (2) đều là giọng nói của Vua, Chúa chứ đâu phải giọng nói của dân thường

Cho nên Đạo Đức kinh là khuôn phép quý báu của Vương, Hầu; triết học của Lão-tử là triết học của bậc ngồi trên sửa trị muôn dân; và nghĩa câu « Vua bắt chước Đất » thực đã rõ ràng, không cần phải mất nhiều công giải thích.

B — *Đạo pháp Tự-nhiên 道法自然 = Đạo bắt chước Tự-nhiên.*

Khi gọi tên Đạo, Lão-tử dùng những chữ: Đạo 道 (đạo), Nhất 一 (một), Huyền-tán 玄牝 (mẹ màu nhiệm), Cốc thần 谷神 (thần hang);

Khi tả hình dáng của Đạo, Lão-tử nói: Hoàng hề hối hề 恍兮惚兮 (mập mờ chừ, thấp thoáng chừ); vô trạng chi trạng 無狀之狀, vô vật chi tượng 無物之象 (cái hình dáng không có hình dáng, cái trạng không có vật chất hiện ra); thị chi bất khả kiến 視之不可見, thính chi bất khả văn 聽之不可聞, bác chi bất khả đắc 搏之不可得, nghênh chi bất khả kiến kỳ thủ 迎之不可見其首, tùy chi bất khả kiến kỳ hậu 隨之不可見其後 (nhìn không thấy, nghe không thấy, nắm không được, đón không thấy đầu, theo không thấy cuối);

Khi đề cập tới gốc Đạo, Lão-tử nói: Đế tượng chi tiên 帝象之先 (hình hiện ra ngoài, trước cả thiên đê); tiên thiên địa sinh 先天地生 (Đạo) sinh ra trước trời đất;

Khi trình bày cái Vận hành của Đạo, Lão-tử nói: Độc lập nhi bất cải 獨立而不改 (đứng một mình mà không thay đổi); chu hành nhi bất đãi 周行而不殆 (đi khắp mọi nơi mà không trễ nải mỏi mệt); kỳ thượng bất kỳ 夫, kỳ hạ bất muội 其上不皦其下不昧 (ở trên Nó không sáng tỏ, ở dưới Nó không tối mờ).

Cuối cùng, nói đến cái Dụng của Đạo, Lão-tử có những lời như sau: Uyên hề tự vạn vật chi tông 淵兮似萬物之宗 (sâu thăm chừ, tựa hồ như chủ, gốc của muôn loài); Dĩ duyệt chúng phủ 以閱衆甫 (để bầm sinh ra đầu gốc muôn vật).

(1) *善 為 道*

(2) *Vì thiên hạ khê 為天下豁 vì thiên hạ thức 為天下式 vì thiên hạ cốc 為天下谷 vì thiên hạ trình 為天下貞*

Hoặc nói ; *Hầu vương nhược năng thủ chi, vạn vật tương tự hóa* 候王若能守之萬物將自化 (nếu bậc Vương-Hầu hay biết giữ, theo Đạo, vạn vật sẽ tự nó biến hóa, thay đổi); *vạn vật thị chi nhi sinh* 萬物恃之而生 (muôn vật nhờ Đạo mà sinh xuất); *Đạo thường vô vi nhi vô bất vi* 道常無爲而無不爲 (Đạo vốn không làm gì song không việc gì là Nó không làm).

Hoặc lạc nói rằng: *Thiên đắc nhất dĩ thanh* 天得一以清 *địa đắc nhất dĩ ninh* 地得一以寧 *thần đắc nhất dĩ linh* 神得一以靈 *cốc đắc nhất dĩ doanh* 谷得一以盈 *vạn vật đắc nhất dĩ sinh* 萬物得一以生 *hầu vương đắc nhất dĩ thiên hạ trình* 候王得一以爲天下貞 (Trời được Một (1) mới trong, Đất được Một mới yên, Thần được Một mới thiêng, hang được Một mới đầy, vạn vật được Một mới sinh ra, Vương Hầu được Một mới khiến thiên hạ ngay, bền); *Đạo sinh nhất, nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật* 道生一, 一生二, 二生三, 三生萬物 (Đạo sinh ra một, một sinh ra hai, hai sinh ra ba, ba sinh ra muôn vật).

Tất cả những lời bên trên vừa dẫn đều sâu xa, huyền diệu, không dễ gì giải thích được ở đây bảo rằng: «Đạo bất chước Tự-nhiên» chẳng qua cũng không ngoài ý tưởng: «Cái mà ta gượng dùng chữ Đạo để mệnh danh ấy, tức thị là Tự-nhiên».

3.— *Lời bàn của Giang Hành* (trích theo Trần Trụ). Trời đất như quả trứng (2): lòng trắng là trời, lòng đỏ là đất; muôn loài sinh trong khoảng trời, đất, lấy trời làm cha, lấy đất làm mẹ; con không thể nào không giống mẹ cha.

Đất ở trong lòng trời; tương ứng với hai cực của trời, là hai diêm Bắc, Nam; trời bao phủ ở bên ngoài; cái thể của trời, đất tròn đều (*hồn viên* 渾圓) ấy tức là bản thể của hết thảy mọi loài sinh vật

Trừ một số: người, thú, vật... sinh con, còn các động vật đều sinh trứng; ngay đến cái thai ở trong bao tử cũng có thể coi như cái trứng; trứng hình tròn, nguyên khí pha trộn, tức là một vũ-trụ nhỏ, ắt giống với bản thể Tự-nhiên.

Đa số thực vật đều có quả tròn, có lẽ cũng giống trời, đất đầy chằng: quýt, quất, mận, dưa... hai đầu giống hai cực của đất, trời; mà hạt của các

(1) «Một» là đầu của các số và là cùng cực của các vật (theo Vương Bột)

«Một» là thể của Đạo (theo Thích Đức-Thanh)

(2) Đây chỉ là một quan niệm cổ truyền về vũ trụ quan của người Trung-Hoa, dẫn thêm Pê bô xung vào ý: «Đất bất chước trời» chứ không phải chủ kiến của người dịch thuật.

loài hạnh, táo, đào, mơ... có hai đầu ứng với hai cực ở ngoài lại càng giống lắm. Phần bọc ngoài hạt là trời mà chính hạt là đất; hai phần khí trời đất ấy hòa hợp để sinh ra vật, cho nên cái nhân (cái mầm) cũng hòa hợp hình trời, hình đất để tự tạo nên hình.

4.— *Lời bàn của Nghiêm Phục*.— Chương 25 này trình bày hình dung cái Thể của Đạo; Nghiêm Phục rằng: Lão gọi Đạo, Chu Dịch gọi Thái Cực, Phật gọi Tự-tại, cũng như nhà tiết học Tây phương nói: Nguyên-lý đầu tiên; Phật lại nói «*Bất nhị pháp môn* 不二法門» nghĩa là đường lối Đạo tuy vô cùng, nhưng vượt hẳn ra ngoài, lên trên, thì chỉ có Lý «*chân như nhất thực* 真如一實»

Cái Nguyên-Lý ấy là cái Lý sau cùng, muôn vật noi theo mà sinh xuất phát khởi, lại cũng là nền tảng tối hậu, làm nơi quay về của mọi học vấn; Nó không sinh, không diệt, không thêm, không bớt; mọi sự vật vẫn xoay, biến hóa đều là tương đối, riêng mình Nó độc lập, tuyệt đối, không dôi, không đổi, không thay.

Phụ thêm lời bình.— Nếu ta gạt ra một bên phần thuần lý siêu hình, mà chỉ ứng trong phạm-vi khoa học địa-lý nhân-văn và khoa học tự-nhiên ta thấy ngay rằng: loài người cũng như mọi sinh vật sống trên mặt trái đất này phải thích ứng với hoàn cảnh, thờ nghi, nếu không «*bất chước đất*» sống theo đất, thì sẽ tự hủy hoại mình, thoát sao khỏi luật «*đào thải thiên nhiên; vật tranh, trời chọn*».

Chân lý «Đất theo Trời, Trời theo Tự-nhiên» cũng không ra ngoài lẽ thường của Vũ-trụ; các nhà khoa học (thiên-văn, vật-lý, hóa-học, địa chất...) hiện đại chẳng từng ngày cặm cụi tìm cách khám phá những mối liên hệ giữa trái đất và các thiên thể, để mong biết rõ lịch sử trái đất cùng mọi biến thiên của nó trong lò Đại Tạo đầy ư?

Ở thời Chiến quốc, tại Trung-hoa, đất còn rộng, người chưa lấy gì làm nhiều, kinh-tế sơ khai, kỹ thuật tầm thường, cuộc sống giản dị thu lại trong mấy câu: «Trời ra, gắng; trời lặn, về; đào giếng mà uống, dệt vải mà mặc, cấy lúa mà ăn», con người tùy theo thờ-nghi, tổ chức đời mình; lý tưởng của bậc «*cầm quyền*» là đừng phá rối Tự-nhiên, nên mới bảo: «*vương hầu theo Đất mà Đất theo Trời*...»; Lão-tử có ý khuyên ta đừng đem trí năng, tư dục ra làm đảo lộn cuộc sống nhẹ nhàng «*Không làm mà làm*» tùy theo Đạo-thể.

PEARL BUCK

NGUYỄN-ĐÌNH-HOÀ

Bản-báo đã đăng trong Văn-Hóa nguyệt-san, số 3 và 4 năm 1955, một bài lược-khảo của ông Nguyễn-quang-Tuân về Pearl Buck, nay cho in dưới đây, — đề rộng đường dư-luận, — mấy trang về nữ-sĩ, với những chi tiết mới, từ Mỹ gửi về.

L.T.S.

Lưu-học ở Mỹ ngàn mấy năm trời, tôi thường ước-ao được gặp những nghệ-sĩ, văn-sĩ và thi-sĩ Hoa-Kỳ mà tôi vẫn mến-chuộng tài-nghệ, từ khi còn ở bên nhà hoặc từ khi sang đây. Mùa thu 1953, đi thăm xứ Vermont, được gặp họa-sĩ Norman Rockwell và văn-sĩ Dorothy Canfield Fisher, tôi lấy làm vui-thích lắm. Đầu năm 1954, tôi lại được dịp gặp nữ-sĩ Pearl Buck, một nhà văn nổi tiếng khắp hoàn-cầu, nhờ những cuốn tiểu-thuyết bà viết về đời sống của người dân Trung-Hoa

Hôm đó, tuy là Trung-tuần tháng ba nhưng trời còn tiết đông, không khí lạnh buốt, gió hanh thổi mạnh, làm tôi không khỏi nhớ đến câu tục-ngữ của người Mỹ: «Tháng ba đến một cách dịu-dàng như con chiên non, nhưng bỏ đi như một con mãnh sư.» Từ thành-phố Nữ-Ước đến nhà nữ-sĩ Pearl Buck ở quận Bucks, xứ Pennsylvania, đi xe hơi chỉ mất độ hơn hai tiếng đồng-hồ. Nhưng vì cuối tuần, xe cộ đông, nên ra khỏi thành-phố Nữ-Ước theo đường hầm Holland Tunne, chạy dưới sông Hudson, là cả một công-trình của người lái xe. Sang bên kia sông là xứ New Jersey, xe bon-bon chạy qua phi-trường Newark. Đờng thẳng tắp, tha hồ chạy nhanh. Đến một tỉnh nhỏ gọi là Frenchtown, thì qua chiếc cầu chạy ngang sông Delaware: chúng đã vào địa-phận xứ Pennsylvania.

Xứ Pennsylvania lấy tên ông William Penn, (sylvania nghĩa là rừng rậm) một giáo-dân hồi thế kỷ thứ XVII được Anh-hoàng Charles đệ-nhị cấp cho một dải đất ở Tân-thế-giới, để gán món nợ nhà vua thiếu thân-phụ ông. Năm 1862, ông Penn, vốn là người theo đạo Bàng-Hữu (Quaker), muốn có tự do tôn-giáo và chính trị, liền đi ngược dòng sông Delaware để đến xứ đó nghị-hòa với dân da đỏ, rồi thành-lập chính-thể tự-trị. Vùng nữ-sĩ Pearl Buck ở gọi là vùng Pennsylvania Dutch, vì có nhiều người dòng-dối Đức di-cư sang đây lập ruộng để sinh nhai. Chúng tôi đi qua một vùng toàn đồng trại mênh-mông, hai bên đường cây cối trĩu lá, giờ những cành khô khăng-khieu. Trời mưa mới tạnh nên bên dĩa đường có nhiều vũng nước. Cảnh tượng đìu-hiu rõ ra là cảnh quê-dòng ở miền thôn-dã.

Đúng một giờ chiều, chúng tôi lái xe đến biệt-thự nữ-sĩ Pearl Buck. Biệt-thự đó ở trong một cái trại lớn, rộng bốn năm trăm mẫu, lối đi vào hai bên, có hàng rào ô-rô và bao thứ cây khác, thiết trường mùa xuân hoa nở cả, chắc là ngoại-mục lắm. Ngay gần công, bên một cái bể nước, có pho tượng hình đứa bé con đang chơi đùa trong gió đông. Mái bên trong, thì có bể cá vàng nhỏ ngay đằng trước một ngôi nhà lớn, tường đá, ba tầng, xung quanh um-tùm những cây động-thanh che kín cả cửa sổ, chỉ thấy có cái cửa ra vào lớn. Tôi bấm chuông thì chính nữ-sĩ Pearl Buck ra mở cửa. Bà hé miệng cười đón chào chúng tôi một cách nhã-nhận, rồi mời vào phòng khách. Chúng tôi thấy gian phòng khách rất rộng, thấp đèn chỉ vừa đủ, không sáng lắm, nhưng tôi cũng nhận thấy được cách trang-hoàng đơn-giản nhưng rất tao-nhĩ. Đồ-đạc đại-khải cũng giống như đồ-đạc trong phòng khách các gia-đình Mỹ khác, nhưng đặc-điểm ở nhà này là những tấm bình-phong, những bức vẽ kiểu tàu, chỗ này khay sơn, chỗ kia chậu sứ, đồ bài-trí thật không khác một gia-đình phong-lưu văn-nhã ở bên Việt-Nam chẳng hạn, nào tranh sơn-thủy, nào tượng tam-da, nào lọ độc-bình, nào chậu Giang-tây. Thư-phòng của bà chủ nhà ở phía bên cạnh, không có cửa ngăn, sàn nhà thấp hơn phía phòng khách chính, làm cho tôi mê thích nhất. Xung quanh tường toàn giá sách, từ dưới đất lên đến trần nhà, nghĩa là bốn phía toàn sách cả: sách cổ, sách kim, Anh-văn có, Pháp-văn có, Hoa-văn lại còn nhiều hơn nữa. Chiếc bàn viết thì kiểu tàu, chính hồi ở Nam-kinh bà Pearl Buck đã dùng khi bà viết cuốn *The Good Earth*. Bà cho chúng tôi xem cả quyển Thánh-kinh lớn, của thân-phụ bà để lại làm của gia-bảo.

Tuy bà Pearl Buck đã ngoại lục-tuần, nhưng hình-dung còn khỏe-mạnh linh-dộng lắm. Tóc bà bạc phơn-phớt, chải ngược lên đỉnh đầu và cẩn lược đôi-môi. Gương mặt bà hiền-hậu, luôn luôn điểm nụ cười âu-yếm như một người bà cười với con cháu. Đôi hoa tai và bộ quần áo len màu xanh nhạt, cũng một sắc với cặp mắt bà, thông-minh nhưng dịu-dàng. Giọng bà nói cũng êm-địu rất dễ nghe. Bà hỏi chuyện hai vợ chồng tôi người tỉnh nào ở Việt-Nam, sang Mỹ đã bao lâu, học gì và có thích trường-học cùng xã-hội Hoa-Lý hay không. Tôi chưa kịp hỏi, bà đã nói ngay rằng trước bà có đi qua Đôn-Lục ng, nhưng không ghé lại Việt-Nam, chỉ có thì giờ xem Đế-thiên Đế-thích thôi. Bà bảo bà rất mến người Á-đông, Trung-Hoa, Việt-Nam, bất cứ nước nào.

Tôi xin bà Pearl Buck nói qua về văn-nghiệp của bà, thì bà kể luôn những hoạt-dộng hàng ngày của bà. Thường thường, bà dậy từ sáu giờ sáng để làm vườn: mùa hè thì ở ngoài trời, mùa đông thì ở trong những nhà kính.

Bà rất thích nhò cỏ, đến chín giờ mới ngồi xuống cái bàn viết đầy kỷ-niệm kia, làm việc một mạch đến trưa. Phàm người ngoại-quốc mà viết Anh-văn chưa thạo, tất phải nghĩ bằng tiếng mẹ đẻ, rồi mới dịch sang tiếng Anh. Bà Pearl Buck, tuy là người Mỹ, mà cũng nghĩ bằng tiếng Trung-Hoa, rồi mới dịch ra tiếng Anh, chẳng khác gì bà là người Tàu vậy. Buổi chiều, bà đọc sách, thăm trại và chơi với các con. Tối đến, bà lại phải viết thư, làm việc cho các hội-hiện. Mỗi tuần, bà phải đến Nữu-Uớc một lần, ở chừng hai ngày để diễn-thuyết hoặc gặp các bạn.

Khi nói đến vấn-đề trước-tác, bà bảo : «Tôi không thể nào thấy sung-sướng trong người, nếu tôi không viết tiểu-thuyết, dù là truyện của tôi có người đọc hay không. Tôi thuộc hạng những người khờ sớ, cứ phải đang viết hay sắp viết một cuốn tiểu-thuyết thì mới thấy là mình sống đầy-dủ.» Văn-tài của bà Pearl Buck chớm nở ngay hồi bà ở bên Trung-Hoa, còn nhỏ tuổi đã viết giúp phụ-trưởng nhi-đồng của tờ *The Shanghai Mercury*, tuần nào cũng được thưởng.

Bà Pearl Buck nói chuyện với chúng tôi rằng bà thích sống nơi đồng-quê thanh-tịnh, và thấy mình văn-minh hơn là người kẻ chợ. Bà bảo hồi 1935, khi bà mới tựu cái trại đó, thì đất màu không có, nên chẳng trồng-trọt được gì. Nhưng suốt hai năm trời, bà theo phương-pháp canh-chúng mà bà đã quan-sát được ở Trung-Hoa, nên chẳng bao lâu, ruộng đất của bà trở nên phì-nhiều. Hiện nay, bà có đến ăm sáu mươi con bò sữa giống Guernsey, và những gia-súc khác như lợn, gà, nưừ v.v... Rau cỏ, hoa quả cũng rất nhiều, mùa nào thức nấy, ăn không hết thì bà đóng hộp hay trữ trong tủ lạnh. Bà còn trồng-kiện, nên cái gì cũng thích để mắt đến, mót tay vào, và làm lấy hết. Bà nấu các món ăn tàu rất giỏi.

Lẽ tất nhiên, chúng tôi tò-mò muốn biết tiểu-sử của bà Pearl Buck. Bà không ngần-ngại kể hết mọi chi-tiết.

Ông chồng hiện thời của văn-sĩ Pearl Buck tên là Richard J. Walsh. Tên Buck là tên ông chồng trước, còn tên tục bà là Pearl Sydenstricker. Cha mẹ bà người tỉnh Hillsboro, xứ Tây Virginia. Sinh ngày 26 tháng 6 năm 1892, cô Sydenstricker lúc nhỏ tuổi, đã theo cha mẹ sang Trung-Hoa, Cả ông thân lẫn bà thân có hồi đó, đều làm giáo-sĩ ở Trấn-giang, thuộc tỉnh Giang-tô, trên sông Dương-tử. Lớn lên, cô Pearl học ở nhà, bà mẹ cô dạy đọc dạy viết. Đến năm 15 tuổi, cô mới được gửi đến Thượng-hải học ở một trường có ký-túc-xá.

Trong lúc thiếu thời, ngoài ảnh-hưởng gia-đình, nữ-sĩ còn kể trong cuốn tự-thuật *My Several Words* (xuất-bản hồi cuối năm 1954) rằng nữ-sĩ chịu ảnh-hưởng của ông giáo Trung-Hoa, cha mẹ thuê riêng đề kềm ở nhà, và của những người giúp việc trong nhà, rất yêu-mến và bênh-vực che-chở cho cô

bé người Mỹ. Bà thuật lại rằng, trong đám gia-nhân, có một người bếp, trông rất cổ vẻ nghệ-sĩ mà bà bảo chẳng khác gì tài-tử Fred Astaire da vàng, tóc đen, mắt đen. Người bếp đó thường kể cho cô Pearl nghe những mẫu chuyện lấy ở *Tam Quốc Chí, Thủy-Hử, Hồng Lâu Mộng*, vân vân.

Khi vừa đúng 17 tuổi xian, cô Pearl được phép cha mẹ cho đi du-lich Âu-châu. Cô sang thăm nước Anh ít lâu, rồi trở về Mỹ, ghi tên vào học trường đại-học Randolph-Macon ở xứ Virginia. Sau khi tốt-nghiệp năm 1914, đậu văn-bằng Cử-nhân (Bachelor of Arts) cô lại quay sang Trung-Hoa. Lúc đó, thân-mẫu cô đang bị ốm nặng. Suốt hai năm trời, cô trông-nom săn-sóc bà mẹ, ngày đêm ngồi túc-trực bên giường bệnh, hễ bà ngủ được thì cô đọc sách. Khi bà mẹ bình-phục thì cô kết-hôn với bác-sĩ John L. Buck, một thuyê-niên canh-nông giúp việc Giáo-hội Phái Trưởng-lão (Presbyterian Mission Board). Mãi đến 5 năm về sau, hai vợ chồng ông John Buck mới dọn đi Nam-kinh, và ở đó luôn mười năm trời.

Khi biết tôi cũng là một nhà giáo, bà Pearl Buck kể rằng bà đã từng dạy Anh-văn ở bên Trung-Hoa, nào Đại-học Nam-kinh, nào Đại-học Đông-Nam, nào Đại-học Trung-ương. Bà là một người nội-trợ hoàn-toàn. Ngoài việc dạy học, lại vừa trông nom nhà cửa vườn tược, vừa dạy dỗ hai cô con gái. Bà ở bên Tàu suốt mười năm, chỉ có năm 1925 thì bà về Mỹ theo học trường cao-đẳng Cornell ở tích Ithaca, xứ New-York, để lấy bằng Tiến-sĩ (Master of Arts). Đến 1932, vì bác-sĩ Buck là chồng bà cũng cần phải về đại-học Cornell khảo-cửu trong một năm, nên cả hai ông bà lại xin phép nghỉ hồi-hương.

Cũng năm ấy, bà có đọc mấy bài diễn-văn và viết mấy bài báo chỉ-trích phương-pháp của một vài nhà truyền-giáo. Vì bất-đồng-ý với ban giám-đốc, nên bà từ-chức không làm giáo-sĩ nữa. Tuy vậy, hai vợ chồng vẫn quay sang Trung-Hoa. Đến năm 1934 thì bà về New-York một mình, và giúp việc biên-tập cho nhà Xuất-bản John Day, vẫn thường xuất-bản sách của bà. Năm ấy, hai vợ chồng ly-dị, và đến năm sau thì bà tái-giá, lấy ông Richard J. Walsh, là người chồng bây giờ. Ông bà Walsh có tất cả bốn người con nuôi, ba gái một gái. Đó là chưa kể một cô con gái lớn nữa mà bà Buck nuôi từ năm 1926, và hai cô con đẻ, đã cho bà sáu đứa cháu ngoại.

«Tôi có rất nhiều kỷ-niệm êm-đềm về Trung-Hoa», bà kết-luận rồi đứng dậy, đưa chúng tôi đi thăm Nhà Hoan-Nghênh, mà tôi xin tả qua dưới đây.

Nguyên hồi 1948, có người viết thư cho bà Pearl Buck biết tình-cảnh một em nhỏ người Ấn lại Mỹ, cả gia-đình bố lẫn gia-đình mẹ đều không nhận,

người ta phải gửi vào một viện nuôi những trẻ em kém thông-minh. Rồi lại có một em nhỏ người Mỹ lai Trung-Hoa cùng cảnh đó, một gia-đình chồng Mỹ vợ Tàu đã định đem về nuôi, sau lại thôi. Bà Pearl Buck động lòng trắc-ân, thấy ái-ngại cho hai đứa bé giữa lúc ngày đông tháng giá, mùa lễ Nô-en sắp đến, phải chịu cảnh cô-quạnh. Bà liền đem luôn em nhỏ Mỹ-Hoa kia về nuôi nấng trong năm tháng, tuy rằng gia-đình bà cũng đã đông người lắm rồi. Rồi bà Pearl Buck kêu gọi hai vợ chồng người láng-giềng, đã có ba con nuôi rồi, đứng lên tổ-chức một nơi tiếp đón các trẻ em cô-cút vô gia-đình kia. Những nhà hảo-tâm quanh vùng như vợ chồng nhạc-sĩ Oscar Hammerstein (tác-giả những vở kịch danh-tiếng như *South Pacific, The King and I, Oklahoma, v.v...*), vợ chồng văn-sĩ James Michener (đã viết nhiều sách chuyện về Á-đông), vợ chồng ông David Burpee, v.v... đều giúp một tay để dựng lên một ngôi nhà mà cứu mạng những cô-nhi vô-thừa-nhận, trong khi đợi người thương đem về làm con nuôi. Nhà đó lấy cái tên đầy ý-nghĩa là « Nhà Hoan-Nghênh » (Welcome House).

Thật ra thì có hai ngôi nhà như thế. Chúng tôi chỉ đủ thì giờ đến thăm một nhà thôi. Nhà này ở gần ngay biệt thự của bà Pearl Buck. Ngay bên đường đi, có một cái cột treo tấm biển lớn đề chữ *Welcome House*. Khi xuống xe, tôi thấy một nhà ba tầng, tường sơn trắng, cửa sơn xanh, dưới mái hiên có năm sáu chiếc xe đạp đủ các cỡ, sơn màu đỏ, màu vàng rực rỡ. Chúng tôi vào qua lối bếp, thì gặp ông bà Yoder là « chủ nhà ». Chín em nhỏ trong nhà ấy vào trạc năm sáu tuổi trở lên đều gọi ông bà ta là « ba » và « má ». Ông Yoder dạy Anh-văn tại một trường trung học gần đó. Cả hai ông bà đều đã phúc hậu, vẻ hiền lành, tuy đã có hai con đẻ nhưng cũng sẵn lòng đứng ra trông nom những em nhỏ kia như con mình vậy. Hai ông bà mời chúng tôi vào phòng khách. Chúng tôi vừa ngồi xuống đi-văng bên cạnh bà Pearl Buck, thì thấy lần lượt mấy em nhỏ từ bên phòng bên sang chào. Chúng tôi bắt tay, hỏi tên từng em một. Sau khi chào hỏi rất lễ phép, mấy em đó chạy lại phía bà Pearl Buck chào « bà nội » (granny) để bà nội xoa đầu hỏi-han. Em nhỏ người Ấn và người Trung-Hoa là hai đứa bé đầu tiên được hưởng cảnh gia đình đó vẫn còn ở đấy, bây giờ đã lớn, ăn nói bạo dạn như những em khác, chứ lúc đầu thì em nhỏ người Ấn-độ hề thấy ai mặc áo đội mũ là sợ run lên, vì có cảm tưởng người ta đem đi đầu mất. Cậu nào cậu nấy mặc áo may-ô dòng dọc, quần xanh, trông khỏe mạnh, lanh-lợi lắm. Ngoài một em bé người Nhật-bản sinh hết chỗ nói (tên là Sumi, lúc nào cũng nhoèn miệng cười), hết thầy đều là con trai cả : một em có máu Cao-ly, một em nữa có máu Ấn-độ, hai em có máu Trung Hoa, và mấy người lớn hơn, cả cha lẫn mẹ đều người Mỹ. Em nào trông

cũng sạch-sẽ sáng-sủa. Chính lúc các em đi ra khỏi phòng, bà Pearl Buck mới giảng cho chúng tôi nghe sự-tích Nhà Hoan-Nghênh.

Đang nói chuyện, chúng tôi nghe thấy tiếng trẻ con khóc ở phòng bên. Bà Pearl Buck ngạc nhiên hỏi, « Đứa nào khóc đấy ? » Bà Yoder cười đáp, « Đó là trẻ con trong chương-trình điện-thị khóc đấy, chứ không phải các cháu bà đầu ! » Sau đó bà Yoder đưa chúng tôi đi xem khắp nhà. Trong buồng ngủ chơi, phải tắt đèn tối om, các cô các cậu đang chăm chú ngồi xem một vở hài-kịch ở máy điện-thị. Tôi ở chỗ sáng vào, phải định-thần một lát mới nhìn rõ những bộ mặt vui tươi hớn-hưng về cái máy truyền-hình, lưng quay vào một cái lò sưởi to tướng có ngọn lửa hồng leo-lét. Bên cạnh đó, là buồng ăn, rộng thênh-thang, tôi đếm thấy có chín cái ghế xung quanh chiếc bàn dài. Trên gác cả tầng thứ hai lẫn tầng thứ ba đều là buồng ngủ của các em : mỗi buồng hai ba người, giường đệm sạch-sẽ ngăn-nắp, có ngăn sách, có tủ gương. Ở trong buồng hai em bé người Ấn-độ, tôi thấy cả hai bức ảnh thủ-tướng Nehru.

Bà Pearl Buck nói rằng việc nhận nuôi con ở xứ Pennsylvania cũng phải theo luật-lệ ban-hành từ thủ-đô xứ đó là tỉnh Harrisburg. Bà bảo thường thường những trẻ em mới lên một lứa hai thì dễ được người ta nhận, còn những em đã lớn rồi thì cứ nuôi ở đó đề lớn lên cho học hành thôi. Hầu hết em nào cũng đã được người ta cấp sẵn tiền học-bổng đề lớn lên đi học. Bà Pearl Buck bảo tôi rằng trong mỗi nhà, bà chỉ muốn giữ độ tám chín em nhỏ, đề cho không-khí gia-đình khỏi thành không-khí một cô-nhi-viện chính-thức. Tiền ăn ở, quần áo của các em do các nhà từ-thiện quyên giúp. Một bác-sĩ, một nhà tâm-lý-học và một nhà chuyên-môn về bệnh trẻ con săn sóc các em trong nhà không lấy tiền. Tất cả tính đến năm ấy, bà Pearl Buck đã giúp cho hai mươi lăm trẻ em, vừa lai vừa không kiếm được đường-phụ đặng-mẫu. Bà nói cũng có một vài người đầu óc chưa được rộng-rãi lắm, không thích nuôi con nuôi người da vàng hay da đen. Nhưng phần nhiều những gia-đình vợ chồng trẻ, có học lại đã du-lịch nhiều, thì không quản khó-khăn mà còn thích nuôi trẻ em lai Tàu lai Nhật là đằng khác.

Ông bà Yoder biểu chúng tôi năm sáu tấm ảnh chụp các em trong nhà hồi lễ Giáng-sinh 1953 : em nào cũng ăn mặc lịch-sự, đồ chơi hàng óm. Ông Yoder bảo chúng tôi rằng đó là lần đầu tiên Nhà Hoan-Nghênh có cặp vợ chồng trẻ người Việt-Nam đến thăm.

Khi bắt tay ông bà Yoder và từ-giã các em nhỏ ra về, chúng tôi cảm thấy kính-phục tấm lòng hào-hiệp của bà Pearl Buck và những người đồng-chí muốn các trẻ em cô-cút kia, không những được no ấm mà còn được hưởng không-khí êm ái nơi gia-đình. Cùng đi ra xe với bà Pearl Buck, chúng tôi cảm thấy lạc-quan,

tin-tưởng ở thiện-tính của con người, và đồng-ý với bà rằng nếu tinh thần Nhà Hoan-Nghênh được lan-trần khắp mọi nước thì nỗi thống-khò của trẻ em mồ-có hay vô-thừa-nhận sẽ giảm bớt nhiều. Bà nói bà hy-vọng, khi lớn lên, em nào có máu Ấn-Độ sẽ được qua thăm Ấn-Độ, em nào có máu Trung-hoa sẽ được qui thăm Trung-hoa, để có thể hiểu biết cả hai văn hoá, mà làm trung-gian giữa hai thế-giới Đông và Tây góp sức trong việc xây-dựng hóa-bình.

Câu chuyện rườm-rà về Nhà Hoan Nghênh, chắc độc-giả cũng nhận-thức rằng phải có, mỗi khi ta nói đến đời nữ-sĩ Peal Buck. Trong cuốn tự-thuật *My Several Wives*, bà miêu-tả nhiều về cái thế-giới mà bà đã từng sống, nhất là những năm thanh-bình cũng như tao-loạn trên đất Trung-hoa, đã làm cho bà ăn ở làm việc, suy nghĩ như người Trung-hoa, chỉ trừ dòng máu trong huyết-quần là thuần-ý Mỹ thôi. Bà viết, «Trẻ con Nhà Hoan Nghênh thật tự-kết bao nhiều thế giới của tôi lại làm một».

Buổi tối hôm ấy, tôi được mời đến nói chuyện về văn-hóa Việt-Nam cùng các vị trong vùng, vẫn giúp đỡ tài-chính cho Nhà Hoan-Nghênh. Phòng diễn thuyết nguyên là cái vựa cỏ trong trại bà Pearl Buck, được bà cho sửa sang lại, trông chẳng khác gì một gian buồng học lứa ở các trường công ; bàn ghế lâu chũm bóng lộng, cách trần thiết giản dị, quanh tường có rất nhiều đồ chơi và sách vở. Hàng ngày là chỗ học tập của các trẻ em lớp vỡ lòng. Đến cuối tuần lễ, lại dùng làm nơi hội-họp của người lớn. Sau buổi nói chuyện, lúc các thính-giả đã hỏi-chấn-chê về phong-tục tập-quá của dân Việt-Nam rồi, tôi lại được nói chuyện riêng với bà Pearl Buck để hỏi thêm về văn-nghiệp của bà, trong khi mọi người tản-mác trong phòng hay xúm quanh chiếc bàn dài bày đồ giải lao.

Bà Pearl Buck chậm-rãi nhấp tách cà-phê, bảo tôi rằng tính trung-bình từ 1930 đến nay, mỗi năm bà viết xong từ một đến bốn quyển sách. Bà đã sáng-tác tất cả độ hai chục cuốn tiểu-thuyết, hai mươi ba cuốn sách nhi-đồng.(1)

(1) Những sách mà các độc-giả Anh-văn quen biết nhất là : *Sons, The First Wife and Other Stories, The Mother, House Divided, House of Earth, This Proud Heart, The Patriot, The Chinese Novel, Other Gods, Stories for Little Children, Today and Forever, Of Men and Women, Dragon Seed, American Unity and Asia, The Chinese Children, Next Door, What America Means To Me, The Buffalo Children, The Promise, The Dragon Fish, Pavillion of Women, Peony, Kinfolk, Imperial Woman*, vân vân.

Cuốn tiểu-thuyết kiểm-hiệp phổ-thông nhất ở Trung-hoa là cuốn *Thủy-Hử*, đã được bà Pearl Buck dịch ra Anh văn, bốn năm mới xong, lấy tên là *All Men Are Brothers* («Tứ Hải Giai Huynh Đệ»). Cả bộ dịch làm hai quyển, vẫn còn giữ nguyên hương-vị của những thủ-đoạn các tay hào-hán Lương-Son-Bạc.

Năm 1929, khi cuốn *East Wind West Wind* («Gió Đông Gió Tây») ra đời, tuy được nhiều người thích nhưng không bán chạy mấy. Cuốn *The Young Revolutionist* («Nhà Cách-mạng Thanh-niên»), xuất-bản năm 1931, cũng chung một số phận đó. Nhưng cũng năm ấy, nhờ cuốn *The Good Earth*, danh tiếng văn-sĩ Pearl Buck đã lừng lẫy bốn phương. Bà được giải thưởng văn-chương Pulitzer, năm sau lại được Huy-chương Howells của Hàn-lâm-viện Văn-ngệ Hoa-Kỳ. Cuốn sách đó, mà bà viết trong ba tháng, đã được soạn thành kịch rồi lại thành phim. Năm 1939, bà Pearl Buck được giải thưởng văn-chương Nobel. Bà là phụ-nữ đầu tiên được giải thưởng đó. Ủy-ban lựa chọn nhà văn đáng được thưởng, đã khen bà là «có tài miêu-tả đời sống hào-hùng của người dân quê Trung-hoa, với dụng ý thành thực trong cuốn *The Good Earth*, và đã trước-thuật những tập tiểu-sử kiệt-tác về cha mẹ bà trong hai cuốn *Fighting Angel — Portrait of a Soul* và *The Exile*». Bà Pearl Buck kể lại là khi được tin mừng đó, bà không tin. Đến lúc người ta gọi giấy nói từ Stockholm sang, bà vẫn không tin, và đã nói một cách khiêm-tốn ; «Ước gì họ tặng cho Theodore Dreiser có phải xứng đáng hơn không !»

Bà Pearl Buck cũng đã tả nổi-rụt-rè, e-lệ của một nhà văn trẻ tuổi, thiếp phái nữ, tuy được những tay kỹ-cụ hoàn-nghênh khích-lệ nhưng vẫn chưa đủ tự-tin. Bà nhớ tại một bữa tiệc ở Nữ-Ước, bà ngồi cạnh Sinclair Lewis, một tiểu-thuyết gia có danh. Ông khuyến-kích bà với dụng ý một bậc huynh-trưởng : «Nên viết thật nhiều vào. Tiểu-thuyết-gia có một nhiệm-vụ cao-thượng lắm.»

Bà kể rằng viết cuốn *The Mother*, bà có ý xung-tụng một người đầy tớ gái trung-thành, ở với bà tại Nam-kinh, lúc loạn-lạc đã ra tay cứu sống bà, về sau bà chạy sang Nagasaki bên Nhật, người nghĩa-bộ đó đi tìm bà ở Thượng-hải, rồi cùng lần sang theo.

Cuốn sách mới nhất của bà Pearl Buck là cuốn *Imperial Woman* loại lịch-sử tiểu-thuyết, về Từ-Hi Thái-hậu, sắp được quay thành phim. Chúng ta hãy mong những nhà đạo-diễn và tài-tử theo sát vở, để khỏi có những diễn-ngô-nghê của mấy kinh-nghiệm trước. Bà Pearl Buck có khen ngôi sao Luise Rainer đóng phim *The Good Earth*, nhưng phim *Dragon Seed* thì bà hơi bất mãn. Bà bảo nữ tài-tử

Katharine Hepburn đóng vai chính là vai nữ mà lại cứ mặc áo đàn ông Trung-hoa, cách để tóc không phải là của một phụ-nữ Tàu có chồng. Ngoài ra, phong cảnh không đúng: chẳng hạn cầu thì làm kiểu Hoa-Nam, chứ không đúng kiểu Nam-Kinh như trong sách.

Tháng ba năm 1949, Ủy-ban soạn Sách Nhi-đồng của Hiệp-Hội Nghiên-Cứu Nhi-Đông ở Mỹ (Child Study Association of America) tặng bà Pearl Buck một giải thưởng, vì bà đã viết cuốn *The Big Wave* (Sóng Gió Ba Đào) thuật chuyện một cậu bé Nhật-bản bị sóng triều đánh tan mất nhà cửa, về sau tay không làm lại cuộc đời.

Ngoài những tiểu-thuyết và sách trẻ con, bà Pearl Buck còn viết một loại sách đàm-thoại (talk books), thuật lại những cuộc nói chuyện và phỏng-vấn các nhân-vật có tiếng. Trong số những sách đó, có cuốn *Tell The People*, thuật lại câu chuyện của James Yen, tức Yến Dương Sơ, cuốn *Talk About Russia* thuật lời bà Masha Scott, người Nga, vợ một ký giả người Mỹ, cuốn *How It Happens*, thuật lời Erna von Pristem kể chuyện Quốc xã Đức lên nắm chính-quyền ra sao, cuốn *American Argument*, thuật lời Eslanda Goode Robeson, vợ nhạc-sĩ da đen Paul Robeson, v. v. . .

Đề kết-luận bài này, cốt trình bày vài điểm lý-thú trong đời sống và việc làm của nữ-sĩ Pearl Buck, một người đàn bà khôn-giao, bác cò thông kim, tài sắc vẹn toàn, một nhà văn lỗi-lạc, một nhà từ-thiện ít có, tôi chỉ xin nhắc lại lời bàn của tờ Nữ-Ước Thời-háo: « Nếu có một người nào dung-hòa được cho Đông Tây gặp nhau, thì người đó chính là Pearl Buck vậy ».

CHÀNG KHÔNG-LỒ và nàng Công-chúa

BACH-LINH lược thuật

TRONG vùng đồng-bằng bát-ngát ở miền đông Chà-và, có một ngọn lửa diêm-sơn đứng chơ-vơ tên là Núi Lamongan. Đó là quả núi lửa đáng ghê-sợ, vì trong lòng nó có lâu đài của chàng Không-lồ. Không-lồ thường tỏ vẻ buồn-bực; lâu đài mệnh-mông hiu-quạnh kia làm cho chàng khó chịu. Những căn phòng rộng lớn thường vang dội những bước chân chàng chạy gần, và tiếng chàng giận-dữ gầm thét. Chính lúc ấy, hoà-diêm-sơn phun ra nào lửa, nào dung-nham hay những khối đá lớn. Hoặc là, nếu Không-lồ thất-vọng hơn là thịnh-nộ, thì chàng khốc và những giọt nước mắt bắn toé ra ngoài miệng núi lửa, tạo thành dưới chân núi, những hồ nhỏ màu thiên-thanh.

Một hôm, dường như, hơn lúc nào hết, chàng không thể chịu nổi cái không-khí hẻo-lánh, tịch-mịch, có đơn trong lâu-đài của chàng nữa. Chàng bèn quyết-tâm kiếm một người vợ. Nhưng cái đó không phải là chuyện dễ. Chàng còn nhớ lần đầu tiên, chàng xin cưới một nàng công-chúa tại một nước lân-bang, người ta đã thẳng tay từ chối. Chàng biết người ta khinh-bí chàng, vì chàng còn kém những bậc Thần-Thánh ngự trên các núi lửa khác. Chàng bèn lên mặt đất. Nhưng ở đấy, chàng cũng chẳng thu-hoạch được thắng-lợi nào. Vì người trần không quen sống chung với một « nhân-vật » vừa kỳ-dị, vừa xuất hiện từ một thế-giới khác hẳn với thế-giới của họ. Và chẳng, nếu chàng không xấu như quỷ, thì những chỗ dị đồng kia, họ cũng có thể bỏ qua đi được.

Một hôm, bực dọc hơn thường-lệ, chàng đâm ra quá khích: ôn-hòa không xong, chàng quyết chí dùng võ-đoan. Chàng vi-hành đến Lâu-đài của ông vua người trần. Nhưng, ở đó, không một công-chúa nào được ông đề ý. Tiếp tục cuộc hành-trình, chàng đến một nước ở về bắc ngọn Chà-và. Đi đã xa xứ-sở, chàng nghe nói có nàng công-chúa Sriikanti, diêm-lệ hơn mặt trời, và dịu-dàng hơn mặt trăng. Một đêm, ẩn vào giữa chỗ đông người, chàng trông thấy nàng trong đám hội, mà nhà Vua tổ chức để hoan nghênh một vị tân-khách ngoại-bang, và do đó, chàng được mục-kích cái nhan-sắc tuyệt-vời của nàng, và không còn hồ-nghi gì nữa.

Tức thì, Không-lồ trở về Cung-điện của mình. Lần này, chàng đã quyết-dịnh rồi; dù muốn dù không, chàng cũng lấy Công-chúa cho bằng được. Chàng không đích thân đi hỏi vợ, vì e bị từ-chối; chàng sai đại-điện đi. Khi vào bệ-kiến, đại-điện công-bố không thể chờ lâu phúc-từ của nhà Vua, vì chủ hần nóng ruột. Hôm sau, Công-chúa đã phải chính-tê đi đến Núi Lamongan là nơi sẽ cử-hành lễ-cưới.

Nhà Vua không muốn gả Công-Chúa cho Không-lồ, nhưng không dám khước-từ. Ngại giả-cách nhận lời và nói:

— Người trần có luật qui-định Công-chúa chỉ có thể kết hôn với người nào làm nên sự-nghiệp phi-thường. Vậy, con gái trăm sẽ lấy chủ người, nếu chủ người có thể làm nổi bật lên, ở trong bán-xứ, một cái hồ sâu như biển, và xanh như da trời.

Khi Không-lò hay tin ấy, chàng cười to quá, đến nỗi chuyện đất long trời. Ngay đêm hôm ấy, chàng tạo ra ở trong xứ của Công-chúa một cái hồ sâu như biển và xanh như da trời. Và hôm sau, vị đại-điện đến kiểm Công-chúa Srikanti. Nhưng, nghe nói Không-lò đã thi-hành xong cái công-trình nhà Vua yêu-sách, Công-chúa đã trốn-tránh rồi.

Công-chúa ân xa lắm, trong một cái hang sâu. Nàng mệt nhọc, đương nghỉ-ngơi dưới một cây lớn, thì một con chim đến đậu lên vai nàng.

Chim bảo nàng : « Srikanti ơi ! nàng nên lánh con chim Chúa Phụng-hoàng nhé. Chúa Núi Lamongan phán-truyền cho tất cả cầm thú đi lũng bắt nàng, đem về Núi cho chàng. Không loài vật nào tuân lệnh cả. Duy chỉ có con Phụng-hoàng ráng sức tâm-nả nàng đấy thôi. Vậy nàng hãy thận-trọng ! ».

Nhưng Công-chúa đã mệt-lử. Chim vừa nói dứt lời, thì mắt nàng nhắm lại : nàng ngủ thiếp đi. Bỗng, một cảm-giác dị-thường khiến nàng tỉnh dậy : thì ra nàng đang bay. Bấy giờ, nàng mới hiểu rằng chim Phụng-hoàng đã tìm thấy nàng, và lấy móng quắp nàng về cho chàng Không-lò ghê-gớm kia. Rồi nàng thấy mình từ từ bay xuống ; một lát sau, chim Phụng-hoàng buồng nàng xuống đỉnh núi lửa. Được thả lỏng như vậy, nàng không bỏ mất thì-giờ và lại trốn lần thứ hai, hết sức chạy dọc theo sườn núi, hướng về phía có ánh sáng xa-xôi, mà nàng đoán chừng là những ánh-sáng ở lãnh-thổ của Vua cha.

Trong lúc ấy, Chim Phụng-hoàng đã báo cho chủ biết rằng : Công-chúa đương ở ven-miệng núi, nên Không-lò chui ra định đưa nàng về Cung-điện. Nhưng, đến nơi, « vắng tanh nào thấy vân mông », chàng nổi trận lôi đình, làm cho dung-nham chảy ra và núi phun lửa. Trong khi chạy trốn, Công-chúa nghe thấy đằng sau nàng tiếng nổ ầm-ầm ghê-sợ và thấy đất rung-chuyên. Nàng thất kinh, quay lại, nhìn ngọn núi. Tức thì, dung-nham chảy đến, tràn vào mặt nàng, đốt da và quần áo nàng. Tuy nhiên, nàng không dừng lại, và chẳng bao lâu nàng tới cái hồ, mà Không-lò đã tạo ra. Mọi tường đến nước lạnh, nàng đã thấy khoan-khoái, nhưng khi cúi nhìn làn sóng trong như gương, dưới chân nàng, thì nàng không nhận ra hình-dung mình nữa. Da nàng bị cháy xém như tro và đã nhăn-nheo ghê-gớm. Dung-nham nóng bỏng đã biến nàng Công-chúa mỹ-miệu thành con quỷ nhỏ.

Nàng đành ngồi than-khóc trên bờ hồ. Bấy giờ, nàng không thể trở lại Cung-điện của phụ-vương. Và chẳng, nàng tự nghĩ không còn ai nhận ra nàng nữa, đầu chính mẹ nàng cũng vậy. Cho nên, nàng đành ở lại bên bờ hồ, sâu như biển Chà-và, và xanh như da trời...

VÂN CHUYỆN HÒA-TINH

của NGUYỄN-CHUNG-TÚ

HỒI còn nhỏ, đọc những truyện thần tiên, thấy tả những thế giới xa xôi, ở đó, một năm bằng hai, ba năm, hoặc bằng cả một thế-kỷ ở trần-gian.

Lớn lên, đọc những chuyện khoa học ảo-tưởng của Jules Verne, vừa thấy vui thích lại vừa lờ mờ hiểu rằng qua những cái bịa đặt cũng có đôi phần sự thật, và chính những cái ảo-tưởng ấy đương dần dần được khoa học thực hiện. Năm cuối cùng bậc trung học, giờ Thiên-Văn, giáo-sư có kể rằng Hòa-Tinh là hành-tinh đặc biệt đáng chú ý nhất, vì hình như ở đó cũng có cỏ, cây, mây, nước, và những giống vật thông minh ít ra cũng bằng chúng ta !

Cuộc tranh luận về Hoà-Tinh thực ra đã cũ-kỹ lắm rồi. Một phái gồm có Schiaparelli, Lowell, Flammarion, Slipher... quả quyết rằng Hoà-Tinh cũng « sống » như trái đất chúng ta ; một phái ôn hòa hơn, gồm đa số các nhà thiên văn học pháp, khuyên nên thận trọng, và ở trình độ hiện thời của khoa học, chúng ta chưa thể biết chắc-chắn ngoài trái đất, còn nơi nào có sinh-vật nữa không.

Song vấn-đề Hoà-tinh ngày nay lại trở nên hợp thời ; vì chỉ độ một, hai năm nữa, các nhà bác học Mỹ sẽ phóng những hộ tinh nhân tạo quanh trái đất ; và độ cuối thế kỷ này, sẽ có thể thực hiện cuộc du lịch lên mặt trăng ; và sau đó, sẽ bàn đến chuyện lên Hòa-Tinh để xem ai đoán phải, ai đoán trái.

o o

Hòa-Tinh là một hành-tinh cũng chạy chung quanh mặt trời như trái đất, nhưng ở xa hơn. Khoảng cách từ Hòa tinh tới mặt trời gấp rưỡi khoảng cách từ trái đất tới mặt trời, nghĩa là vào khoảng 228 triệu cây số. Nhưng trong sự chuyển động quanh mặt trời cùng với trái đất, có lúc hòa tinh chỉ cách trái đất có 56 triệu cây số thôi ; chính năm nay, vào khoảng tháng chín, Hòa-Tinh tới vị trí đặc sắc đó, và cố nhiên các nhà hác học sẽ lợi dụng lúc ấy để quan sát cho rõ. Hòa-Tinh chạy chung quanh mặt trời một vòng hết 697 ngày, trong khi quả đất chỉ chạy mất 365 ngày, nghĩa là một năm trên Hòa Tinh gần bằng hai năm ở « hạ giới ». Hòa-Tinh lăn tròn quanh một trục, trục này nghiêng một góc 25 độ trên quỹ đạo của hành-tinh ấy — nghĩa là đường vòng quanh mặt trời.

Trục trái đất thì nghiêng 27° trên quỹ đạo của trái đất.

Vậy trên Hỏa-Tinh cũng có bốn mùa nhưng lâu hơn ở trái đất. Một ngày ở Hỏa-Tinh bằng 24 giờ 37 phút, nghĩa là cũng không dài hơn ngày họ giới bao nhiêu. Đường kính Hỏa-Tinh chỉ lớn hơn bán kính trái đất chút ít, nghĩa là vào khoảng 6300km, còn khối lượng Hỏa-Tinh chỉ bằng 1/10 khối lượng trái đất. Xem đó có thể suy ra trọng lực ở Hỏa-Tinh chỉ vào khoảng

$$\frac{\frac{1}{10}}{\left(\frac{1}{2}\right)^2} = \frac{4}{10} \text{ trọng lực ở trái đất (tính theo công thức vạn vật hấp}$$

dẫn của Newton). Nói khác đi, một người ở đây nặng 70 kg, lên đó chỉ còn nặng vào khoảng $70 \times \frac{4}{10} = 28$ kg thôi. Sau này, những ông bà nào béo quá, bác sĩ sẽ khuyên lên dưỡng bệnh ở Hỏa tinh! Ban ngày ở vùng xích đạo nhiệt độ vào khoảng 10°, nhưng ban đêm ở hai cực nhiệt độ có thể xuống tới - 70°. Ta thấy hỏa tinh cũng không lạnh hơn trái đất bao nhiêu. Người Hỏa-tinh nếu trên đó có người — được hân hạnh ngắm hai mặt trăng nhỏ xíu, một vì chạy quanh hỏa tinh hết có 7 giờ rưỡi, một vì chạy mất 30 giờ (trong khi mặt trăng của chúng ta chạy quanh trái đất mất hơn 27 ngày).

o°o

Tờ lên trên, là những điều « cò diên » trong các sách Thiên-Ván cho lớp đệ nhất trung học. Bây giờ, xin bàn đến những điều này còn là giả thuyết, và là những mục tiêu của những cuộc tranh luận sôi-nổi và hào hứng giữa các nhà chuyên môn về chuyện trên trời.

Trước hết, xin bàn đến vấn-đề « trên Hỏa-Tinh có thực-vật không » ? Khi ngắm hành-tinh này qua ống viễn-kính, ta thấy có những khoảng đỏ (có lẽ là đất hay núi) và những khoảng xanh. Những vết này là bề hay là rừng ? Những vết ấy thay đổi màu theo bốn mùa. Khi mùa Xuân tới, màu xanh đột nhiên đổi thành màu nâu ! Mới nghe thấy ngược đời. Giá mùa Xuân màu nâu thành màu xanh và mùa thu màu xanh thành màu nâu thì có phải yên chuyện rồi không ! Tuy vậy, các nhà bác-học vẫn quả-quyết rằng trên Hỏa-Tinh có thực-vật. Dollfus (Pháp) thấy rằng có một loại cây «lichen» nhìn bằng ánh sáng phân cực (lumière polarisée) phản ứng y hệt những vết màu xanh ở Hỏa-Tinh. Slipher (Mỹ) sau khi đã chụp 2 vạn bức ảnh về hành-tinh ấy, quả quyết rằng trên đó nhất định có thực-vật. Tiếc rằng ông chỉ tuyên bố kết quả thôi, chứ không cho biết lý-do. Nhà thiên-văn-học Artisov (Nga) bằng một lối khảo-cứu khác, cũng đi đến kết luận như vậy, nhưng cũng không cho chi-tiết nào cả.

Bây giờ bàn đến bí-mật thứ hai của Hỏa-Tinh là trạng-thái những vết đỏ của hành-tinh ấy. Có lẽ đây là những sa-mạc hoang-vu, toàn một thứ cát đỏ gió thổi bụi mù (cứ kể xa hàng chục triệu cây số mà tả cảnh thì vị được đến thế thì cũng tài tình). Cát ấy — theo Dollfus — hình như là xuất sắt ngâm nước 203 Fe₂, 30H₂. Theo McLaughlin trên Hỏa-Tinh còn có núi lửa nữa. Thuyết này bị các nhà bác-học khác bài bác. Tuy nhiên, năm 1926, nhiều nhà thiên-văn-học cùng nhận thấy rằng một khoảng lớn trên hành-tinh ấy đột nhiên biến mất dưới một lớp bụi mù. Có lẽ đây là núi lửa phun chẳng ? Hay là « người » Hỏa-Tinh thử bom nguyên-tử ?

o°o

Nhưng đây mới thực là đặc-tính của Hỏa-Tinh. Đặc tính thực hay là đặc tính theo sự tưởng lầm đoán lầm của một số nhà bác-học cũng chẳng biết nữa.

Năm 1877, Schiaparelli (Ý) báo tin nhìn thấy trên Hỏa-Tinh những sông đào kẻ rất thẳng. Lowell vội vã kết luận rằng trên hành-tinh đó có sinh-vật thông minh ở. Có người cho rằng những người trên Hỏa-Tinh vẽ những con sông đào đó để liên-lạc với người trên trái đất và định rủ nhau đến sa-mạc Sahara kẻ những hình tam-giác để « trả lời » họ. Cho đến bây giờ, các nhà thiên-văn-học Mỹ — sau khi tiếp-tục khảo-cứu — vẫn nhất định rằng những sông đào đó có thực.

Dollfus (Pháp) thì lại quả quyết rằng những sông đào đó chỉ là ảo-ảnh. Theo ông, chỉ có những bề còn liên tiếp, ta chụp ảnh qua lớp không-khí là nơi xảy ra nhiều hiện tượng phức-tạp cho nên những ảnh có thể biến dạng đi, « nhoè » ra, lẫn vào nhau, khiến cho ta tưởng là có sông đào. Nhưng sao những sông đào ấy có khi trông lại thẳng như kẻ chỉ và rõ rệt như thế ? Dollfus cho là tại người quan-sát trông lầm và tưởng-tượng thêm vào đó thôi.

Nhà địa-vật lý-học Na-uy Wasiutynsky đã tìm được cách dung-hòa cả hai thuyết, thuyết có sông đào và thuyết không có sông đào. Ông khảo-cứu quá khứ của trái đất, để tìm hiểu những hiện-tượng đang tiếp-diễn trên Hỏa-Tinh. Ta biết trên trái đất có một thời kỳ bề Thétis (một thứ địa - trung - hải) vòng quanh trái đất theo chí tuyến Giải (tropicque du Cancer). Rất có thể trên Hỏa-Tinh cũng vậy. Hai bên bờ là những khoảng rộng lớn hình đa-giác (polygone) cách nhau bởi những dãy núi.

Những cái mà ta gọi là sông đào ... có lẽ là những dãy núi đó !

Vậy thời Hỏa-Tinh là một hành-tinh sống, ở đó đang xảy ra những biến thiên địa chất lợc dữ-dội và vi-dại.

Một đặc điểm nữa của Hỏa-Tinh là ở hai cực, có hai chòm cầu trắng xóa (calottes) mùa hạ thì tan gần hết. Cassini cách đây 300 năm đã phát-minh điểm ấy, và đoán đó là đá băng cũng như ở trái đất, và kết-luận rằng trên Hỏa-Tinh có lớp khí quyển có hơi nước. Thực ra, theo Dollfus, thì đó là sương giá (givre) chứ không hẳn là đá băng. Lớp sương giá này mỏng chứ không dày như đá băng ở trái đất. Hơn nữa, những thí-nghiệm mà Dollfus đã làm tỏ rằng lớp sương giá ở Hỏa-Tinh khi mùa hạ tới thì thăng hoa (se sublimer), nghĩa là trực-tiếp chuyển từ thể đặc sang thể hơi, chứ không nóng chảy, nghĩa là chuyển từ thể đặc sang thể lỏng. Vậy thời khô mà kết-luận rằng trên Hỏa-Tinh có nước, và những sông đào — nếu có — chắc cũng khô cạn.

Sau cùng, có lẽ chung quanh Hỏa-Tinh có một lớp khí quyển, vì vậy mà đường chu-vi trông không rõ. Mặt đất trông cũng không rõ lắm vì có mây che; gọi là mây nhưng thực ra là một lớp sương mù. Trời màu xanh xám; ban ngày những sao sáng có thể trông thấy được. Ngoài ra, trên Hỏa-Tinh không có oxy và áp suất khí quyển ở mặt đất chỉ bằng $\frac{1}{12}$ áp suất không khí trái đất. Người ta

tự hỏi trong những điều-kiện khó khăn như thế, liệu có thể có sinh-vật trên đó không ?

o o

Nhà khoa-học đứng trước vũ-trụ bao la, vẫn còn bao nhiêu điều muốn biết mà không được biết, có bao nhiêu vật đáng trông mà không được trông, muốn gào thét lên, muốn đánh điện-tín, để xem có sinh vật nào ở chốn xa-xôi hưởng-ứng với mình chăng, nhưng biết đó chỉ là cuồng vọng buồn cười nên đành ôm mối bực tức và cảm thấy rằng mình đứng trước vũ-trụ mệnh-mông và bí-mật, có nghĩa gì đâu !

Nhưng, nhà khoa-học không bao giờ thất-vọng, và, trái lại, càng cố gắng về mọi phương diện, để cố tìm hiểu vũ-trụ mỗi ngày một hơn trước; những thành công trong quá-khứ khiến ta có thể tin chắc rằng nhà khoa-học cũng sẽ thành công trong tương-lai.

THI-CA ĐỜI ĐƯỜNG

CỦA NGUYỄN QUANG-XƯƠNG

A. — Nguyên-nhân sự hưng-thịnh của thi-ca đời Đường.

Đời Đường là thời cực thịnh của thi-ca Trung-quốc; không có thời đại nào sinh xuất được nhiều thi-nhân như đời ấy: kè tổng số thi-sĩ đời Đường có tới hơn 2.200 tác-giả; số thi tác có tới 40.890 bài.

Nguyên-nhân sự phát-triển rất mạnh về thi-ca đời Đường, là do ba ảnh-hưởng sau đây tạo nên:

1') Ảnh-hưởng của nhà cầm quyền. — 2') Ảnh-hưởng của thi cũ.
3') Ảnh-hưởng của thơ cận-thê.

1') Ảnh hưởng của nhà cầm quyền. Ảnh hưởng của nhà vua đến văn-nghệ trong nước là một ảnh-hưởng rất mạnh. Ta xem như về cuối đời Hán. Hán linh Đế thích loại hài hước gọi là « bài từ », về đời Ngụy cha con Ngụy vũ Đế thích phú-thi, thời bọn bầy tôi muốn lập công-danh cũng phải đua theo mà phụ-họa. Về đời Đường cũng vậy, nhà vua thích văn-nghệ thời bọn văn-nhân xuất hiện cũng nhiều.

Nhất là Đường-thái-Tôn, một nhà cai-trị sáng suốt, sau khi chinh phục bốn phương chăm-chú về việc trị-dân, khuyến-kích văn học, đặt ra « Hoảng-văn-Quán » tức là một thư-viện sưu-tập được đến hơn 20 vạn quyển sách.

Vua Thái-tôn cũng thích làm thơ, triệu thỉnh 18 văn-nhân có biệt-tài, để ngày ngày luận phiên thảo-luận, nghiên-cứu về văn-nghệ.

Đến đời Vũ-Hậu lên cầm quyền chính, cũng rất chú trọng về văn-nghệ, nên có hàng vạn thi-gia, văn-sĩ đua nhau để tìm cách tiến thân.

Vua Đường-Minh-Hoàng rất ưa chuộng các nhà văn, nên chỉ thi sĩ Lý-thái-Bạch nhờ có bài thơ « Thanh bình điệu » (1) mà được vua quý chuộng.

Vua Hiến-tôn đọc bài « Phúng gián thi » (thơ can răn) của Bạch-cư-Dị, cho triệu ngay nhà thi sĩ và ban cho chức Học-sĩ.

(1) Là một điệu thơ thất ngôn tứ tuyệt. Năm Khai-Nguyên, Thái-Bạch được cung chức Hàn-Lâm, gặp lúc bấy giờ trong cung cấm nhà vua có cây thực được, đang khai hoa. Vua Huyền-Tôn truyền Lý-Bạch ứng khẩu làm bài thơ đề vịnh hoa thực được theo điệu Thanh-Bình. Lý-Bạch còn đang ngái ngủ cảm bút phóng ngay xong ba bài thơ, vua lấy làm cảm phục tiên-sinh có thiên tài.

2.) *Ảnh-hưởng của thi-cử* : — Ảnh-hưởng của thi-cử đến sự phát-triển văn-nghệ, là điều dĩ nhiên, bởi vì trong các khoa thi chọn nhân tài có ra thơ phú. Nhưng ta cũng nên nhận định rằng về đời Đường, mãi đến năm Vũ-Hậu Quang-Trạch thứ 2 (năm 625 T.L) mới lập lệ trong các khoa thi phải có bài phú. Khoa thi năm khai-nguyên thứ hai ra bài « Kỳ phú » (bài phú tả lá cờ) lấy 8 văn bố buộc sau đây ; phong, nhật, vân, dã, quân, quốc, thanh, túc. Thể phú bắt cờ cước vận bắt đầu thịnh-hành từ đó.

Còn thi thơ bắt đầu từ bao giờ chưa được rõ đích xác. Chỉ biết theo trong « Văn uyển anh hoa » thời thi sĩ Vương-Duy, lúc ấy 19 tuổi, đi thi khóa « Phú thi » vào năm khai Nguyên thứ 7 (719. T.L.), có làm bài thơ « Thanh như ngọc hồ băng ». Từ bấy giờ trở về sau, khoa thi nào cũng thấy ra thơ.

Vậy, ta có thể xác nhận rằng trong các khoa thi, dụng thơ phú không xa quá đời Thịnh Đường.

3.) *Ảnh-hưởng của thơ cận-thê*. — Thơ cận-thê là gì ? Cận là gần, là mới ; thê là cách thức. Thơ cận thê là thơ làm theo cách-thức mới. Những thơ từ đời Nam Bắc triều trở về trước, gọi là thơ cổ thê ; thơ cổ-thê không bố buộc theo những luật-lệ nhất định. Còn những thơ từ đời Đường trở về sau, gọi là thơ cận thê ; thơ cận thê phải theo đúng luật lệ nghiêm khắc về cách điệu, thanh âm, niêm đối...

Nhưng thực ra, không phải đến đời Đường, mới xuất hiện thơ cận-thê ; nói cho đúng, thì thơ cận-thê đã có từ trước đời Đường, nhưng mãi đến đời Thịnh Đường, thơ ấy mới gọi là hoàn-bị.

Thơ cận-thê vì mới lạ, nên nhiều nhà văn hiếu-kỳ thử làm chơi, rồi người này bắt chước người khác, tạo nên phong-trào thơ cận-thê. Lại được Triều đình cổ lệ, cho nên thơ ấy phát-triển rất mạnh.

B. — Thơ cận-thê.

a) *Thời kỳ phối-thai*. Về Lục-triều, thê biến-văn đã thịnh-hành. Do đó, về sau các thi-sĩ cũng đặt ra lệ trong thơ phải có những câu đối. Đến đời Tề, Lương, các thi-gia lại còn bàn đến cả về điệu (đọng bằng trắc cao thấp), và về thanh (những chữ đồng âm). Thơ luật bắt đầu thành hình từ-đó. Về thời-kỳ phối-thai này, có những thi-sĩ như Vương Dung làm bài (Lâm cao đài). Tạ Siêu làm bài « Khúc tri chi thủy » ; Thẩm Ước làm bài « Thu dạ » v.v... Các thi-sĩ ấy mới bắt đầu xu-hướng về thơ luật, nên qui-tắc chưa được chính-bị.

b) *Thời kỳ hoàn-bị*. Mãi đến đời Đường-Sơ, thơ luật mới hoàn-bị với bốn thi-sĩ trứ danh Vương Bột, Dương Quýnh, Lư Chiếu Lân và Lạc Tân Vương, đời xưng là « Tứ kiệt ». Nhưng bốn thi-sĩ ấy không sản-xuất được mấy. Về sau Đỗ Thâm Ngạn, Thẩm Thuyên Kỳ, Tống Chi Văn mới có thể coi như là những thi-sĩ đầu tiên thảo-soạn ra thơ ngũ ngôn Đường luật chính-bị.

Còn về thơ thất ngôn, trước đời Đường, tuy cũng đã có thi-sĩ xu-hướng về thơ luật như : Lương Văn Giản, Trần hậu Chủ, nhưng chưa thể gọi thực là những nhà thơ luật được. Về sau Thẩm Thuyên Kỳ và Tống Chi Văn mới thực là những đại-biểu chân-chính về thơ thất ngôn Đường luật.

C. — Thơ cận-thê với âm-nhạc.

Thơ cận-thê, thơ luật cũng như thơ tuyệt-cú đều có thể phổ vào nhạc được cả, nhưng đại-khái thơ luật nhập nhạc có vẻ nặng-nề, không được thanh-thoát nhẹ-nhàng như thơ tuyệt-cú. Các thi-gia thường đặt thi-ca cho ca-nhi hát, do đó mà nhiều thi-tác thường được nhập nhạc. Sách chép truyện ba thi-nhân có tiếng về Đường-Sơ, là Vương Xương Linh, Cao Thích và Vương Chi Hoán, một hôm được mời đến dự yến ở Lê-viên ; nhạc-quan ở Lê-Viên cho gọi mấy ca-nữ đến thi-yến. Ba nhà thi-sĩ hứa với nhau sẽ đem dọ tài thơ trong dịp này. Vương Chi-Hoán nói với hai bạn : « Nếu mà tôi thua, thời từ nay đến hết đời, tôi không dám đua đòi với các bạn nữa ; ví bằng tôi thắng thì tôi sẽ ngồi trên giường để các bạn lay ná ! ». Rồi cuộc, Vương Chi Hoán thắng, bài thơ của ông sau đây :

DỊCH - ÂM

Hoàng hà viễn thượng bạch vân gian,
Nhất phiến cô thành vạn nhật san.
Khương dịch hà tu oán dương liễu.
Xuân phong bất độ Ngọc-môn quan.

DỊCH-NGHĨA

Nước sông Hoàng hà đằng xa tiếp giáp với tầng mây trắng.
Một mảnh thành hiu-quạnh trên ngọn núi cao muôn nhật (1).
Tiếng sáo khương-dịch (2) oán chi cây dương liễu ?
Gió Xuân sao không thổi tiếng sáo ấy đến cửa Ngọc môn (3)

CHÚ THÍCH (1) Nhận là một đơn vị đo chiều dài bằng 8 thước.

(2) Khương dịch tên một thứ sáo có 5 lỗ thê về đời Hán.

(3) Ngọc môn quan thuộc về tỉnh Cam Túc ngày nay.

THĂM-HIỀM KHÔNG-TRUNG

của HUY XƯƠNG

NỘI trong năm nay, Hoa-Kỳ sẽ phóng lên không-trung một hành-tinh nhân-tạo. Lần đầu tiên, một vật ở cõi trần sẽ thẳng nôi sức hút của trái đất và so với địa-cầu xinh-xắn của chúng ta, nó còn nhỏ hơn một hạt bụi, nhưng nó vẫn sẽ mang lại cho các nhà bác-học, không biết bao nhiêu tài liệu quý giá, về cái quang không bên ngoài làn không khí.

Đó sẽ là bước đầu của công-kuộc chinh phục không-gian. Nhân-loại cần phải chuẩn-bị tiếp đón sự thành-công đó, mới mong tránh được những sự đảo lộn về tinh-thần, cũng như vật-chất, có thể xảy ra.

I. - BƯỚC TIẾN CỦA NHÂN-LOẠI.

Một cuộc cách mạng đã bắt đầu ngày mùng 2 tháng 12 năm 1942, tại một phòng thí-nghiệm ở Chicago. Ở đó, lần đầu tiên, một chuỗi phân-ứng nguyên-tử đã do tay người gây ra. Chúng ta hãy còn gần cái ngày đó quá, nên chưa quan-niệm được rõ-rệt những ảnh-hưởng ghê-gớm của cuộc phát-minh ấy. Nhưng chúng ta đều đã thấy rõ là rồi đây nó sẽ thay-đổi hoàn-toàn cục-diện thế-giới, tuy rằng chưa ai dám đoán chắc sự đổi-thay ấy sẽ hữu-ích hay bất-lợi cho chúng ta. Chính nó sẽ lại là yếu-tố quyết-định cuộc thám-hiềm không-trung.

Hiện đã có những hỏa-tiến không-lò, đưa con người không những đến giới-hạn tận-cùng của không-khí, mà còn xa hơn nữa. Rồi sẽ chẳng bao lâu, những chiếc hỏa-tiến vô tuyến điều khiển sẽ lao mình lên cung trăng, đánh dấu bằng một vết lửa con đường mà nhân loại sẽ theo sau trong những hỏa tiễn cực lớn mà chúng ta tạm mệnh-danh cho là « vũ-trụ đình ».

Vậy bây giờ, thiết-tưởng không còn sớm sửa gì nữa mà không cấp tốc xét vấn đề, và xây-dựng ngay một triết-lý phù hợp với công cuộc vĩ đại ấy.

Trong những năm gần đây, chúng ta đã chứng-kiến một sự khủng-hoảng về tinh thần mỗi lần một sự phát minh quan-trọng đột nhiên đến với ta, trong khi thế-giới chưa được sửa-s soạn để đón nó. Nếu không hòng gỡ lại những lầm-lẫn đã qua, thời ít ra chúng ta cũng phải sáng suốt đề phòng đối với các cuộc phát-minh mới.

Quyền sở-hữu về quang không thời chỉ nay mai sẽ trở nên một vấn-đề gay go trong thực-tế. Nếu một nước A cho hành-tinh bay lên ngang qua quang không của một nước B, thời nước này tính sao ? Đã đành rằng quang không khí ngay trên địa-phận nước nào thuộc quyền nước đó chi-phối, nhưng không-phận ấy theo chiều cao, đến đâu là giới-hạn ? Tất nhiên cũng sẽ lại phải hạn chế như trong việc hạn-định hải-phận.

LÝ-TƯỞNG VÀ NGUYÊN-NHÂN

Những lý-tư tưởng xây dựng do cuộc thám-hiềm không-trung tuy rằng mới-mới, nhưng các nguyên-nhân và ước-vọng thời đã cũ kỹ bằng tuổi loài người. Đã có một thời, không xa đây mấy, những kẻ nói tới cuộc du-hành lên hành-tinh thường được người ta hỏi : « bằng cách nào ».

Tới nay, sức mạnh của hỏa-tiến đã được chứng minh rõ-ràng, câu hỏi « bằng cách nào » đã trở nên cũ kỹ, và được thay thế bằng một câu mới « Tại sao ? ». Câu này thực khó trả lời vì nó đụng chạm đến ngay những nguyên nhân sâu xa của nhân-loại.

Có kẻ thích làm bài hát, có kẻ suốt đời cặm cụi đề cổ ghi lấy vài nét sáng của buổi chiều tà, hoặc một hình-dáng của đám mây không bao giờ tái-hiện. Có kẻ ưa tìm-tìm, hoặc ở nơi rừng sâu hang thâm, luân-lạc khắp bốn phương trời, hoặc âm-thăm trong buồng làm việc.

Cái nhu cầu nó thúc bách ta phải thám hiềm, phải phát-minh, đó là một sự muốn hiểu biết sẵn có trong con người. Theo một triết-gia hiện-đại, tìm tòi chân-lý chỉ là một hình thức du-hí mà thôi. Nếu quả-thực như vậy, thời những chiếc « vũ-trụ đình » kia là những thứ đồ chơi ghê-gớm nó đưa người ta dờ dại cái sân chơi của con trẻ là trần gian này, để đến cái sân chơi xứng đáng với ước vọng của họ hơn, ở giữa đám tinh tú bao-la bát-ngát.

Dù sao sự tìm tòi kia sẽ có một ảnh-hưởng trên thực-tế. Thực vậy, khó lòng quan-niệm được một hành-tinh lại có thể mãi mãi làm nơi tồn tại cho một nền văn-minh luôn luôn tiến bộ. Hơn nữa, nếu ta chịu khó suy-xa một chút, sẽ thấy ngay cái ngày mà trái đất này cũng sẽ không dung chúng ta. Trong cuốn THE BIRTH AND DEATH OF THE SUN, nhà bác học George Gamow đã báo cho ta biết là đến thời kỳ cuối cùng của nó, mặt trời sẽ trở nên trầm luân sáng tỏ hơn bây giờ, và ông đã dự tính : tất nhiên nhân loại sẽ di-cư sang các hành tinh khác, trước khi nước biển của ta sôi lên dưới sức nóng kinh người đó.

II. - NĂNG-LỰC NGUYÊN-TỬ

Thực nghiệm đã cho ta rõ là những lời dự-đoán dù viên vông đến đâu, thường còn dưới tầm của sự thực. H.G. WELLS đã từng bị người đương thời mỉ

mia khi ông viết rằng một ngày kia, trước năm 1950, phi-cơ sẽ có thể ảnh-hưởng tới chiến tranh được. Có điều mà chính H.G. WELLS cũng không ngờ tới đó là chưa tới năm 1950, phi cơ không những đã làm chủ tình-thế nó lại còn bị cạnh tranh bởi những thứ khí-giới lợi hại gấp bội nữa.

Từ năm 1940 tới nay, những công-cuộc tìm tòi về hòa-tiến đã tiến-triển rất nhanh. Những kết quả lượng được đáng kể ta ghi chép.

Hiện thời Hoa Kỳ đứng hàng đầu các nước trong việc khám phá quang trường tầng không khí. Những hoà tiến đơn hoặc kép đã dần dà bay lên cao hàng ba bốn trăm cây số với sức mạnh kinh khủng, vượt quá 8.000 cây số một giờ. Cả những phi cơ có người điều khiển như chiếc Douglas Skyrocket chẳng hạn, nó đã chẳng từng vượt quá tốc độ 2000 cây số trong một giờ đó ư ?

Sự-kiện ấy đã làm nảy ra một ngành khoa-học mới, ngành « y-học không-trung », và không-quân Hoa-Kỳ đã lập ra hẳn một cơ-quan chuyên nghiên-cứu các vấn-đề này. Khi mà mọi nỗi khó-khăn đã được san bằng trong địa hạt mới mẻ ấy — mà tất nhiên nó sẽ phải được san bằng — thì những « vũ-trụ đình » sẽ có thể chờ người theo những con đường đã do các phi-đạn tự điều-khiển mở lối trước.

Nhưng nếu các « vũ trụ đình » chỉ dùng nhiên-liệu hóa-học, thì chúng nó vẫn là những khí-cụ khó xử-dụng, cực kỳ tốn kém, và mỗi chuyến đi sẽ phí tới hàng bao nhiêu nghìn tấn nhiên-liệu. Trong những điều kiện ấy, chắc chỉ có thể do một vài nước chế tạo nên, và chỉ có một giá-trị khoa-học thôi.

Vậy với nhiên-liệu hóa học, còn lâu lắm ta mới mong thực hiện cái mộng chiêm-cứu hoặc du-hành tại các hành-tinh, nhưng chúng ta còn năng lực nguyên-tử.

Trong địa-hạt thám hiểm không-trung, cũng như trong nhiều địa-hạt khác, nguyên-tử lực dành cho ta lắm sự bất ngờ. Theo nguyên-tắc, thời chỉ vài ki-lô uranium cũng đủ đưa một chiếc hòa-tiến nặng hàng ngàn tấn từ trái đất lên tới cung trăng và trở về. Trong thực-tế, đi đến kết quả ấy, còn phải rất lâu. Hiện nay, chỉ mới thấy có một giải pháp thuận-tiện là dùng một chiếc « pin » hoặc một chiếc phản-ứng-cơ (réacteur) hoàn-bị lợi dụng nguyên-tử-lực, mà phun một luồng khí nhẹ như hít-rô hoặc hélium ra, làm động-cơ. Giải pháp này cũng còn gặp nhiều khó khăn chuyên-môn, cản-trở sự thực-hiện. Một giải-pháp khác là chế-tạo ra những hòa-tiến chạy bằng i-on (fusée à ion), trong đó những phân-tử chứa điện sẽ được một điện-trường làm tăng gia tốc-độ và phóng ra như một luồng hơi, để đẩy hòa-tiến theo nguyên-tắc phản-lực. Điện-trường sẽ do nguyên-tử-lực tạo ra. Tiếc rằng nguyên-tắc này chỉ có thể thực hiện được ở khoảng chân không,

và lại nó chỉ có được một sức đẩy yếu ớt, không thắng nổi trọng-lượng của hòa-tiến khi còn ở tại mặt đất.

Như trên đã nói, riêng dùng nhiên-liệu hóa-học, khó lòng mang theo được đủ cho một cuộc du-hành khứ hồi đến hành-tinh khác. Các nhà bác-học liền nghĩ ra giải pháp sau đây: Biết rằng một vật, khi đã có một tốc-độ đủ lớn và bay khá cao để giảm bớt sức hút của trái đất, thì nó có một lúc sẽ đủ sức quay tròn xung-quanh trái đất như một hành-tinh mà không rớt xuống nữa. Lúc ấy, nó chỉ cứ việc xoay tròn, để chờ đợi tiếp lấy nhiên-liệu do các hòa-tiến-khác đưa lên, rồi nó lại vượt lên nấc nữa để rồi lại đợi v.v...

Thế là, ít ra trong nguyên-tắc, một sự khó-khăn quan-trọng đã vượt nổi, vì không có một lý-do gì ngăn cản ta không thể cho hòa-tiến tiến lên nhiều nấc như vậy để tới một độ cao khả dĩ dùng được hòa-tiến nguyên-tử hoặc hòa-tiến chạy bằng « i-on ». Nhờ đó, tất cả thái dương hệ đều có thể tới được, chứ không riêng gì một mặt trăng.

Theo nguyên-tắc này đi đến một hành-tinh khác, so với hành-trình lên cung trăng, cũng chỉ tốn thêm một số năng-lực vừa phải nữa thôi, nhưng lối chuyề-vận hà-tiến ấy tất nhiên yếu-ớt, và làm cho hòa-tiến biến thành một hành-tinh nhỏ xíu phải đi vòng quanh theo sự chuyề-vận trong hệ-thống mặt trời. Trái lại, nhờ năng-lực nguyên-tử dồi-dào, hòa-tiến có thể đi theo đường nào ngắn nhất, và như vậy, cuộc hành-trình chẳng hạn tới Hỏa-Tinh có thể từ 258 ngày rút xuống còn có vài tuần-lẽ.

Trong 25 năm cuối cùng của thế-kỷ thứ 20, tất nhiên con người sẽ chứng kiến những cuộc thám-hiềm hào-hưng nhất tự xưa tới nay. Trước năm 2.000, phần lớn các hành-tinh khác của thái dương hệ có lẽ sẽ đã được nhân-loại tới thăm. Còn việc khảo sát kỹ lưỡng, ít ra cũng phải thêm chừng hai thế kỷ nữa. Ai tưởng rằng thám hiểm cung trăng là đích tối hậu của bao cuộc sủa-soạn nói trên, nên nhớ lại là thái dương hệ gồm tám hành tinh chừng độ ba chục « mặt trăng » và vài ngàn hành tinh nhỏ xíu. Diện tích nguyên những hành-tinh chính cũng đã rộng gấp 250 lần diện tích địa cầu. Nếu loại trừ bốn hành tinh lớn nhất vì không có được một bề mặt khá vững chắc để cho hòa-tiến đậu xuống, số diện tích còn lại để thám hiểm cũng còn quá gấp mười lần diện tích đất liền trên địa cầu.

Đó là những công việc đang chờ chúng ta, nếu nền văn minh của loài người đã không vì những sự lầm lẫn mà xuy sụp ngay trong thời kỳ trưởng thành hiện nay. Đối với nhiều kẻ trong chúng ta, cái tương lai ấy thực là bao-la, man-mác và dễ làm nản chí. Nhưng ta nên nghĩ lại xưa kia, các đại-

đương mà ngày nay, bao kẻ yên ổn đi về bằng tàu biển hoặc bằng phi cơ, cũng đã từng là những thế-giới mệnh-mông vô-tận đối với ông cha ta, và cũng đã từng chứa đựng những bí mật kinh-khủng không kém những bí-mật, mà nhân-loại sẽ khám phá nay mai trên không trung. Cũng như con người đã vượt được sự bao-la hãi-hùng của biển cả, quãng không rộng-lớn kia cũng sẽ được ngự trị, và cũng sẽ lại trở nên tầm-thường đối với những thế-hệ mai sau.

Xưa kia, những nhà thám-hiềm khi bước chân ra đi, còn cố nhìn lại những nét mặt thân-yêu, vì biết rằng hàng bao năm trời đằng đẵng, họ sẽ hoàn toàn xa vắng cách biệt. Trái lại, con cháu ta sau này dù đi tới những hành tinh xa xôi, khi trái đất đã bị lấp đi trong hào quang của mặt trời và chính mặt trời cũng đã nhỏ tấp như một ngôi sao lóng-lánh, khi đó, chúng cũng vẫn nghe thấy tiếng nói của kẻ thân-yêu trên trái đất, và có thể chỉ trong vài giờ, là trả lời lại được.

III. — ẢNH-HƯỞNG

Ảnh-hưởng đối với khoa-học.— Bây giờ, ta hãy xét tới những ảnh-hưởng của cuộc hành trình liên-hành tinh trên cơ cấu tổ-chức và tư-tưởng của nhân-loại.

Ảnh-hưởng đầu tiên sẽ là sự đảo-lộn của tất cả các ngành khoa-học. Dưới đây chỉ xin phác ra một vài sự phát-minh có thể có được, khi ta đã lập xong những trạm khảo sát và nghiên-cứu trên các hành-tinh. Sự tiên-đoán này tất nhiên sẽ cực kỳ thiếu sót, vì rất nhiều sự phát-minh quan-trọng, ảnh hưởng đến cả sự sinh tồn của nhân loại, lại sẽ là sản phẩm của những ngành khoa học cực-kỳ mới mẻ hiện nay còn chưa xuất-hiện.

Làn không-khí trong-trẻo trên đầu chúng ta, thực ra, là một tấm màn dày đặc, ngăn cản tất cả mọi luồng quang tuyến tần số cao hơn tia tử ngoại. Ngay những quang-tuyến đủ sức chọc thủng màn đó mà tới chúng ta, cũng thường bị chệch đi rất nhiều, do đấy, hình-ảnh trong các ống viễn vọng kính thường bị rung chuyển không rõ.

Trái lại, một thiên-vân-đài trên mặt trăng chẳng hạn, sẽ chỉ cần những dụng-cụ nhỏ nhắn hơn, mà lại có được những kết-quả tốt đẹp gấp bội. Người ta có thể cùng những thứ kính có số bội-giác rất lớn, chụp hình tinh-tú rất lâu, mà ảnh vẫn rõ. Ngoài ra, sức hút của mặt trăng yếu-ớt, sẽ cho người ta xây dựng những chiếc kính viễn-vọng to lớn gấp bội những chiếc làm tại địa-cầu.

Về vật-lý-học cũng như hóa-học, những quãng chân không sẽ là địa-hạt khảo-cứu hoàn-toàn mới lạ. Thí dụ một nhà điện-tử-học, muốn thí-nghiệm những

đèn điện-tử lớn tới hàng nghìn thớ, cũng rất dễ-dàng, vì họ chỉ có việc lập nên hai điện-cực ở ngoài không là đủ, vì nơi họ ở đã là quãng chân không, hoàn toàn hơn cả trong những ống điện-tử ta làm trên trái đất.

Một khi ta đã thoát khỏi được vòng kiểm-tòa của trọng-lực, thời có lẽ chúng ta lại biết thêm được rất nhiều điều hay về trọng-lực nữa.

Những hành-tinh nhân-tạo sẽ có ích-lợi vô cùng, điều này đã được nói tới rất nhiều trong các báo, thiết-tưởng chẳng cần nhắc lại ở đây. Có chăng, chỉ xin kể đến vài điểm sau đây nó liên-hệ cả đến những người không chuyên-môn nữa: Trước hết, đó sẽ là những đài khi-tượng rất tốt, vì có thể bao quát cùng một lúc nửa trái đất, và sẽ nói trước một cách đích-xác, những sự chuyển hướng của các luồng bão táp, giông tố. Nó sẽ lại là nơi duy-nhất có thể truyền những luồng sóng vô-tuyến truyền-hình cho cả thế-giới cùng một lúc, mà không cần dùng đến nhiều đài và nhiều năng-lực.

Ảnh-hưởng đối với tư-tưởng nhân-loại.— Những kết-quả trực-tiếp trên đây có lẽ lại không quan-trọng bằng những kết-quả gián-tiếp. Thực vậy, trước kia, hệ-thống Copernic, lý-thuyết của Darwin, công-phu xét nghiệm của Freud, v.v... có đầu những kết-quả thực-tế trước-mắt, nhưng ai đã chối cãi được dấu vết sâu rộng của chúng trong hệ-thống tư-tưởng của loài người.

Công-cuộc thám-hiềm không-trung cũng vậy. Cái khung nhỏ hẹp cố-hữu, trong đó, ta đã quan-niệm ngoại-giới, nay đột nhiên bị phá vỡ, tầm con mắt mở rộng thêm, rất có thể do đấy bộc phát một sức sáng-tạo hơn cả những sự bộc phát từ cò chí kim. Căn cứ vào lời nói của nhà nhân-chủng-học J.D. UNWIN, thời trong lịch-sử nhân-loại, mỗi khi thấy có một biểu-hiệu của sức sáng-tạo, tất nhiên trước đấy cũng đã có dấu vết của một sức bành-trướng. Tuy bành-trướng và sáng-tạo là hai năng-lực riêng biệt, nhưng dĩ-vãng đã cho ta thấy rõ sức nọ đã do sức kia gây ra. Chính ông JAMES FRAZER cũng đã từng công-nhận là « sự tiến-bộ của tinh-thần trong địa-hạt mỹ-thuật, khoa-học, v.v... đã có một cái đà rất mạnh do việc chinh-phục và thành lập các đế-quốc gây nê ». Ngày nay, chỉ còn có sự chinh-phục không-gian là có thể thực-hiện được mà không đến nỗi hồ-thẹn với nền văn-minh nhân-loại. Nếu thiếu yếu-tố kích-thích ấy, rất có thể, vì lãn-quần trong phạm-vi nhỏ-hẹp của địa-cầu, mà óc sáng-tạo của con người sẽ nhụt đi hay ngưng lại.

Ta đã từng thấy có kẻ có trí óc thiển-cận, không quan-tâm đến một việc gì ở ngoài địa-hạt làng xóm hay tình-lý họ trú-ngụ. Phần đông chúng ta

không đến nỗi ở trong trạng-thái hẹp-hòi ấy, và đã có được những quan-niệm rộng-rãi hơn, đã đứng trên lập-trường thế-giới mà nhận-xét sự vật. Với sự chinh phục không-gian, mọi biến chuyển của tư-tưởng nhân-loại sẽ mở rộng phạm-vi và tiến nhanh vô cùng. Khi đó, những tư-tưởng quốc-gia quá khích sẽ trở nên hiền-nhiên lạc-hậu không sao tồn-tại được. Khi đó con người sẽ quan-niệm đứng-dân giá trị của thế-giới nhỏ hẹp là trái đất này, nó chỉ là một phần nhỏ bé lạc-long giữa các tinh tú, và không xứng-dáng với những sự tranh-giành, đổ-kỵ xảy ra giữa chúng ta.

Rất có thể các cường-quốc khi ấy lại quay ra tranh giành nhau những đất đai, mà phi-đỉnh của họ đã khám phá ra trên các hành tinh. Đã có một vài văn-sĩ Hoa-Kỳ cho rằng muốn tự-vệ, Hoa-Kỳ phải chiếm lấy mặt trăng, kéo nước khác sẽ lấy đó làm căn-cứ phóng hỏa-tiến nguyên-tử. Sự-khien đề-cập đến có phần lạ-lùng, nhưng nó đã báo-hiệu những nỗi nguy mà ta không có quyền lơ đi. Cuộc thi đua tranh giành các hành tinh khác chỉ có tránh nỗi, nếu, ngay trước khi thành-tựu được cuộc thám hiểm không-trung đầu tiên, các cường-quốc đã đi đến một thỏa-hiệp về mọi phương diện, chuyên môn cũng như chính-trị.

Cái thế-giới của mặt trời tuy bao-la bát-ngát, nhưng chắc đâu đã đủ rộng đối với tham-vọng của con người vốn dĩ là một loài hiếu chiến? Nhưng ta vẫn có quyền mong rằng những cuộc hành-trình vĩ-dại đó sẽ làm giảm bớt cái cảm giác bị kìm-hãm của nhân-loại, và làm dịu bớt sự căng-thẳng về tinh thần trong thế-giới hiện-dại.

Trong công cuộc làm dịu tình-hình ấy, số đất đai có thể ở được trên các hành-tinh sẽ là một yếu-tố quan-trọng. Ta khó lòng tin được rằng trước vài trăm năm nữa, đã có thể đi một số dân đông đảo lên đó, vì các nơi kia chưa chắc đã có những điều-kiện cần-thiết cho đời sống con người, để không đến nỗi phải luôn luôn trông nhờ vào những dụng cụ khoa học và cơ giới? Biết đâu kỹ-thuật tương-lai chẳng còn phải ra công biến những khu vực không phù-hợp với sự sống, thành nơi dung thân cho nhân-loại mai-hậu?

Ta lại không nên ngộ-nhận mà vội gọi những sự thành-công trong địa-hạt vật-chất vì sự tăng-gia hiểu biết về khoa-học là tiêu-bộ. Thực vậy, chiếm được cả cái vũ trụ bao-la kia có nghĩa gì, nếu nó không đưa lại cho ta khôn-ngoan và hạnh-phúc? Có chăng nó chỉ giải đáp được những câu hỏi của nhân loại tự ngàn xưa thôi.

Chúng ta thực chẳng khác gì những người ở trên một hòn đảo giữa đại dương, hàng ngày ta ngắm những đảo khác xa tấp tận chân trời. Có

chiếc giống đảo mình, có chiếc lại khác hẳn. Cũng một đôi khi thấy trên những đảo đó tuôn lên từng luồng khói, nhưng cũng chẳng rõ có tay người đốt lên chăng? Nếu những người ấy căn-cứ vào điều-kiện sinh-sống, vào cái mắt thấy tai nghe trên đảo mình mà viết những cuốn sách luận về các đảo mà họ chỉ mới trông thấy một cách mơ-hồ đó thôi, thời dù khám-phục tài ba của các tác giả đến đâu, ta cũng không khỏi nghi-ngờ, nếu họ không ít ra đời bỏ hòn đảo của họ để khám phá những đảo xa-xăm ấy.

Ta cũng vậy, đã cắt nghĩa sao được sự vật thâm-thẳm trong không-gian kia, khi còn chưa rõ sự-vật ấy nó ra thế nào?

Nhiều người chịu suy nghĩ đã từng tự hỏi; không biết có phải riêng nhân-loại là loài được tạo-hóa phú cho trí khôn chẳng? Hay là, rải-rác trong không trung, trên những hành-tinh kia, lại còn những hình-thức sống khác, tuy không cùng một trình-độ với ta?

Nếu câu đó được trả lời đích xác, thời nó sẽ rất cau hệ vì có thể ảnh hưởng trực tiếp ngay đến hệ-thống tư-tưởng và cả đạo-giáo của ta nữa.

Hồi năm 1942, tại Hoa-Kỳ, người ta đã khám phá ra rất nhiều hành-tinh, của bao nhiêu thái dương hệ khác nhau. Nguyên một giải ngân hà, trong có thái dương hệ của chúng ta, đã tính ra có tới hàng mấy ngàn triệu hành tinh khác. Như vậy mà quả quyết rằng chỉ trên địa cầu này mới có nỗi sự sống thời quả là quá ư táo bạo.

Có chăng, nội trong thái dương hệ của chúng ta khó mà gặp được một sinh-vật có trí giác, và có lẽ phải đợi khi tiếp xúc hệ thống các ngôi sao khác mới có được cái may-mắn ấy. Dầu sao, thời cái ngày ấy rồi ra cũng có lúc phải đến.

Nhiều tác-giả truyện tưởng-tượng, dưới chiêu bài khoa học, đã đánh lừa chúng ta, khi họ chuyên một mặt tả những cuộc chém giết kinh khủng giữa người ở địa cầu và những « người » thuộc các hành tinh khác.

Ông JAMES JEAN trong cuốn « The mysterious universe » đã cho ta một thí-dụ sau đây:

« Nếu thời gian kể từ khi sự sống có thể nảy-nở ra trong vũ-trụ, cho tới ngày nay, được ta tượng-trung bằng chiếc cột cao tới hàng ngàn thước, thời cái tuổi của trái đất không cao hơn chiếc thạch trụ của Cléopâtre, cái tuổi của loài người bằng bề dày một đồng xu, và tất cả thời kỳ văn-minh của nhân-loại tới nay không hơn bề dày một chiếc tem bưu-chính.

Như vậy, ta là một loài sinh sau, để muộn, hết sức non-nớt, đầu có quyền nghĩ đến những cuộc đo sức với những « kẻ » thuộc loài tối cổ, có một nền

văn-minh cao gấp triệu lần chúng ta ? Trừ phi khi nào lại gặp được một loại khác, với một cái «tuổi văn minh» cũng không hơn bẽ dầy một chiếc tem bưu-chính, mới có được những cuộc chiến-tranh như các nhà văn giàu tưởng-tượng đã tả. Điều ấy thực là khó, trong cái vũ-trụ mênh-mông kia, biết bao giờ gặp được một loài đồng trình-độ văn minh với ta ?

Nếu con người cả gan dùng hòa-tiến đư-chính-phục vũ-trụ, thời rất có thể họ sẽ được gặp những nền văn-minh tối-cao đó, và khi ấy, tất họ sẽ ngó-ngần không kém những dân man-rợ, đệt nhiên, trong bước đường xâm-lãng, đã đưa chiến-thuyền vào một hải cảng tối tân đồ sộ.

Có người sẽ lại lấy làm lạ, nếu thực có những con người tài giỏi như thế sao chưa bao giờ đến thăm chúng ta ?

Câu trả lời thực là giản-dị: Họ không có thì giờ khảo sát cận kề trái đất chúng ta ở.

Thực thế, dù rằng họ đã vượt được định-luật tốc-độ tối đa của ánh sáng do Einstein lập nên, dù rằng có được phương-pháp nhiệm mầu đi xa đến đâu và nhanh đến đâu cũng được, họ cũng vẫn không hơn gì người dạc trên bãi biển, dù có thừa thì giờ chạy suốt dọc bãi nhưng không có đủ thì giờ khảo sát từng hạt cát trên bãi vậy.

Có thể là những hạng siêu-nhân đó đang dùng các phi-dính cực kỳ lợi hại khảo sát và lập bản đồ VŨ TRỤ, nhưng riêng phần chúng ta, khó có được cái may mắn họ đến thăm trong khoảng thời gian ngắn ngủi của vài nghìn năm lịch sử nhân loại.

Biết đâu, trong một cơ-quan lưu-trữ tài-liệu không-lò nào đó của họ, đã chẳng có một bản báo-cáo tường-tận về hành-tinh chúng ta, với những bản địa-đồ rất cò nhưng còn nhận được hình thù minh đất chúng ta đang ở. Biết đâu bản báo-cáo đó đã chẳng kết-luận đại-khái như sau :

« Rất có thể trí khôn hiện đang sửa soạn xuất-hiện trên trái đất ấy, vậy đề-ngợi : mỗi triệu năm nên tạt qua đây khảo-sát một lần ... »

Tất cả người sẽ rùng mình, nghĩ đến những hạng siêu-nhân ấy đang tay lạnh lùng tiêu-diệt chúng ta, như khi ta phun DDT để giết ruồi muỗi vậy. Điều lo ấy không phải hoàn-toàn không có được, nhưng có lẽ quá viên-vong. Thực vậy, không lẽ sự tiến-bộ ghê gớm của loại siêu-nhân ấy chỉ ở riêng trong địa-hạt kỹ-thuật mà thôi ? Một nền văn-minh kỹ-thuật tốt đẹp, không kèm theo một nền văn-minh tự-trưởng, và một nền đạo-đức cao-siêu, há lại có thể tồn-tại được mà không gây ra sự tiêu-diệt của loài người ấy sao ?

Cũng có thể là điều ước-đoán trên đây làm, và những gì chúng ta cho là tự-trưởng tiến-bộ và nhân-đạo, thực không hẳn là chân lý, và biết đâu loại siêu-nhân đó chẳng đã có những lý-do xác-đáng riêng họ mới hiểu nòi, mà ta đây, với trí óc hẹp hòi, lầm cho là độc-ác ?

Dẫu sao, trong khi chưa có một chứng-cớ gì xác-thực, ta vẫn có quyền căn-cứ vào lịch-trình tiến-triển của nền văn-minh nhân-loại, mà ước-đoán rằng họ tất có một độ-lượng bao-dung và một lòng vị-tạ cực-kỳ rộng-rãi, xứng đáng với kỹ-thuật tốt vời của họ. »

Trên kia đã nói, nếu chỉ quanh quẩn trong giới-hạn của địa-cầu, thời sự hiểu biết của ta thực là hẹp-hòi : Trung-gian giữa ta và ngoại-giới là giác-quan, nhưng giác-quan kém-cỏi đã bao lần bị chi-trích ! Riêng trong địa-hạt quang-tuyến chẳng hạn, chúng ta vẫn chỉ nhìn thấy có một số rất nhỏ, còn thời biết bao nhiêu luồng quang-tuyến khác, từ những luồng sóng dài vài phần triệu của một ly đến những vũ-trụ tuyến bí-mật, chúng ta nào có nhìn thấy. Những hiện tượng ấy chỉ gần đây, nhân-loại mới phát-minh ra, vậy không rõ những năm sắp tới, còn cho ta biết thêm biết bao nhiêu quang-đường ngắn cách ta với ngoại-giới, mà hiện nay giác-quan kém-cỏi còn giấu-giếm chúng ta ?

Ta có quyền tin rằng những loài ở thế-giới khác có thể có những giác-quan, và một nền triết-lý khác hẳn chúng ta.

Như Platon đã nói, chúng ta thực không khác gì những tên tù bị xích trong hang đá, luôn luôn quay mặt vào bức vách ở đáy hang, và nhìn những hình dọi vào vách ấy-mà ước-đoán cái thế-giới bên ngoài. Chúng ta khó lòng thoát khỏi cái xiềng-xích vô cùng vững chắc là sự yếu đuối và không chính xác của giác-quan, nay nếu được tiếp xúc với những tên tù của hang khác, họ có những giác-quan khác với chúng ta, tức là đã được nhìn những hình khác của thế-giới bên ngoài, thời ta sẽ được biết thêm biết bao điều mới lạ.

Những dự-đoán trên đây, tuy đưa ta đi khá hơi xa, trong khi kỹ-thuật kém cỏi còn chôn chân chúng ta trên mặt địa-cầu, nhưng xét ra cần thiết đề hiểu rõ giá-trị của cái công-cuộc vĩ-dại mưu chiến-thắng trọng-lực, đề khỏi coi đó là một cuộc thám-hiêm tầm-thường. Nó lại chứng-tỏ sự hẹp-hòi của kẻ nào chỉ muốn coi cuộc viễn-hành ấy là bước đầu của một cuộc xâm-lãng, xây-dựng đế-quốc. Họ quên rằng đế-quốc sẵn có cái mầm tự hủy, và gây họa cho kẻ khác. Chỉ có một sự thỏa-hiệp chân-thành giữa mọi giống người, mới thực-sự bền vững.

Hiện nay, ít ra, ta cũng nắm chắc được một điều : nếu không có cản-trở bất ngờ, chỉ từ đây đến năm 2000, công-cuộc thám-hiềm hành-tinh sẽ cực-kỳ phồn-thịnh. Nhưng chưa thể nói đến việc khảo-sát chúng ngay được, vì công-cuộc ấy sẽ mất thêm đến vài trăm năm nữa. Tuy nhiên, con người muốn không hồ với truyền-thống của mình, sẽ không đợi đến lúc đó : ngay khi chiếc « vũ-trụ đình » đầu tiên hạ xuống một hành-tinh, như Pluton chẳng hạn, họ sẽ đã vội nghĩ ngay đến việc thám-hiềm các ngôi sao, xa-xôi gặp bội.

Đường xa giữa ta và các hành-tinh đã dài gấp triệu lần những quãng đường thông-thường trên trái đất, nói chi đến các vị sao, nó còn xa gấp triệu lần các hành-tinh nữa.

Những quãng đường ấy thực là dài kinh-khủng ; trên đường ấy, ánh sáng chuyển chậm hơn rùa, vì tự ngôi sao này đến ngôi sao khác, nó phải đi mất nhiều năm trời đặng-đặng ... Vì vậy, theo quan-niệm của giáo-sư BERNAL, chỉ còn có một cách là tạo nên những hành-tinh để con cháu ta sống trên đó, di phiêu-lưu hết kiếp này sang kiếp khác, trong quãng không-gian bất-ngạt.

Hình-ảnh một hạt bụi trong vũ-trụ, lang thang không biết đến bao giờ, đem theo hàng đám dân-cư, từ ngày này qua ngày khác, hết năm nọ đến năm kia, không hề được hưởng sự chuyển-tiếp của các mùa và cũng chẳng có cả ngày đêm nữa, thực là một cảnh-tượng kinh-khủng, mà ít ai dám muốn sống. Nhưng con người đã cả gan ra đi như thế, tất nhiên không có những quan-niệm tầm-thường như ta, vậy cũng khó lòng mà đoán trước được tâm-trạng của họ.

Chúng ta hiện đang đứng trước một sự cạnh-tranh gay go giữa các nhóm người trên trái đất. Ước vọng cao xa được thám-hiềm những thế-giới mịt-mù kia, thực đã đến đúng lúc để dần dần làm cho nhân-loại quên bớt những xung-khắc nhỏ-nhen nội bộ, mà cùng nhau hiệp lực vào công-cuộc vĩ-đại ấy. Hòa tiến nhờ đây, có lẽ sẽ không còn là phương-tiện phá-hoại nền văn minh nhân-loại nữa, mà trái lại, sẽ là phương pháp nhiệm mầu để cứu vãn văn-minh khỏi sụp đổ.

Tinh khí con người hay tranh-giành, thích chiếm-cứ, thời đã có cả một bầu trời rộng-rãi bao-la, cho họ thỏa lòng khao-khát.

Vậy tưởng cũng không nên chế cuộc thám - hiềm vũ - trụ này là một ảo-tưởng, một sự viên - vọng. Nhân loại tất sẽ tiếp-tục cái truyền - thống của ông cha, tiếp tục thực hiện những cơn mộng-ảo ; nhưng nếu việc làm khiến con người quên các mâu thuẫn tranh giành, trong nội-bộ, để đồng tâm hiệp lực trong những công-cuộc ngày một vĩ-đại hơn, ngày một lợi ích hơn thì đó mới là sự thành-công đẹp-đẽ nhất mà, hơn bao giờ hết, nhân-loại hiện đương cần đến.

(Viết theo bài của Arthur. C. Clarke)

THẢ TỬ

của ÂU-DƯƠNG-TU
Phá-Quân dịch

Tín-nghĩa là đề đối với người quân-tử. Hình-lục là dùng với kẻ tiều-nhân.

Phạt đến tử-hình, kẻ phạm phải là người đại-ác, tiều-nhân, đến cực-kỳ. Chết vì nghĩa còn hơn sống lén-lút, người quân-tử mới có cử-chi như vậy.

Năm Đường Thái-Tôn thứ sáu, vua yết-bàng tạm phóng-xá hơn ba trăm tù-tù, thả cho về quê ăn Tết, song đến hẹn phải tự quay lại để chịu tử-hình.

Như vậy, tức là lấy cái điều mà người quân-tử mới làm nổi, mà bắt kẻ thật tiều-nhân phải làm. Thế mà tất cả tội-phạm đến ngày xử, đều y hệt quay lại, để chịu chết. Nhà vua đều tha hết cả tội cho.

Đấy mới thật là điều người quân-tử cho là khó, thì kẻ tiều-nhân lại làm được rất dễ-dàng.

Tình-đời há vận thường như thế chẳng ?

Có người bảo : Người đại-ác, phạm đến tội tử-hình, thì đã đành thật là tiều-nhân rồi ; nhưng dùng ân-đức lớn đối với tiều-nhân, rất có thể biến chúng thành quân-tử ; ân-đức thấm nhuần rất sâu-xa, biến-đổi người rất nhanh-chóng, vẫn là điều thường thấy xưa nay.

Xin thưa : Vâng, vua Thái-Tôn làm việc ấy, chính là để mua lấy tiếng ân-đức mà thôi vậy. Vì biết đâu, thả tù tù, nhà vua lại chẳng biết trước, thế nào chúng cũng sẽ quay lại để xin miễn tội, cho nên mới chịu thả.

Vì, bết đầu bọn tù-nhân được thả, lại không biết quay lại tất sẽ được tha, cho nên mới chịu quay về.

Như vậy, biết chúng sẽ quay lại, mới thả, tức là tình người trên đối kẻ dưới; biết mình quay lại sẽ được tha, mới trở về, tức là lòng kẻ dưới lừa người trên.

Tình trên dưới đối với nhau giả-đối như vậy, để mua lấy cái hư-danh, sao có thể bảo là thi ân-đức với biết tín-nghĩa, cho được dư !

Nếu bảo nói thế là không phải, thì từ ngày lên ngôi cho đến nay, vua Thái-Tôn thì ân-đức với thiên-hạ, đã được sáu năm rồi; sáu năm ân-đức còn chẳng khiến cho kẻ tiểu-nhân không làm điều đại-ác, không phạm đại-tội, mà nay bảo ân-đức trong một ngày, đã khiến cho những kẻ ấy, coi chết như không hề gì trồn tính-nghĩa, thì bản như thế lại càng không thông.

Trừ ra, thả ra rồi xử-tử những kẻ đúng hện quay về; lại thả nửa mà vẫn có kẻ còn quay về nữa, ấy thế mới có thể nói ân-đức của nhà vua đã cảm-hóa người đến tột-bực, và như vậy còn có gì đáng cho ta bàn-luận nữa làm chi.

Nhưng dù sao, sự thả tù mà lại thấy về để tha cho, chỉ là việc làm được có một lần; vì nếu làm luôn luôn như vậy, thì kẻ giết người đều thoát-tội, phép thường của nước, đâu có thể thế được ru?

Cho nên xưa vua Nghiêu-Thuần trị-dân, tất lấy tình-đời làm căn-bản, chẳng lập đi để làm cao, chẳng trái đời để lấy tiếng; thiên-hạ bình-yên thịnh-trị biệt là bao.

GIỚI-THIỆU SÁCH MỚI

Bản báo mới nhận được :

1) «LỊCH HỌC SINH» do ông Cao-văn-Thái giáo-học, biên-soạn. Sách dày 126 trang, giá 15\$, là cuốn lịch nhỏ tóm-tắt những phương-pháp rèn-luyện trí, đức, thể-dục cho học-sinh.

2) «DƯỚI MÁI HỌC ĐƯỜNG» cũng do ông Cao-văn-Thái viết phỏng theo cuốn tiểu-thuyết «Tâm-hồn cao-hượng» (Grands Coeurs) của nhà văn De Amicis. Sách dày 190 trang, giá bán 40\$.

Hai cuốn trên đây đều do nhà Thanh-Đạm (481, đường Lê-văn-Duyệt, Saigon xuất-bản.

Ngoài ra, bản báo được tin nhà xuất-bản Plon ở Ba-Lê (Pháp) vừa cho phát-hành một cuốn tâm-lý và xã-hội tiểu-thuyết nhan đề «Nam et Sylvie» do ông Nam-Kim viết bằng tiếng Pháp, với một lời văn tế-nhị, trong sáng và nhẹ nhàng. Cuốn sách này đã được giải thưởng văn-chương Louis Barthou do Viện Hàn-Lâm Pháp ban tặng hồi tháng 4 dương lịch năm nay.

Ông Nam-Kim là một nhà văn đã nổi tiếng, hiện nay giữ trọng trách trong ngành Ngoại-giao.

KHÔNG - TỬ

DƯỚI CON MẮT CÁC NHÀ TÂN-HỌC TRUNG-QUỐC
của Á-Nam TRẦN-TUẤN-KHẢI

KHÔNG-TỬ BẠC SƯ - BIỂU MUÔN ĐỜI (I)

Đức Không-Tử, được người ta xưng là chí thánh tiên-sư, vạn thế sư-biêu, nguyên là một thánh-nhân ở thời đại cuối nhà Châu tức là một vị lão tổ-tôn trong nền học-thuyết tư-tướng từ hơn hai ngàn năm về trước. Ngài sanh vào năm thứ 22 đời vua Tương-công nước Lỗ, giữa ngày 27 tháng 8, trước kỷ-nguyên Dân-quốc 2.463 năm, ở làng Xương-bạch, trong ấp Xu, thuộc về nước Lỗ, (hiện nay là huyện Khúc-phụ, thuộc tỉnh Sơn-dông). Cái danh hiệu của Ngài, có lẽ đã in sâu vào chất óc mọi người ở các tầng lớp trong nước Trung-quốc và cả đến các giới hời có học thức trên các nước trong khắp hoàn-cầu, cũng không mấy ai là không hiểu biết danh hiệu một bậc vĩ-dại nhân-vật ấy.

Tên hiệu của Ngài.— Không-Tử tên là Khâu, tự là Trọng-Ny. Cứ theo lời truyền lại thì, khi ngài sanh ra trên đời có đặc điếm là bộ xương đầu vuông cao xung quanh phía giữa trũng xuống, giống như cái gò bằng đất, cho nên lấy chữ Khâu là cái gò đất để đặt tên cho Ngài. Còn tên tự Trọng-Ny là do ông phụ-thân của Ngài là Thúc-Lương-Ngột thoát tiên lấy một người họ Thi là vợ, sanh luôn 9 người con đều là gái cả; kế sau lấy một bà khác, sanh được một con trai, đặt tên là Mạnh-Bì tức là anh ruột Không-Tử. Chỉ vì Mạnh-Bì có tật bị què, nên Thúc-Lương-Ngột bắt buộc phải lấy một người vợ nữa là người con gái họ Nhan làm vợ thứ ba. Vợ chồng lấy nhau một thời gian lâu cũng không sanh nở, Thúc Lương Ngột nóng lòng sốt dạ, phải đưa bà vợ ba đến cầu-đạo ở một ngôi miếu tại Ny-son, để mong quý thần phù-hộ cho chóng có con. Sau đó ít lâu, bà Nhan-thị sanh được Không-Tử, và cũng vì Thúc-Lương-Ngột muốn kỷ-niệm thần miếu Ny-son nên lấy chữ Ny mà đặt tên tự cho Không-Tử. Còn chữ «Trọng» là do ba chữ «mạnh, trọng, quý» (thứ nhất, thứ nhì, thứ ba) và Không-tử là người con thứ hai, nên mới lột tên bằng chữ Trọng. Còn hai chữ Không-Tử thì chữ Không đã đành là tên họ, nhưng chữ Tử là có nghĩa tôn-trọng những người học-thức vào bậc là thầy, do bọn học-trò về sau tôn-kính đặt ra, cũng ví như Mạnh-Tử, Châu-Tử, Mặc-Tử v.v...

(1) Từ đầu đề cho đến cả bài, đều rút tài liệu ở đoạn văn viết lời Bạch-Thoại của bọn Du-lãng là những nhà tân-học trừ danh của Trung-Quốc hiện thời. Đã in trong cuốn Lịch-dại Trung-quốc Danh-nhân cổ-sự.

Như lời đã thuật ở trên thì đủ thấy là khi Không-Tử sinh ra, tất nhiên phụ-thân phải là cao tuổi, vì thế không được bao năm, phụ-thân đã tạ-thế rồi. Không-Tử nhờ bà Nhan-thị nuôi dưỡng dạy dỗ ngay từ thuở nhỏ cho tới trưởng-thành. Thúc-Lương-Ngột nguyên trước là vị võ-quan cho nên khi tạ-thế đi rồi, gia-cảnh rất là nghèo khổ. Nhưng nhờ được bà mẹ rất có hiền-dức chăm chỉ tảo-tân, thì chồng dạy con, không một điều gì khiếm-khuyết. Bởi thế, Không-Tử được trở nên một bậc đạo-học hơn người, dù ai cũng phải công-nhận đó là kết-quả của sự giáo-dục gia-đình mà ít ai theo kịp vậy.

Tuổi trẻ thông-minh.— Khi lên 6, Không-Tử thường chơi với các trẻ hàng xóm; nhưng riêng tính Ngài thích bày đặt những thứ trở đầu (cái dài đặt rượu thờ và cái giá cắm nến thờ) học sự tế lễ, khác hẳn các trẻ thường. Về sự sanh hoạt trong vòng tuổi trẻ của Không-Tử thế nào, nay khó có căn-cứ nói rõ tinh-tế, song chỉ hiểu là khi Ngài còn nhỏ, tính rất hiếu-học, và hằng hái rèn luyện tâm thân; bất cứ lúc nào, nếu thấy ai có điều gì hay giỏi thì tất theo đòi học tập cho kỹ tấn tới thêm lên; ai có điều gì làm lỗi thì lại tự mình suy xét tìm tòi, nếu phạm điều nào hơi giống thì tất thay đi ngay. Từ năm 15 tuổi trở đi, ngài lại càng gia công học tập, không chút nghỉ ngơi. Có khi suốt ngày không kịp ăn cơm và có khi cả đêm không hề chớp mắt. Đó đều là những điều cần-cù triệt để, người đời ít ai theo kịp.

Tánh cách cao-thượng.— Không-Tử không những là một người khờ công học lập, mà lại là người nhân-nại trinh-kiên, dù ai cũng phải khâm-phục. Ngài thường nói với mọi người rằng: « Ta ăn cơm, chỉ cần một chút rau, một ít nước lã, cũng đã tốt rồi... Khi ta ngủ, nếu không có gối, chỉ dùng hai tay làm gối cũng thấy khoái hoạt dễ chịu... Những việc không chánh đáng mà được giàu sang, ta đây chỉ coi như là mây nổi... » Qua mấy câu đó, cũng đủ thấy cái tánh cách cao-thượng của một vị vạn-thế sư-biêu, thực đáng cho người đời kính phục vô cùng.

Cảnh thanh-bần trong lúc thiếu-niên.— Ngay từ thuở nhỏ, Không-Tử đã là một thiếu-niên nếm đủ mọi mùi tân khổ. Đến năm 19 tuổi, mới lấy người con gái một nhà quan ở nước Tống về làm vợ, rồi đến năm sau sanh một người con trai, đặt tên là Lý, tự là Bá-Ngư. Rồi đến năm 24 tuổi, thì mẫu-thân là bà Nhan-thị tạ-thế. Từ đó, ngài càng bần bách thiếu thốn, không đủ tiền tài ăn học, bất đắc dĩ ngài phải ra làm một viên quan nhỏ coi kho coi vườn, và đồng thời cũng nhận chức lại nhỏ trông coi về việc chăn nuôi trâu dê. Đối với chức vụ đó, giá phải người khác đã cho là tầm thường không thiết để ý phục vụ, nhưng trái lại, Không-Tử lại lấy làm vui vẻ cô-vô, hết lòng trung-thành với chức-vụ.

Học lấy để thành công.— Không-Tử đối với những bậc đã khuất như là Nghiêu-Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ và Châu-Công, trong lòng rất là hâm mộ. Đối với những người đồng thời, ta thấy Không-Tử hỏi việc quan ở Đàm-tử, hỏi việc nhạc ở Trần-Hoảng, hỏi đờn ở Sư Trương, nhưng thực ra, không có một ông thầy nào để học nhất định. Bởi thế ta có thể nói là Không-Tử tự học lấy mà được thành công.

Sự dạy dỗ của ngài.— Không-Tử đối với trẻ thân đã đành là chăm chỉ hơn người, mà đến việc dạy bảo học trò ngài lại càng chăm cùi hết sức. Số học trò theo học tất cả tới 3.000 người, và được 73 người là có thành công rực rỡ. Phương pháp dạy người, ngài lấy « Nhân, trí và dũng » là ba điều chủ đích. Ngài chủ trương dạy cho học trò đều hiểu cái nghĩa đại-dồng, lấy thiên-hạ là công, khiến cho già có nơi nương tựa, lớn có công việc làm, trẻ có cách để nuôi và phải coi người như mình vậy.

Làm tướng nước Lỗ.— Quyền thần nước Lỗ là Dương-Hóa nghe biết tài học của Không-tử đã có ý muốn mời ra để dùng; nhưng Không-tử nhất định không chịu nhận lời. Mãi sau, Dương-Hóa bị mất chánh-quyền, vua Định-công nước Lỗ mới triệu Ngài ra là quan tể ở ấp Trung-đô. Ngài làm việc một năm, thì trong nước thịnh trị, nhân dân đều được yên vui. Được ít lâu, thăng chức Tư-không, rồi thăng lên làm Đại-tư-khẩu, sửa sang các việc chánh-trị trong nước, đầu đầy ngăn nắp chững chàng. Kết quả chỉ trong ít lâu, nước Lỗ đã được thịnh trị thậm chí đi đường không ai lượm nhặt của rơi; đêm đến, không phải đóng cửa, cũng không hề xây ra trộm cắp. Rồi sang năm 56 tuổi, ngài được kiêm nhiếp tướng-vụ. Nhân đó, nước Tề là láng giềng của Lỗ, thấy nước Lỗ ngày càng thịnh trị thì đem lòng lo ngại, liền lập kế mời hội họp ở đất Giáp-cốc, định dùng binh-lực uy hiếp vua Lỗ. Trong khi hội họp, Không-tử cũng đi theo. Nhân thấy vua Tề đem theo quân lực khá đông, biết là có ý bắt trặc, bèn dùng những lý-lẽ chánh đáng tranh luận kịch liệt với vua tể nước Tề. Kết quả, vua tể nước Tề khiếp phục thanh nghĩa, ai nấy ngưng ngưng bên lên, triệt thoái binh lực, và trả lại các đất đã xâm chiếm của nước Lỗ từ trước. Nước Tề vì thất bại trong trường ngoại-giao, viên tướng Tề là Án-tử bèn bàn kế với vua Tề dùng kế « mi-nhân », kén đám gái đẹp ở dân gian, luyện tập các nghề múa hát, và đem dâng cho vua Lỗ, để làm mê hoặc tâm thần. Không ngờ vua Lỗ mắc mưu phản gián, thâu nhận bọn mi-nữ, rồi ngày đêm say đắm vui chơi, luôn ba ngày không ra coi đến triều chánh. Không-tử thấy thế, biết là vua Lỗ đã trở nên con người vô dụng, liền bỏ Lỗ mà đi sang nước khác.

13 năm chu-du liệt-quốc.— Không-tử từ giã nước Lỗ, quay sang nước Vệ thấy Vệ Linh-công cũng hư hỏng hoang-toàng, bèn đi ngay sang Tống. Tới nước Tống, bỗng gặp truyện không may, xuýt bị một bọn hiền lầm toan thì hành thủ

THANH-NIÊN

(Nguyên văn bạch-thoại của Tùng phong)

Trọng-VI BÙI-LƯƠNG dịch

Các bạn chúng ta là thanh niên, tôi tin rằng; hết thầy thanh niên trên thế giới, đều có một chí hướng giống nhau là, chí hướng đi tới chỗ sáng sủa. Cái chí hướng ấy, không phải vì phương diện hình thức hoặc phương diện sinh hoạt của chúng ta không giống nhau, mà có khác nhau đâu.

Thanh niên là người sáng tạo ra quang minh cũng là người đòi hỏi quang minh, lại là người gìn giữ quang minh.

Chúng ta đều có một bầu máu nóng như lửa, một ý chí cứng tựa thép, một lòng mạnh dạn kiên quyết của người chiến sĩ trên chiến trường; vậy chúng ta hãy nắm chắc những điểm ấy mà thẳng tiến đến cõi quang minh.

Đối với hai vật đen và trắng, chúng ta có thể dùng bản năng trực-giác mà nhận thức rõ ràng; đến như hiện tượng xã hội sáng sủa hay tối đen, thì chúng ta không thể bằng ở trực giác mà đoán định được, chỉ có thể dùng lý-trí của ta để nhận xét mà thôi.

Giả như chúng ta không nghiên cứu kỹ lưỡng phương diện học hỏi, tức thì là người không có học, thì đối với hiện tượng ngũ sắc chói lòa của xã-hội không biết đâu vừa phân biệt những cái tốt với cái xấu. Nói một cách khác là: nay chúng ta muốn hiểu rõ những cái sáng sủa với những cái tối đen của xã hội, thì cần phải có cái lý trí đầy đủ, muốn cái lý trí đầy đủ, thì trước hết phải có cái học-vấn tương đương.

Trang tử nói: «Ngô sinh giả hữu nhai nhi tri giả vô nhai»; Đời sống của chúng ta thì có «bờ bến» mà cái biết thì không có «bờ bến» nào». Đó là nói phân trí thức thì vô cùng tận. Như sách Tứ khố toàn thư (2) hoặc bộ Bách khoa thư (3), cứ mỗi một mục, thậm chí mỗi một câu đều thuộc về một môn học riêng. Vậy thì đem cái đời sống có «bờ bến» của chúng ta, làm thế nào mà học hết được những loại sách ấy. Có thể nào chúng ta đem những sách Tứ khố hay Bách khoa, hết thầy thu-thập vào óc ta được chăng?

(1) Trích dịch trong tạp chí «Sinh-động chu bảo»

(2) Một thư quán to nhất Tàu, dựng từ đời Kiến long nhà Thanh (1736 d.l.) chứa hơn 16 vạn 8 nghìn quyển sách, hơn 10 năm mới lập thành.

(3) Một pho sách bao gồm cả các ngành học vấn, chia môn loại phân minh.

đoạn ám-sát, ngài lại phải sang nước Trần. Tới Trần, lại bị người ở đất Khuông tường làm là Dương-Hồ, nên bỏ vây toan bắt để giết. Cũng may, bọn kia có người nhận biết, nên ngài lại được thoát nạn, và phải bỏ Trần mà đi sang nước Xáí. Khi vào nước Xáí, lại bị tuyết lương mất 7 ngày, không có chút gì để ăn. Rồi đó lần lữa quanh quẩn trong 13 năm giờ đi hết nước nọ nước kia, mà kết cục vẫn không có ai biết dùng, để thi hành đạo học. Bất đắc dĩ ngài phải quay về nước Lỗ sửa soạn sách vở để dạy dỗ người sau.

Sửa soạn các kinh sách.— Lần này bắt đầu về tới nước Lỗ, ngài đóng cửa soạn lại các pho kinh Thi, kinh Thư, kinh Lễ, kinh Nhạc, làm lại kinh Dịch và viết ra cuốn kinh Xuân-thâu. Kinh Xuân-thâu là mượn truyện trong sử nước Lỗ tả cảnh hỗn loạn của xã-hội trong lúc bấy giờ, và cho là chỉ vì «Danh bất chính» cho nên xảy ra nhiều điều hỗn-độn không yên. Sau khi làm xong kinh Xuân-thu, Khổng Tử đã tự nói ra: «Biết ta ấy, có lẽ ở kinh Xuân-thu chăng? Chê trách ta ấy, có lẽ chỉ ở kinh Xuân-thu chăng?» Xem đó, đủ biết Xuân-thu có ảnh-hưởng với thiên-hạ đời sau không phải là nhỏ. Và cũng vì thế nên sau này thầy Mạnh là một nhà thâm hiểu đạo học Khổng-Tử, phải luôn luôn thán phục cái công nghiệp vĩ đại của kinh Xuân-thu, mà nói rằng: «Khổng-Tử làm xong kinh Xuân-thu, mà loạn thần tặc tử e sợ»

Tuổi già gặp bước không may.— Năm thứ mười 13 đời vua Ai-công nước Lỗ, Khổng-tử đã 70 tuổi, không may có người con lớn là Bá-Ngư bị ốm và mất đi. Bấy giờ, Bá-Ngư mới 50 tuổi, cứ kể cũng không phải là yếu, nhưng đối với Khổng-tử, trong lúc tuổi già gặp sự không may như thế tránh sao cho khỏi đau buồn. Lại thêm có người học trò giỏi nhất là Nhan-uyên cũng bị bệnh mà chết, ngài lại càng lấy làm đau khổ, và phải than rằng: «Trời giết ta! Trời giết ta!» Kể luôn hỏi đó, người nước Lỗ đi săn lại bắn chết một con Lân. Theo tư-tưởng bác-học của Khổng-tử thì con Kì-lân là một giống thú rất có tính tình nhân đức, và mỗi khi giống đó xuất hiện ra đời, tất là phải có một bậc thánh-nhân xuất-thế. Ngày nay, con Lân vừa mới thò ra đã bị người thường vây bắt làm cho đến chết đó tức là một điềm không hay cho thế-giới hiện-thời, và ngài tin rằng đạo học của ngài không thể nào thực hiện trong khoảng đời sống của ngài. Bao nhiêu phần uất ròn-rập đưa tới, khiến ngài càng thêm ủ rũ hao mòn, dần dần sinh ra đau yếu. Rồi cách mấy năm sau, giữa năm ngài được 73 tuổi, về buổi mùa xuân, ngài ốm yếu luôn trong 7 ngày rồi từ trần.

Khi ngài tạ thế, các học sanh thầy đều khóc than mẫn tiết. Cách một năm sau, vua Ai-công nước Lỗ lập đền kỷ-niệm ngài ngay chính nơi nhà cũ của Ngài, và sai người ở luôn để trông nom coi giữ. Mộ ngài hiện nay ở huyện Khúc-phụ trong tỉnh Sơn-đông.

Câu « Nhất vật bất tri, nhô giả chi si » « một sự vật không biết, là sự xấu hổ của nhà nhô » thường đề khích khuyến những người hiếu học, chính là không hoàn toàn hợp lý vậy.

Một cá nhân sinh tồn ở trên thế-giới có hai phần trách nhiệm trọng yếu : một là phần trách nhiệm đối với bản thân, hai là phần trách nhiệm đối với nước nhà, xã hội; mà hai phần ấy đều có liên quan với nhau, vì không có cá nhân, tức là không có nước nhà mà không có nước nhà, cũng tức là không có cá nhân. Bởi thế, chúng ta phải bắt đầu trau dồi từ cá nhân trước.

Sách Đại học có câu : « *Thân tu nhi hậu gia tề, gia tề nhi hậu quốc trị, quốc trị nhi hậu thiên hạ bình* » : Bản thân có tiến hóa, rồi sau nhà mới có trật tự, nhà có trật tự, rồi sau nước mới có giương mối, nước có giương mối, rồi sau thiên hạ mới hòa bình » Câu ấy rất là hợp lý. Thực vậy, trước hết chúng ta hãy phụ trách các nhiệm vụ cá nhân của chúng ta đã, từ việc sửa mình trước, rồi mới đến việc xếp đặt trong nhà. Sau khi đã làm cho nhà chúng ta có trật tự rồi, tiến dần lên, chúng ta mới có thể dùng tâm lực làm cho nước có giương mối, cho thiên hạ được hòa bình, vì nhà với nước đều có quan hệ liên đới với nhau.

Có một số người hiểu lầm cho việc trị quốc là công việc của những công-chức hành-chánh trong chánh-phủ, không có liên-quan gì với bọn bình-dân chúng ta, nghĩ thế là sai.

Sở dĩ gọi là nước là một khối của nhân-dân toàn quốc chung nhau lập nên. Gọi là pháp luật, là những mô khế ước của nhân dân toàn quốc đã ước-định. Chánh-phủ là một cơ cấu của toàn dân dựng lên, để chấp hành những khế ước công đồng.

Người Âu có câu : « Loài người là một giống động-vật của chánh-trị ». Tôn Dật Tiên có câu : « Chánh trị chúng nhân đích sự. Trị thị quản lý chúng nhân đích sự, tự thị chánh-trị ». Nghĩa là : « Chánh là việc của dân chúng. Trị là việc trông nom săn sóc dân chúng. Thế tức thị là chánh-trị ».

Xem thế thì còn có thể nói được rằng : chánh-trị không liên-quan với chúng ta chăng ? Thực ra, đời sống còn của chúng ta không thể khỏi chánh-trị được. Vậy chúng ta tất phải nhận định biết rõ phương-diện chánh-trị, cũng tức là một lối nhận rõ để phân biệt cái sáng sủa với cái tối đen. Tức như đảng Cộng-Sản, chúng chỉ cốt đạt được cái mục đích riêng, nên không ngần-ngại dùng mọi thủ-đoạn ty-ô, ngụy tạo ra thứ « chánh-trị dân chủ hóa », hy-vọng làm thế để dẫn dụ lớp thanh niên ngờ-nghech, lơ không cần thận thì mắc vào tay chúng. Một khi đã ở dưới thế lực của chúng, thì mọi thứ tự-đo của các bạn, liền bị tiêu tán hết. Vì thế nên bạn thanh niên chúng ta, đối với xã-hội hiện thời, bất luận là làm một việc gì, tất phải vận dụng lý-trí mà nhận định cho sáng suốt. Mỗi khi chúng ta đứng trước một việc mà ta còn hoài-nghi, đó là chúng ta còn thiếu lý-trí, là chúng ta còn phải học hỏi.

Á-ĐÔNG TƯ-TƯỞNG

Những kẻ ở cảnh hèn lại ghét khó nhọc, ở cảnh nghèo lại ghét khổn cùng, ở cảnh hoạn nạn lại ghét nhục nhã, đều tự gây lấy tai vạ vào thân.

Theo lẽ thường trong thiên hạ, cảnh hèn không hạn với khó nhọc mà khó nhọc tự đến ; cảnh nghèo không hạn với khổn cùng mà khổn cùng tự đến ; cảnh hoạn nạn không hạn với nhục nhã mà nhục nhã tự đến. Thế mà mình lại muốn lia bỏ những điều không thể lia bỏ được, thì chỉ tự chuốc lấy tai vạ.

Người quân-tử coi khó nhọc là sự thường của cảnh hèn, cùng khổn là sự thường của cảnh nghèo, nhục nhã là sự thường của cảnh hoạn nạn. Những kẻ trên kia sờ-dĩ đâm đầu vào tai nạn, chỉ vì không biết xử cảnh thường đó thôi.

Nếu họ biết tự xử khó nhọc, thì ở cảnh hèn cũng được yên phận ; tự xử khổn cùng thì ở cảnh nghèo cũng được yên thân, tự xử nhục nhã thì ở cảnh hoạn nạn cũng được an toàn.

Theo tâm lý người đời, trong cảnh khổn ách, không gì bất bình bằng bị người lăng áp. Cho nên mới thường ngờ người lăng áp mình.

Vì thế mới thấy rằng :

Đương khi giàu sang, người ta tôn kính ta không phải là họ tôn kính ta đâu, chỉ là tôn trọng những kẻ giàu sang đó thôi.

Đương khi nghèo hèn, người ta lăng áp ta, không phải họ chủ tâm lăng áp ta đâu mà chỉ là lăng áp một kẻ nghèo hèn đó thôi. Làm sao lại hiểu được như vậy ?

Ví dụ, trước kia ta sang giàu rồi sau lại bị nghèo hèn, ta với ta vẫn là một. Nhưng, ít nhiều kẻ tôn-trọng ta ngày trước, thấy đã đổi thái độ với ta rất nhiều.

Thấy họ lăng áp ta, thì ta hãy thử nghĩ lại những kẻ tôn trọng ta ngày trước có thực lòng tôn trọng chăng ?

Lại như khi trước ta còn nghèo hèn rồi sau mới trở nên sang giàu, thì những kẻ lăng áp ta ngày trước, hiện nay thấy họ tôn trọng ta. Ta nghĩ lại những kẻ lăng áp ta khi trước có phải thực tình muốn lăng áp ta chăng ?

Thực ra, họ chỉ lăng áp sự nghèo hèn đó thôi, vậy sao ta lại giận ?

Tâm là tâm của ta, cốt làm việc cho nhà, cho nước, có rồi dầu mà mừng những kẻ giúp người giàu sang, và giận những kẻ khinh người nghèo hèn đó ru ?

II — Xem người thì sáng, xem mình thì tối ; ấy là thói chung của mọi người.

Trông rõ từng mây may nhỏ bé, mà không trông thấy lông mày của mình ; cất nổi sức nặng nghìn cân, mà không thể cắp nổi được bản thân của mình, nghĩ cũng kỳ thật.

Người ta đều biết rằng : mình xem mình thì khó mà không biết rằng người ngoài xem mình thì dễ. Nhận điều thiện của người, mà trông thấy điều ác của mình, thì còn gì sáng suốt hơn nữa ?

Bằng-Vân NGUYỄN-TRỌNG-HÀN lược dịch
(Tài-liệu rút trong Đông-lai Bắc-Nghị)



A — TIN TRONG NƯỚC

I. — HOẠT-ĐỘNG CỦA BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC

I — DIỄN-THUYẾT VỀ VĂN-HOÁ

Chiều ngày 18. 6. 1957, Nha Văn-hoá Bộ Quốc-gia Giáo-dục tổ-chức tại trường Cao-Đẳng Sư-Phạm, « buổi khai-mạc các cuộc diễn-thuyết văn-hoá, » dưới quyền chủ-toạ của ông Nguyễn-Dương-Đôn, Bộ-Trưởng Quốc-gia Giáo-dục.

Chương-trình nghị sự gồm có :

— Chào cờ, và suy-tôn Tổng-Thống.

— Lời cảm ơn của Nha Văn-hoá,

— Lời giới-thiệu diễn-giã,

— Cuộc diễn-thuyết của giáo sư Hà-như-Chi, Dân-biểu Quốc-hội về vấn đề: « Nhìn lại một thời lãng-mạn trong thi-ca Việt-nam. »

Thính-giã rất đông; bài diễn-thuyết được nhiệt-liệt hoan-ngênh. Bản báo sẽ đăng nguyên-văn bài ấy, trong Văn-hoá nguyệt-san, số sau.

2— CẤM NHẢY LỚP HAY HỌC ĐỒN CHƯƠNG TRÌNH

Bộ Quốc-gia Giáo-dục thông-cáo rằng : từ nay, Bộ sẽ buộc lòng cho đóng cửa những trường tư nào còn để học-sinh nhảy lớp, hay học đôn hai năm thành một, vì như thế là phạm luật-lệ hiện-hành, và gieo hại cho học-sinh.

3.— BÀI BỎ NHỮNG QUYẾT-ĐỊNH CHUẨN-NHẬN NHỮNG SÁCH GIÁO-KHOA TRƯỚC ĐÂY

Việc duyệt nhận những sách giáo khoa cho dùng trong các trường học đã bài bỏ từ năm 1954. (Nghị-định số 104 GD/NĐ ngày 18 tháng 5 năm 1954).

Để tránh sự hiểu-lầm về giá-trị những sách đã được duyệt-nhận mà ngày nay lỗi thời, để cho các trường học được tự-do trong việc lựa chọn những sách tốt nhất để dùng, không bị ảnh hưởng vì những lời ghi « đã được duyệt-nhận » trên bìa sách, Bộ Quốc-gia Giáo-dục quyết định bài bỏ và thu hồi những quyết-định chuẩn nhận những sách giáo khoa trước đây.

Từ nay, tất cả những sách giáo khoa cũng như những tài liệu giáo khoa đã được chấp nhận không được phép ghi trên bìa, trong sách hoặc bất cứ nơi nào, lời ghi « đã được Bộ Quốc-gia Giáo-dục chuẩn nhận làm sách giáo khoa » hoặc « làm tài liệu giáo khoa ».

4.— CẤM HỌC-SINH HÚT THUỐC, UỐNG RƯỢU

Ông Bộ-Trưởng Quốc-gia Giáo-dục gửi thông-tư cho các cấp học-vụ toàn-quốc, về việc nghiêm cấm học-sinh hút thuốc và uống rượu.

Thông-tư thêm : « Mỗi hiệu-đoàn học-sinh nên đề ra kỷ-luật tuyệt-đồ không được uống rượu và hút thuốc, và nêu cao tinh-thần tự-giác... Các phụ-huynh học-sinh cũng nên giúp sức học-đường, để có kết-quả thực-sự. Bộ Nội-vụ và Bộ Tư-pháp đã thông-cáo nhắc các tiệm ăn, tiệm rượu, những thể-lệ hiện-hành cấm bán rượu cho vị thành-niên, đồng-thời, đã chỉ-thị cho các cơ-quan Cảnh-sát, Công-an và Kiểm-tục truy-tố những chủ-tiệm phạm-pháp. »

5.— MỘT NGHỊ-SĨ HÀN VỚI VĂN-HÓA VIỆT-NAM

Trong dịp sang thăm Việt-nam Cộng-hòa, nghị-sĩ Hàn, — ông Kim Bupling — đã tiếp-xúc Ông Giám-đốc Nha Văn-hóa, Bộ Quốc-gia Giáo-dục.

Nghị-sĩ rất chú-ý đến việc hươc ta dùng mẫu-tự Là-mã trong chữ quốc-ngữ. Thấy thế, ông Giám-đốc Nha Văn-hóa đã tặng nghị-sĩ, một số tài-liệu về cuộc sáng-tạo quốc-ngữ, và chương-trình chống nạn bất-thức tự và thất-học ở Việt-nam.

6.— TRƯỜNG QUỐC-GIA ÂM-NHẠC

Kể từ ngày 18-4-57, ban âm-nhạc thuộc trường Quốc-gia Cao-đẳng Mỹ-thuật, đã đổi thành « Trường Quốc-gia Âm-nhạc, trực thuộc Bộ Quốc-gia Giáo-dục.

Trường mới này đã tổ-chức 2 buổi trình-diễn của nhạc-sinh, vào các ngày 4 và 5 tháng 5 năm 1957, dưới sự chủ-tọa của ông Bộ-trưởng Nguyễn-dương-Đôn.

7.— BẰNG CẤP GIA-CHÍNH

Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục vừa ra nghị-định, mở một cuộc thi lấy bằng Gia-chánh tại Saigon và các tỉnh Nam-phần.

Nữ thí-sinh phải đủ 14 tuổi tính đến ngày 31 tháng 12 năm mở kỳ thi, và phải xuất-trình chứng-chỉ đã học 2 năm tại một cơ-quan công hoạc tư, huấn-luyện về gia-chánh.

8.— MỘT CUỘC DU-NGOẠI CÓ Ý-NGHĨA

Nhân dịp lễ Phục-sinh 1957, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục tổ-chức một cuộc du-ngoại từ 23-4 đến 29-4, cho giáo-chức và học-sinh : một phái-đoàn giáo-chức và học-sinh ở Trung-phần qua thăm các tỉnh Nam-phần, và một phái đoàn Nam phần qua thăm các tỉnh Trung-phần. Mục đích là vừa để thắt-chặt dây đoàn-kết giữa các giáo-chức và học-sinh toàn-quốc, vừa cho thanh-niên hiểu biết thêm cảnh sắc của non-sông.

Chiều 27-4, dưới sự hướng-dẫn của ông Nguyễn-dương-Đôn, Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục, Phái-đoàn Trung-phần đã đến dinh Độc-Lập yết-kiến Tổng-Thống.

Phái-đoàn này gồm 50 nam nữ học-sinh, mới qua thăm các tỉnh miền Tây.

Tổng-Thống đã thân-mật ban huấn từ cho các học-sinh. Sau khi nhận mệnh vào những lợi ích của sự thống nhất ngôn ngữ và vào nền đạo lý cổ truyền, Tổng-Thống nói rằng một trong những điều kiện chính yếu để công cuộc cứu quốc và kiến quốc của Tổng-Thống được thành công là người công dân nào cũng phải tỏ ra sáng suốt và cần cù làm việc. Ngoài ra lại còn phải có một lòng tin tưởng nhiệt-thành và một ý-trí hoạt-động bền-vững.

Ngoài ra, Tổng-Thống còn đề cập đến vấn-đề khác như việc mở trường Đại học ở Huế và việc định-cư các đồng bào tại vùng Cao-nguyên trong khuôn khổ kế hoạch phát triển kinh-tế và xã-hội của Chánh-phủ.

9. — TRIỂN-LÃM HỘI-HOẠ

Cuộc Triển-lãm Hội-hoạ do Hội Việt-Hoa tổ-chức, để trưng bày các tác-phẩm của hoạ-sĩ Ngô-Công-Hồ đã khai mạc hồi 18 giờ ngày 2-5-57, tại phòng Thông-Tin Đô-Thành, số 197 đường Tự-do, dưới quyền chủ-toạ của ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục.

10 — ĐÀO-TẠO GIÁO-VIÊN MẪU-GIÁO.

Ngày 1-4-57, Bộ Quốc-gia Giáo-dục đã thiết-lập tại trường Sư-Phạm, số 4, Đại-lộ Thành-Thái, một lớp mẫu-giáo, để đào-tạo các nam nữ giáo-viên, đầu tiên, cho những lớp mẫu-giáo (từ 4 đến 5 tuổi theo học).

11 — DIỄN-THUYẾT VỀ TRUYỆN KIỆU

Trường Cao-đẳng Sư-Phạm, Bộ Quốc-gia Giáo-dục, tổ chức 4 buổi diễn thuyết về Truyện Kiều dưới quyền chủ-toạ của ông Bộ-Trưởng : ngày 23-5-57 về « Ghen dưới ngọn bút thần của Nguyễn-Du và của Racine », diễn-giả là Ông Nghiêm-Toàn ; ngày 29-5-57, về « Minh-oan cho Kiều », diễn-giả là Bác-sĩ Ngô Quang-Lý ; ngày 6-6-57, về « Nhà Nho đối với truyện Kiều », diễn-giả là Ô. Lê-dình-Kế ; ngày 13-6-57, về « Ngâm Kiều », diễn-giả là Ô. Ung-Thiều.

DIỄN-THUYẾT VỀ NHU-CẦU NHÂN-BẢN

Dưới sự bảo-trợ của hai Viện Đại-học Sài-gòn và Huế, Linh-mục Bonnichon, nguyên khoa-trưởng Luật-khoa Đại-học đường Aurore, Thượng-Hải, đã diễn-thuyết :

— ngày 31-5-57, về « Người và xã-hội » tại Viện Đại-học Saigon,

— 5-6-57, về « Sự phát-sinh của quan-niệm nhân-vị », tại trường Cao-đẳng Sư-phạm.

— 6-6-57, về « Người và khoa kinh-tế », tại Phòng Khánh-tiết Tòa Đô-sảnh Saigon.

— 10-6-57, về « Người và quyền-hành », tại Bộ Tổng Tham-mưu quân-đội Việt-Nam Cộng-Hòa.

13 — NHẬP-HỌC TRƯỜNG KỸ-SU CÔNG-NGHỆ

Bộ Quốc-gia Giáo-dục vừa ra thông-cáo cho biết :

Đến tháng 9 năm 1957, sẽ có kỳ thi nhập học trường Quốc-gia Kỹ-sư Công-nghệ.

h.Những sinh viên sau đây có thể nhập học, sau một kỳ thi :

1.) Những sinh viên đã học tại lớp dự bị (thời hạn học là một năm).

2.) Những sinh viên có Tú Tài Kỹ thuật toàn phần.

3.) Những sinh viên có bằng Tú Tài toàn phần đã học hết lớp Toán học đại cương hay Cao đẳng Toán học.

Mặt khác sẽ có một kỳ thi vào lớp Dự Bị Kỹ sư Công nghệ. Sinh viên muốn nhập học lớp này phải có năng lực Tú Tài toàn phần.

Còn về lớp Tú Tài Kỹ thuật (tại trường Cao Thắng) thì những sinh viên có bằng Tú Tài Khoa học phần I có thể xin nhập học phần II, tùy theo số chỗ còn trống tại trường Kỹ thuật Cao Thắng, hay các trường Kỹ-thuật khác sẽ mở.

Chương trình học của trường Quốc-gia Kỹ sư Công nghệ (thời hạn học 3 năm), có đủ các môn giáo khoa đại cương cũng như ở Đại học, và thêm vào có những môn về Kỹ thuật và kỹ nghệ, luyện tập sinh viên Kỹ sư, để sau này điều khiển các cơ xưởng công hay tư. Trong lúc công cuộc kỹ nghệ hóa nền kinh tế Việt-Nam đang xúc tiến mạnh, các sinh viên kỹ sư chắc chắn sẽ có một tương lai tốt đẹp sau khi mãn khóa.

14. — THỂ-THAO HỌC-SINH

Để phát-huy phong-trào thể-thao học-sinh, các trường trung-học công, tư, trong tháng tư đ.l., đều tham-dự các cuộc đấu bóng chuyền, bóng rổ, và bóng tròn.

Nhân đó, một lễ phát thưởng thể-thao đã được Bộ Quốc-gia Giáo-dục tổ chức, sáng ngày 1-6-57 tại sân Tao-Đàn, Saigon, dưới quyền chủ-toạ của ông Bộ-Trưởng Quốc-gia Giáo-dục, và ông Bộ-Trưởng Thông-tin, Thanh-niên. Ban nhạc Cảnh-sát Đô-thành giúp vui.

Bắt đầu buổi lễ, là diễn-văn của ông Chủ-tịch Quốc-gia cuộc thể-thao học-sinh và sinh-viên, huấn-từ của ông Bộ-Trưởng Quốc-gia Giáo-dục, lời khuyến-kích của ông Bộ-Trưởng Thông-tin, Thanh-niên. Rồi tới cuộc biểu-diễn vận-động tập-thể của học-sinh trường Trương-vĩnh-Ký, và trận chung-kết bóng tròn.

Cuối cùng, là cuộc phát thưởng cho ba trường : trường nữ trung-học Gia-Long vô-địch bóng rổ, trường Nguyễn-bá-Tông vô-địch bóng chuyền, và trường Tân-Thịnh, vô-địch bóng tròn.

II — TỔNG-THỐNG THĂM MỸ-QUỐC

Đáp lời mời của Tổng-Thống Eisenhower, Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-hoà, sáng 5-5-57, đã rời Saigon, để sang thăm v.ẽng chính-thức Hợp-chúng quốc.

Ngô Tổng-Thống tới Hoa-thịnh-Đốn ngày 9-5-57. Hơn 100 ngàn dân chúng Mỹ tụ-tập dọc hai bên đường, đã phát cờ Việt-Nam và hoan-ngheh.

Ngày 23-5-57, Tổng-Thống đã về tới Việt-Nam. Suốt từ phi-trường Tân-Sơn-Nhất đến dinh Độc-lập, trên 30.000 đồng-bào đã đứng đón, để tỏ lòng hoan-ngheh và tri-ân.

B— TIN NGOÀI NƯỚC

I.— THUỐC TRỪ BỆNH LAO.

Bác-sĩ Nhật Mamas Unezawa, trưởng ban thuốc trụ-sinh tại Viện Y-tế quốc-gia Nhật, loan báo tại Đại hội vi-trùng học Nhật ở thị-trấn Chiba, rằng : một loại thuốc trụ-sinh mới, mệnh-danh Kanamycine, vừa được phát-minh ở Nhật.

Thuốc này có hiệu-lực đối với vi-trùng Koch nào, mà thuốc trụ-sinh Streptomycine không còn linh-nghiệm.

II.— HỌC-BỔNG TU-NGHIỆP

Cơ-quan viện trợ Mỹ (Usom) dự-cấp về niên-học 1957-58, các học-bông như sau, để học-sinh Việt-nam sang du-học ở Mỹ-quốc :

- 47 học-bông về Canh-nông,
- 24 — Giao-thông,
- 32 — Y-tế và vệ-sinh,
- 57 — Giáo-dục,
- 27 — Hành-chánh.

III.— HỌC-BỔNG.

Phái-đoàn Viện-trợ Kinh-tế và Kỹ-thuật Pháp dự-cấp về niên-học 1957-58, 40 học-bông, 20 cho các công-chức, và 20 cho các nam nữ sinh-viên, để theo học tại các trường Đại-học Pháp.

IV.— ÁI-HỮU VIỆT-KIỀU TẠI HOA-THỊNH-ĐỐN.

Thành-lập ngày 8.7.1956, Hội Ái-hữu Việt-kiều tại Mỹ đã luôn luôn hoạt-động. Ngoài ban chấp-hành, Hội còn gồm có 5 ban khác :

- ban Tham-vấn,
- ban Thông-tin, đã xuất-bản hàng tháng tờ « Lá thư Việt-kiều ».
- ban Văn-Hoá,
- ban Đón-tiếp,
- và ban Thể-thao.

Điều đáng chú ý, là không những Ái-hữu thắt dây đoàn kết giữa các Việt-kiều trên đất Mỹ, mà còn luôn luôn nghĩ tới đồng bào ở chốn quê-hương xa-vắng. Hội sẽ tổ chức cuộc xò số, thu được 181 mỹ-kim, để giúp nạn-nhân bị bão miền Hậu-giang. Về dịp Tết Nguyên-Đán vừa qua, Hội có trình bày vở kịch « Giao thừa » của Vũ-khắc-Khoan, do ông Nguyễn-đình-Hòa tập dượt, diễn-viên đều được đài tiếng nói Huế-Kỳ khen ngợi.

V.— VIỆT-NGŨ

Ủy-ban Thường-trực các trường Cao-đẳng Thương-mại Pháp, sau khi nghiên-cứu các đề-nghị của giáo-sư Meillon, đã quyết-định ghi tiếng Việt vào chương-trình sinh-ngữ của các trường Cao-đẳng Thương-mại Pháp.

IN TẠI NHÀ IN

LỬA SỐNG

355, Võ-di-Nguy Phú-Nhuận
SAIGON